

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HCM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG TIẾNG ANH

TP. HCM – Năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-LTT-ĐT, ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố HCM)

Tên ngành, nghề: TIẾNG ANH

Mã ngành, nghề: 6220206

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy (Tín chỉ)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo Cử nhân ngành tiếng Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu xã hội và của nền kinh tế hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức

- Kiến thức chung: Có kiến thức về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội để tiếp thu kiến thức giáo dục nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ;

- Kiến thức chuyên ngành: Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các bình diện ngôn ngữ Anh như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, kiến thức về quy tắc giao tiếp - văn hoá, khả năng nhận biết bày được việc sử dụng các mô hình tương tác khác nhau trong tiếng Anh, và sự nhận biết bày được được những giá trị văn hóa tương ứng; có kiến thức chuyên sâu và kỹ thuật biên dịch, kiến thức về khoa học sư phạm, cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh làm tiền đề cho công việc dịch thuật và giảng dạy;

- Kiến thức bổ trợ: Đạt trình độ trình độ A Quốc gia hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương về một trong các ngôn ngữ: Hoa, Pháp, Đức, Nhật, Tây Ban Nha hoặc Hàn Quốc; đạt trình độ B về tin học ứng dụng.

Kỹ năng

Sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn tương đương với trình độ B2 của Hội đồng Châu Âu hoặc bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Có khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến vào công tác chuyên môn, có kỹ năng làm việc theo nhóm, quản

lí nhóm và nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học, văn hóa - văn minh của các nước cộng đồng Anh ngữ.

Thái độ

Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỉ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, thái độ làm việc theo nhóm và làm việc độc lập tốt, có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Đào tạo sinh viên ngành Tiếng Anh có đủ kiến thức và kĩ năng để có thể làm việc tốt ở các vị trí sau:

- Lĩnh vực kinh tế thương mại: Thư ký, trợ lý ngôn ngữ, nhân viên văn phòng, phụ trách giao dịch thư tín, lễ tân trong các nhà máy, công ty đa quốc gia, công ty nhà nước có đối tác sử dụng tiếng Anh;

- Lĩnh vực du lịch: Nhân viên văn phòng du lịch, bộ phận chăm sóc khách hàng của khách sạn, nhà hàng có khách hàng sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giao tiếp;

- Lĩnh vực giáo dục: Trợ giảng cho giảng viên bản ngữ tại các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;

- Các lĩnh vực, vị trí công tác khác: Biên dịch tự do, nhân viên tại các cơ quan ngoại giao, văn phòng đại diện, tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế cần nhân lực sử dụng được tiếng Anh như ngôn ngữ văn phòng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **41**

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **90** tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **495** giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1410** giờ

- Khối lượng lý thuyết: **810** giờ; Thực hành, thực hành, thí nghiệm: **1095** giờ

- Thời gian khóa học: 2,5 năm

3. Nội dung chương trình:

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/ đại cương	28	495	212	255	28
LLCT104	Giáo dục Chính trị	4(3,1,7)	75	41	29	5
LLCT105	Pháp luật	2(2,0,4)	30	18	10	2

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
KHCB105	Giáo dục thể chất (*)	2(0,2,1)	60	5	51	4
KHCB107	Giáo dục quốc phòng và An ninh (*)	4(3,1,7)	75	36	35	4
CNTT101	Tin học	4(1,3,4)	75	15	58	2
KHCB141	Ngoại ngữ 1	4(2,2,5)	60	21	36	3
KHCB142	Ngoại ngữ 2	4(2,2,5)	60	21	36	3
KT101	Kỹ năng mềm (*)	4(4,0,8)	60	55		5
II	Các môn học chuyên môn ngành, nghề	62	1410	536	840	34
<i>II.1</i>	<i>Môn học cơ sở</i>	<i>18</i>	<i>300</i>	<i>226</i>	<i>60</i>	<i>14</i>
KHCB108	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB109	Ngữ pháp Tiếng Anh 2	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB110	Ngữ âm và âm vị học	3(3,0,6)	45	43		2
KHCB112	Nghe 1	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB115	Nói 1	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB118	Đọc 1	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB121	Viết	3(3,0,6)	45	43		2
KHCB122	Thực hành Viết 1	2(0,2,1)	60		60	
<i>II.2</i>	<i>Môn học chuyên môn ngành</i>	<i>36</i>	<i>990</i>	<i>198</i>	<i>780</i>	<i>12</i>
KHCB111	Hình vị học	3(3,0,6)	45	43		2
KHCB113	Nghe 2	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB114	Thực hành Nghe	2(0,2,1)	60		60	
KHCB116	Nói 2	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB117	Nói 3	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB119	Đọc 2	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB123	Thực hành Viết 2	2(0,2,1)	60		60	
KHCB124	Thực hành Biên dịch 1	2(0,2,1)	60		60	
KHCB125	Thực hành Biên dịch 2	2(0,2,1)	60		60	
KHCB126	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2(0,2,1)	60		60	

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
KHCB128	Tiếng Anh Kinh doanh	2(0,2,1)	60		60	
KHCB129	Tiếng Anh Du lịch	2(0,2,1)	60		60	
KHCB130	Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng	3(3,0,6)	45	43		2
KHCB131	Đồ án môn học Du lịch	1(0,1,0)	45		45	
KHCB132	Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự	1(0,1,0)	45		45	
KHCB133	Thực tập tốt nghiệp	6(0,6,0)	270		270	
II.3	<i>Môn học tự chọn (chọn 4 trong 9 môn học)</i>	8	120	112		8
KHCB150	Tiếng Anh Thư điện tử	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB151	Tiếng Anh Hội họp	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB152	Tiếng Anh Đàm phán	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB153	Tiếng Anh Thuyết trình	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB154	Tiếng Anh Tiếp thị & quảng cáo	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB155	Tiếng Anh Nhà hàng	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB156	Tiếng Anh Kỹ thuật	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB157	Tiếng Anh Điện thoại	2(2,0,4)	30	28		2
KHCB158	Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe	2(2,0,4)	30	28		2
Tổng cộng		90	1905	748	1095	62

Các môn học được gắn dấu (*), Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh và Kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học tập nhưng là môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp.

4. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tên môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
Học kỳ 1			18		
<i>Môn học bắt buộc</i>			<i>18</i>		
1	KHCB107	Giáo dục quốc phòng và An ninh	4(3,1,7)		
2	KHCB105	Giáo dục thể chất	2(0,2,1)		

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tên môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
3	KT101	Kỹ năng mềm	4(4,0,8)		
4	LLCT104	Giáo dục Chính trị	4(3,1,7)		
5	KHCB108	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	2(2,0,4)		
6	KHCB112	Nghe 1	2(2,0,4)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 2			20		
<i>Môn học bắt buộc</i>			16		
1	KHCB109	Ngữ pháp Tiếng Anh 2	2(2,0,4)	KHCB108(a)	
2	KHCB110	Ngữ âm và âm vị học	3(3,0,6)		
3	KHCB113	Nghe 2	2(2,0,4)	KHCB112(a)	
4	KHCB115	Nói 1	2(2,0,4)		
5	KHCB118	Đọc 1	2(2,0,4)		
6	KHCB121	Viết	3(3,0,6)		
7	KHCB128	Tiếng Anh Kinh doanh	2(0,2,1)		
<i>Môn học tự chọn (chọn 2 trong 5 môn học)</i>			4		
8	KHCB150	Tiếng Anh Thư điện tử	2(2,0,4)		
9	KHCB157	Tiếng Anh Điện thoại	2(2,0,4)		
10	KHCB151	Tiếng Anh Hội họp	2(2,0,4)		
11	KHCB158	Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe	2(2,0,4)		
12	KHCB156	Tiếng Anh Kỹ thuật	2(2,0,4)		
Học kỳ 3			24		
<i>Môn học bắt buộc</i>			24		
1	KHCB141	Ngoại ngữ 1	4(2,2,5)		
2	CNTT101	Tin học	4(1,3,4)		
3	LLCT105	Pháp luật	2(2,0,4)		
4	KHCB111	Hình vị học	3(3,0,6)		
5	KHCB116	Nói 2	2(2,0,4)	KHCB115(a)	
6	KHCB119	Đọc 2	2(2,0,4)	KHCB118(a)	
7	KHCB122	Thực hành Viết 1	2(0,2,1)	KHCB121(a)	
8	KHCB124	Thực hành Biên dịch 1	2(0,2,1)		
9	KHCB114	Thực hành Nghe	2(0,2,1)	KHCB113(a)	
10	KHCB131	Đồ án môn học Du lịch	1(0,1,0)		
<i>Môn học tự chọn</i>			0		
Học kỳ 4			22		
<i>Môn học bắt buộc</i>			18		
1	KHCB142	Ngoại ngữ 2	4(2,2,5)	KHCB141(a)	

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tên môn học: Học trước (a) Song hành (b)	Ghi chú
2	KHCB129	Tiếng Anh Du lịch	2(0,2,1)		
3	KHCB117	Nói 3	2(2,0,4)	KHCB116(a)	
4	KHCB123	Thực hành Viết 2	2(0,2,1)	KHCB122(a)	
5	KHCB126	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2(0,2,1)		
6	KHCB130	Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng	3(3,0,6)		
7	KHCB125	Thực hành Biên dịch 2	2(0,2,1)	KHCB124(a)	
8	KHCB132	Đồ án môn học Hành chính – Nhân sự	1(0,1,0)		
<i>Môn học tự chọn (chọn 2 trong 4 môn học)</i>			4		
9	KHCB152	Tiếng Anh Đàm phán	2(2,0,4)		
10	KHCB153	Tiếng Anh Thuyết trình	2(2,0,4)		
11	KHCB154	Tiếng Anh Tiếp thị & quảng cáo	2(2,0,4)		
12	KHCB155	Tiếng Anh Nhà hàng	2(2,0,4)		
		Học kỳ 5	6		
1	KHCB133	Thực tập tốt nghiệp	6(0,6,0)		
	Tổng cộng		90		

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

5.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Đề sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá vào thời điểm phù hợp.

5.2. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

Thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố HCM ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM.

5.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố HCM ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM.

5.4. Các chú ý khác (nếu có)

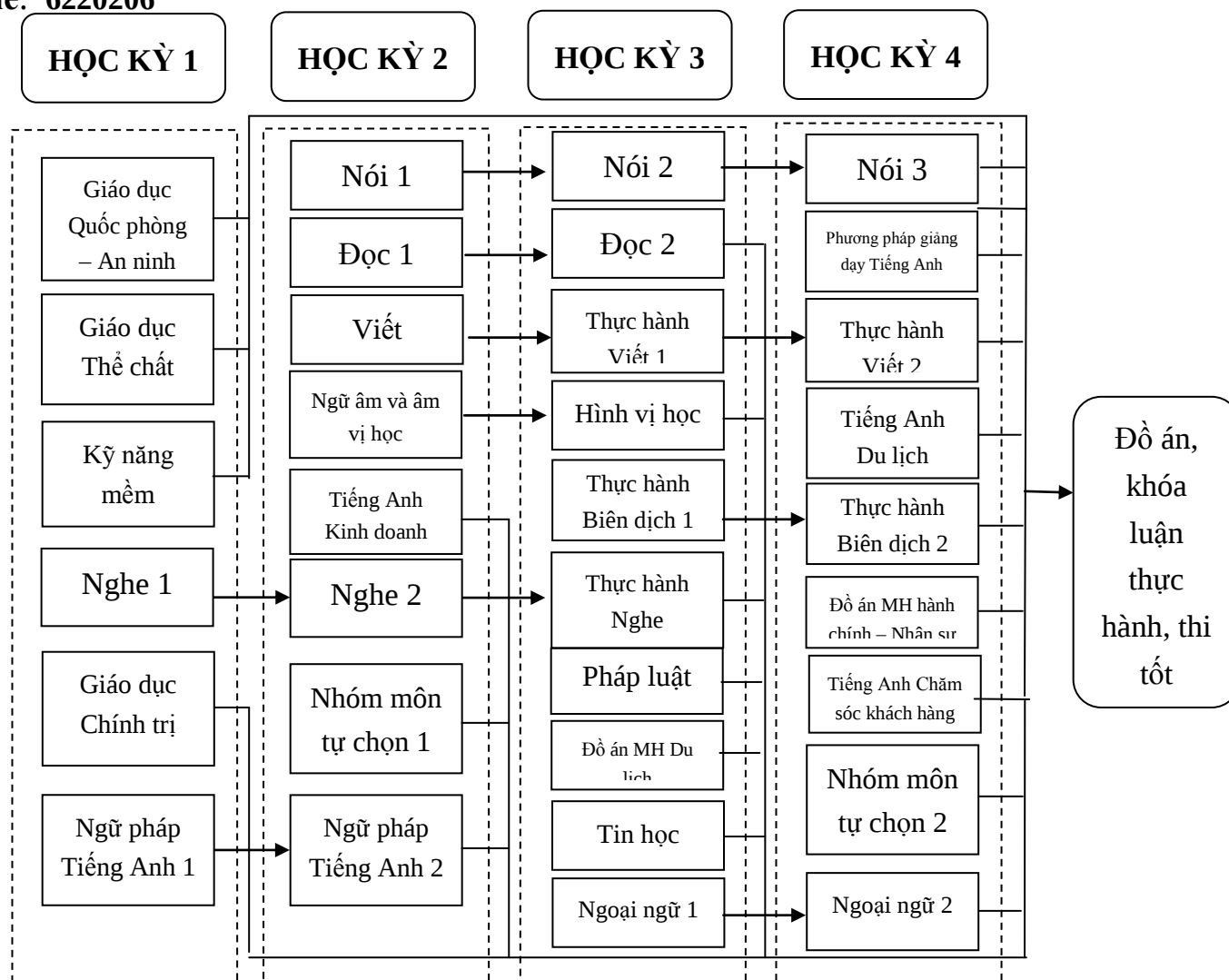
Thành phố HCM, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Tiếng Anh

Mã ngành, nghề: 6220206



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngữ pháp Tiếng Anh 1

Mã môn học: KHCB108

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 1 là Môn học cơ sở thuộc nhóm các môn học chuyên môn ngành, giúp cho sinh viên ôn lại các kiến thức ngữ pháp đã được học ở bậc phổ thông và khai thác sâu hơn một cách có hệ thống những kiến thức từ thấp lên cao.

Môn học thống kê một cách có hệ thống các cấu trúc cần thiết của ngữ pháp tiếng Anh, giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quan về ngữ pháp của tiếng Anh. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng ngữ pháp vào các kỹ năng khác của ngôn ngữ, đi đến việc sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo hơn trong thực tiễn.

– Tính chất:

Môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 1 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lý thuyết. Chương trình học gắn liền với việc hình thành các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thông qua sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp. Các điểm ngữ pháp tiếng Anh được trình bày ở dạng phân tích chi tiết kiến thức.

Sinh viên khai thác sâu hơn những kiến thức về ngữ pháp từ cấp độ cơ bản đến nâng cao để làm nền tảng cho sinh viên chuẩn bị tiếp cận tiếng Anh ở cấp độ bao quát hơn, tổng hợp hơn ở môn học sau.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể có được các khả năng:

Trình bày được toàn diện và sâu sắc hơn về các quy luật ngữ pháp, cấu trúc câu, mệnh đề, từ loại trong tiếng Anh. Vận dụng vào thực tiễn trong các tình huống giao tiếp nghe, nói và viết một cách hiệu quả.

– Kỹ năng:

Vận dụng các quy luật ngữ pháp một cách hiệu quả. Vận dụng những kiến thức ngữ pháp trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ tích cực trong công việc, chính chu trong việc soạn thảo các loại văn bản, đúng ngữ pháp, đúng chủ đề, đúng thể thức văn bản hiện hành cho từng loại công việc, từng công ty chủ quản, tương ứng với quy định của quốc gia.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Part 1 Words and sentences	4	4		
2	Part 2 Verbs	4	4		
3	Part 3 Question, negative and answers	4	4		
4	Test 1	1			1
5	Part 4 Modal verbs	4	4		
6	Part 5 The passive	4	4		
7	Test 2	1			1
8	Part 6 The infinitives and -ing verbs	4	4		
9	Part 7 Noun and articles	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

1. Nội dung chi tiết:

Part 1: Words and sentences

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, sinh viên có khả năng:

Sử dụng kiến thức về từ và các dạng câu trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Word classes: nouns, verbs, adjectives

2.2. Sentence structure: subject, verb, object

2.3. Direct and indirect objects

Part 2: Verbs

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, sinh viên có khả năng:

Vận dụng kiến thức về các cách chia động từ theo các thì trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Present Continuous

- 2.2. Present Simple
- 2.3. Present Continuous or Present Simple
- 2.4. State verbs and action verbs
- 2.5. Past Simple
- 2.6. Past Continuous
- 2.7. Past Continuous or Past Simple
- 2.8. Present Perfect (1)
- 2.9. Present Perfect (2): just, already, yet, for and since
- 2.10. Present Perfect (3): ever, this week
- 2.11. Present Perfect or Past Simple (1)
- 2.12. Present Perfect Continuous (2)
- 2.13. Present Perfect Continuous
- 2.14. Present Perfect Continuous or Simple
- 2.15. Past Perfect
- 2.16. Review
- 2.17. Past Perfect Continuous
- 2.18. Review of Present and past tenses
- 2.19. **Will** and **shall**
- 2.20. **Be going to**
- 2.21. **Will** and **be going to**
- 2.22. Present tenses for the future
- 2.23. When I get there, before you leave, etc.
- 2.24. **Will be doing**
- 2.25. **Will have done** and **was going to**
- 2.26. Review of the future
- 2.27. The verb **have**
- 2.28. Short form (**it's, don't**)
- 2.29. Emphatic **do**

Part 3: Questions, negatives and answers

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, sinh viên có khả năng
Sử dụng kiến thức về các dạng câu hỏi, các thể phủ định.
Chọn lọc được cách thức trả lời các dạng câu hỏi.

2. Nội dung chương:
 - 2.1. 'Yes/no' questions
 - 2.2. Short answers
 - 2.3. Wh-questions
 - 2.4. Subject/object questions
 - 2.5. Preposition in wh-questions
 - 2.6. **Who, what** or **which**
 - 2.7. Negative statements
 - 2.8. Negative questions
 - 2.9. Question tags
 - 2.10. **So/Neither do I** and **I think so**

Part 4: Modal verbs

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức về các loại động từ khiếm khuyết.

Sử dụng đúng ngữ pháp các loại động từ khiếm khuyết.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Ability: can, could and be able to
 - 2.2. Permission: can, may, could and be allowed to
 - 2.3. Possibility and certainty: may, might, could, must, etc
 - 2.4. Necessity: must and have to
 - 2.5. Necessity: mustn't, needn't, etc
 - 2.6. Should, ought to, had better and be supposed to
 - 2.7. Asking people to do things
 - 2.8. Suggestions, offers and invitations
 - 2.9. Will, would, shall and should
 - 2.10. It may/could/must have been, etc

Part 5: The passive

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức về các thể và cấu trúc bị động.

Vận dụng kiến thức về các thể và cấu trúc bị động.
2. Nội dung chương:

- 2.1. Passive verb forms
- 2.2. Active and passive (1)
- 2.3. Active and passive (2)
- 2.4. Special passive structures
- 2.5. Have something done
- 2.6. To be done and being done

Part 6: The infinitive and -ing verbs

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 6, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức về các hình thái và chức năng của động từ trong câu.

Chọn lọc kiến thức về các hình thái và chức năng của động từ trong câu.

Sử dụng kiến thức về các hình thái và chức năng của động từ trong câu.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Verb + to-infinitive
- 2.2. Verb + ing-form
- 2.3. Verb + to-infinitive or verb + ing-form?
- 2.4. Like, start, etc
- 2.5. Remember, regret, try, etc
- 2.6. Verb + object + to-infinitive or ing-form
- 2.7. Question word + to-infinitive
- 2.8. Adjective + to-infinitive
- 2.9. For with the to-infinitive
- 2.10. The infinitive with and without to
- 2.11. Verb/Adjective + preposition + ing-form
- 2.12. Afraid to do or afraid of doing?
- 2.13. Used to do and be used to doing
- 2.14. Preposition or linking word + ing-form
- 2.15. See it happen or see it happening?
- 2.16. Some structures with the ing-form

Part 7: Nouns and articles

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức về danh từ và mạo từ.

Sử dụng đúng ngữ pháp các danh từ và mạo từ trong nhiều tình huống khác nhau.

2. Nội dung chương:

2.1. Ship and water: countable and uncountable nouns

2.2. A carton of milk, a piece of information, etc

2.3. Nouns that can be either countable or uncountable

2.4. Agreement

2.5. Singular or plural?

2.6. Pair nouns and group nouns

2.7. Two nouns together

2.8. A/an and the (1)

2.9. A/an and the (2)

2.10. A/an, one and some

2.11. Cars or the cars?

2.12. Prison, school, bed, etc

2.13. On Friday, for lunch, etc

2.14. Quite a, such a, what a, etc

2.15. Place names and the

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng đúng chuẩn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

2. Trang thiết bị máy móc: phòng lab, máy cassette, máy chiếu, laptop...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tranh ảnh, phấn màu, nam châm...

John Eastwood (2006). *Intermediate Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Trình bày được bày được sâu sắc và toàn diện các chủ điểm ngữ pháp.

- Kỹ năng:

Vận dụng các quy luật ngữ pháp đã học vào các kỹ năng khác của ngôn ngữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự học và tự lên kế hoạch rèn luyện.

2. Phương pháp:

Giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy phù hợp với từng kỹ năng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

Hình thức thi: Tự luận hoặc Trắc nghiệm tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng năm học

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 1 được áp dụng để giảng dạy cho sinh viên ngành Tiếng Anh bậc Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Giảng viên nên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu kiến thức trước khi đến lớp. Việc nghiên cứu được tiến hành qua hình thức nhóm, thảo luận ở nhà và thuyết trình tại lớp, với sự đôn đốc, kiểm tra thường xuyên của giảng viên. Nên đặt ra những câu hỏi giúp sinh viên thảo luận, làm nổi bật trọng tâm của vấn đề

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giảng viên để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Danh từ, động từ, thể bị động, câu hỏi và cách trả lời câu hỏi.

4. Tài liệu tham khảo:

Raymond Murphy (2006). *English Grammar In Use*. Third edition. Cambridge: Cambridge University Press.

Betty Schramper Azar (1989). *Understanding and Using English Grammar*. New Jersey: Prentice Hall Regents

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngữ pháp Tiếng Anh 2

Mã môn học: KHCB109

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 2 là môn học cơ sở thuộc nhóm các môn học chuyên môn ngành, chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh giúp cho sinh viên tiếp tục phát huy các kiến thức trên nền tảng của môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 1; từ đó, làm cơ sở vững chắc cho việc phát triển các kĩ năng khác trong tiếng Anh

– Tính chất:

Chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 2 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lí thuyết, gắn liền với việc hình thành các kĩ năng sử dụng ngôn ngữ. Chương trình hệ thống từ thấp lên cao các khái niệm ngữ pháp, từ đó có thể so sánh với tiếng Việt và vận dụng trong giao tiếp. Môn học học này cũng giúp sinh viên các kiến thức bổ trợ để học môn học khác.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể có:

Trình bày được toàn diện và sâu sắc hơn về các quy luật ngữ pháp, cấu trúc câu, mệnh đề, từ loại trong tiếng Anh. Vận dụng vào thực tiễn trong các tình huống giao tiếp nghe, nói và viết một cách hiệu quả.

– Kĩ năng:

Vận dụng các quy luật ngữ pháp một cách hiệu quả.

Chọn lọc những kiến thức đã học được để sử dụng trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ tích cực trong công việc, chính chu trong việc soạn thảo các loại văn bản, đúng ngữ pháp, đúng chủ đề, đúng thể thức văn bản hiện hành cho từng loại công việc, từng công ty chủ quản, tương ứng với quy định của quốc gia.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Part 1 This, my, some, a lot of, etc	3	3		
2	Part 2 Pronouns	3	3		
3	Part 3 Adjective and adverbs	3	3		
4	Test 1	1			1
5	Part 4 Prepositions	3	3		
6	Part 5 Verbs with prepositions and Adverbs	3	3		
7	Part 6 Reported speech	3	3		
8	Test 2	1			1
9	Part 7 Relative Clauses	3	3		
10	Part 8 Conditionals and wish	3	3		
11	Part 9 Linking words	3	3		
12	Review	1	1		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 This, my, some, a lot of, etc

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, sinh viên có khả năng

Chọn lọc kiến thức về mạo từ, đại từ trong tiếng Anh.

Sử dụng lưu loát mạo từ, đại từ trong giao tiếp, trong biên soạn văn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. This, that, these and those

2.2. My, your, etc and mine, yours, etc

2.3. The possessive form and of

2.4. Some and any

2.5. A lot of, many, much, (a) few and (a) little

2.6. All, half, most, some, no and none

2.7. Every, each, whole, both, either and neither

Part 2 Pronouns

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, sinh viên có thể

Trình bày lưu loát kiến thức về các loại đại từ trong tiếng Anh

Sử dụng mạo từ tiếng Anh nhuần nhuyễn.

2. Nội dung chương:

2.1. Personal pronouns, e.g. I, you

2.2. There and it

2.3. Reflexive pronouns

2.4. Emphatic pronouns and each other

2.5. The pronoun one/ones

2.6. Everyone, something, etc

Part 3 Adjective and adverbs

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức về vị trí và chức năng của các tính từ, trạng từ trong tiếng Anh.

Sử dụng lưu loát và đúng ngữ pháp tính từ, trạng từ trong giao tiếp và trong soạn thảo văn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Adjectives

2.2. The order of adjectives

2.3. The old, the rich, etc

2.4. Interesting and interested

2.5. Adjective or adverb? (1)

2.6. Adjective or adverb? (2)

2.7. Comparative and superlative forms

2.8. Comparative and superlative patterns (1)

2.9. Comparative and superlative patterns (2)

2.10. Adverbs and word order

2.11. Yet, still and already

2.12. Adverbs of degree, e.g. very, quite

2.13. Quite and rather

2.14. Too and enough

Part 4 Prepositions

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức về giới từ trong tiếng Anh trong các tình huống.

Sử dụng tốt giới từ trong tiếng Anh trong các tình huống.

2. Nội dung chương:

2.1. Prepositions of place

2.2. In, on and at (place)

2.3. In, on and at (time)

2.4. For, since, ago and before

2.5. During or while? By or until? As or like?

2.6. Preposition + noun, e.g. on holiday

2.7. Noun + preposition, e.g. trouble with

2.8. Adjective + preposition, e.g. proud of

Part 5 Verbs with prepositions and adverbs

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5, sinh viên có khả năng:

Chọn lọc kiến thức về giới từ và trạng từ.

Sử dụng được chính xác các tình huống động từ đi kèm với giới từ, trạng từ.

2. Nội dung chương:

2.1. Verbs with prepositions and adverbs

2.2. Prepositional verbs, e.g. wait for

2.3. Verb + object + preposition

2.4. Phrasal verbs (1)

2.5. Phrasal verbs (2)

2.6. Phrasal verbs (3)

2.7. Verb + adverb + preposition

Part 6 Reported speech

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 6, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức về mẫu câu tường thuật.

Sử dụng được các dạng câu tường thuật trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Direct speech and reported speech

2.2. Reported speech: person, place and time

2.3. Reported speech: the tense change

2.4. Reported questions

2.5. Reported requests, offers, etc

Part 7 Relative clauses

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7, sinh viên có khả năng

Trình bày kiến thức về các mệnh đề quan hệ.

Sử dụng đúng cách các mệnh đề quan hệ trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Relative clauses with who, which and that

2.2. The relative pronoun as object

2.3. Prepositions in relative clauses

2.4. Relative structures with whose, what and it

2.5. The use of relative clauses

2.6. Relative pronouns and relative adverbs

2.7. Relative clauses: participle and to-infinitive

Part 8 Conditionals and wish

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 8, sinh viên có khả năng:

Chọn lọc kiến thức các dạng câu điều kiện và câu ao ước.

Sử dụng được đúng ngữ pháp các dạng câu điều kiện và câu ao ước.

2. Nội dung chương:

2.1. Conditionals (1)

2.2. Conditionals (2)

2.3. Conditionals (3)

2.4. Review of conditionals

2.5. If, when, unless and in case

2.6. Wish and if only

Part 9 Linking words

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 9, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức về các dạng từ nối trong tiếng Anh.

Sử dụng tốt các dạng từ nối trong tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. But, although and in spite of

2.2. To, in order to, so that and for

2.3. Review of linking words

2.4. Links across sentences

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng đúng chuẩn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

2. Trang thiết bị máy móc: phòng lab, máy cassette, máy chiếu, laptop...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tranh ảnh, phần màu, nam châm...

John Eastwood (2006). *Intermediate Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Sinh viên Trình bày được bày được sâu sắc và toàn diện các chủ điểm ngữ pháp.

- Kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng vận dụng các quy luật ngữ pháp đã học vào các kỹ năng khác của ngôn ngữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có tinh thần tự học và tự lên kế hoạch rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ đúng ngữ pháp.

2. Phương pháp:

Giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy và đánh giá phù hợp với từng kỹ năng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

Hình thức thi: Tự luận hoặc Trắc nghiệm tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng năm học

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Ngữ pháp Tiếng Anh 2 được áp dụng để giảng dạy cho sinh viên ngành Tiếng Anh bậc Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Giảng viên nên hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu kiến thức trước khi đến lớp. Việc nghiên cứu được tiến hành qua hình thức nhóm, thảo luận ở nhà và thuyết trình tại lớp, với sự đôn đốc, kiểm tra thường xuyên của giảng viên. Nên đặt ra những câu hỏi giúp sinh viên thảo luận, làm nổi bật trọng tâm của vấn đề

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giáo viên để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cách sử dụng trạng từ, tính từ, từ nối, các dạng câu điều kiện.

4. Tài liệu tham khảo:

Raymond Murphy (2006). *English Grammar In Use*. Third edition. Cambridge: Cambridge University Press.

Betty Schramper Azar (1989). *Understanding and Using English Grammar*. New Jersey: Prentice Hall Regents

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Ngữ âm và âm vị học

Mã môn học: KHCB110

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Chương trình môn học Ngữ âm và âm vị học là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Phiên dịch Tiếng Anh Thương mại Bậc Cao đẳng, giới thiệu các đặc điểm cơ bản của ngữ âm tiếng Anh, hệ thống âm vị và các đặc điểm của các âm vị

– Tính chất:

Môn học Ngữ âm và âm vị học là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành khả năng nói chính xác theo giọng bản ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Ngữ âm và âm vị học; sinh viên, sinh viên:

Trình bày được các đặc điểm cơ bản của ngữ âm tiếng Anh và hệ thống âm vị và các đặc điểm của chúng;

Trình bày được được các yếu tố siêu đoạn tính như trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệu và các chức năng của chúng, trên cơ sở đó sinh viên có thể củng cố và phát triển năng lực Thực hành giao tiếp bằng ngoại ngữ;

Vận dụng kiến thức đã học vào việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai như có thể dạy được các phần liên quan tới lý thuyết tiếng trong chương trình phổ thông.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng phát âm chính xác và dần dần hoàn thiện khả năng nghe và nói lưu loát.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần làm việc và hợp tác nhóm một cách linh hoạt và năng động, rèn luyện ý thức tự học, tự nghiên cứu. Có thái độ yêu nghề nghiệp trong tương lai giúp sinh viên thăng tiến trên con đường sự nghiệp của bản thân.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Part 1 Introduction	1	1		1
2	Part 2 The production of speech sounds	6	6		
3	Part 3 Long vowels, diphthongs and triphthongs	5	5		
4	Part 4 Voicing and consonants	4	4		
5	Test 1	1			
6	Part 5 Phonemes and symbols	1	1		1
7	Part 6 Fricatives and affricates	3	3		
8	Part 7 Nasals and other consonants	3	3		
9	Part 8 The syllable	2	2		
10	Test 2	1			
11	Part 9 Stress	6	6		
12	Part 10 Aspects of connected speech	4	4		
13	Part 11 Intonation	4	4		
14	Part 12 Varieties of English pronunciation	2	2		
15	Review	2	2		
Tổng cộng		45	43	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 Introduction

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 1, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cấu trúc của môn học, được giới thiệu website của môn học;

Trình bày được các khái niệm cơ bản về Ngữ âm học và âm vị.

2. Nội dung chương:

2.1. How the course is organised

2.2. The English Phonetics and Phonology website

2.3. Phonemes and other aspects of pronunciation

2.4. Accents and dialects

Part 2 The production of speech sounds

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 2, sinh viên có khả năng nhận biết được các cơ quan phát âm tạo nên các loại âm riêng biệt. Sử dụng đúng kỹ thuật để phát âm chính xác.

2. Nội dung chương:

2.1. Articulators above the larynx

2.2. Vowel and consonant

2.3. English short vowels

Part 3 Long vowels, diphthongs and triphthongs

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 3, sinh viên có khả năng

Trình bày được các loại nguyên âm đơn, kép.

Phát âm chính xác các loại nguyên âm đơn, kép.

2. Nội dung chương:

2.1. English long vowels

2.2. Diphthongs

2.3. Triphthongs

Part 4 Voicing and consonants

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 4, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các loại phụ âm, âm thanh, âm vị.

2. Nội dung chương:

2.1. The larynx

2.2. Respiration and voicing

2.3. Plosives

2.4. English plosives

2.5. Fortis and lenis

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Part 5 Phonemes and symbols

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 5, sinh viên có khả năng:

Trình bày được khái niệm âm vị và kí hiệu âm vị.

2. Nội dung chương:

2.1. The phoneme

2.2. Symbols and transcription

2.3. Phonology

Part 6 Fricatives and affricatives

Thời gian: 3 giờ

Học xong phần 6, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các loại nguyên âm khác nhau được tạo nên bởi các cơ quan phát âm. Phát âm chính xác các loại nguyên âm trên.

2. Nội dung chương:

2.1. Production of fricatives and affricatives

2.2. The fricatives of English

2.3. The affricatives of English

2.4. Fortis consonants

Part 7 Nasals and other consonants

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 7, sinh viên có khả năng

Trình bày được thế nào là âm thanh phát ra từ mũi, phân biệt âm mũi với các loại phụ âm khác.

2. Nội dung chương:

2.1. Nasals

2.2. The consonant l

2.3. The consonant r

2.4. The consonant j and w

Part 8 The syllable

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 8, sinh viên có khả năng

Trình bày được thế nào là âm tiết, phân biệt các loại âm tiết mạnh và nhẹ. Thực hành cách phát âm đúng các kiểu âm tiết.

2. Nội dung chương:

2.1. The nature of the syllable

2.2. The structure of the English syllable

2.3. Syllable division

2.4. Strong and weak syllable

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Part 9 Stress

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 9, sinh viên có khả năng

Phân biệt được phần nhấn mạnh trong từ đơn giản, từ phức tạp

Thực hành được các kiểu nhấn mạnh.

2. Nội dung chương:

2.1. The nature of stress

2.2. Levels of stress

2.3. Placement of stress within word

2.4. Complex words

2.5. Compound words

2.6. Variable stress

Part 10 Aspects of connected speech

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 10, sinh viên có khả năng thực hiện các kiểu nói lướt, nói có âm vần, đọc nối từ, đồng hóa âm tiết.

2. Nội dung chương:

2.1. Rhythm

2.2. Assimilation

2.3. Elision

2.4. Linking

Part 11 Intonation

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 11, sinh viên có khả năng hiểu và áp dụng được ngữ điệu trong lời nói.

2. Nội dung chương:

2.1. Intonation 1: form and function in intonation; tone and tone languages

2.2. Intonation 2: the tone unit, the structure of tone unit

2.3. Intonation 3: fall-rise and rise-fall tone followed by a tail; high and low heads

Part 12 Varieties of English pronunciation

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong phần 12, sinh viên có khả năng hiểu được sự đa dạng trong sự phát âm của tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. The study of variety

2.2. Geographical variation

2.3. Other sources of variation

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có sức chứa phù hợp với lượng sinh viên, âm thanh tốt.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Peter Roach (2000). *English Phonetics and Phonology*. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các cơ quan tạo nên âm thanh, sử dụng các bộ phận tạo âm thanh hiệu quả để tạo nên một thanh âm chính xác. Chính sửa các lỗi về phát âm.

- Kỹ năng:

Kỹ năng nghe và nói chính xác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tự rèn luyện ngữ âm đạt chuẩn như người bản ngữ.

2. Phương pháp:

Trong quá trình học thực hiện hình thức kiểm tra Vấn đáp để đánh giá kết quả học tập.

Hình thức kiểm tra kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Ngữ âm và âm vị học được áp dụng để giảng dạy cho sinh viên ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Giảng viên nên hướng dẫn sinh viên cách tự luyện phát âm.

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các kỹ năng phát âm để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cách sử dụng các bộ phận phát âm đúng để tạo ra âm thanh đạt chuẩn.

4. Tài liệu tham khảo:

J.D. O'Connor (1978). *Better English Pronunciation* Cambridge: Cambridge University Press.

J.D. O'Connor & Clare Fletcher (2004). *Sounds English* TP. HCM: NXB Thống kê.

Ann Baker. *Ship or Sheep? – An intermediate pronunciation course*. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nghe 1

Mã môn học: KHCB112

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Nghe 1 thuộc nhóm môn học cơ sở thuộc khối Môn học chuyên môn ngành. Các chủ đề đa dạng trong chương trình giúp sinh viên cọ xát với thực tiễn, mang lại một cái nhìn tổng quát về việc ứng dụng ngôn ngữ trong đời sống xã hội.

– Tính chất:

Chương trình môn học Nghe 1 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lý thuyết và thực hành, gắn liền với việc hình thành và phát triển 4 kỹ năng học và sử dụng ngoại ngữ; giúp sinh viên có khả năng nghe hiệu quả trong các tình huống giao tiếp thường ngày. Các bài học được sắp xếp theo chủ đề đa dạng với mức độ ngôn ngữ và kỹ năng được xây dựng mức độ đơn giản. Nội dung được thiết kế dựa trên các hoạt động luyện tập trên lớp và lấy người học làm trung tâm. Cấp độ của giáo trình là sơ cấp.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể có được các khả năng sau:

Hiểu lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh, cách tạo và nói các tình huống trong tiếng Anh.

Phân biệt những cách phát âm khác nhau theo từng loại âm, từ, tình huống khác nhau.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể có được các khả năng sau:

Nghe và hiểu được những tình huống giao tiếp thông thường.

Thực hành nghe các đoạn hội thoại đơn giản.

Sử dụng lượng từ nghe được từ các chủ đề, tạo ra các đoạn hội thoại bằng ngôn từ của mình, phát triển kỹ năng nói trong khi nghe giao tiếp.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, tự rèn luyện để nâng cao kỹ năng nghe giúp giải quyết công việc một cách hữu hiệu.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Meeting people	2	2		
2	Unit 2 Families	2	2		
3	Unit 3 Numbers	2	2		
4	Unit 4 Let's eat	2	2		
5	Unit 5 Free Time	2	2		
6	Test 1	1			1
7	Unit 6 Great outfits	2	2		
8	Unit 7 In the house	2	2		
9	Unit 8 Times	2	2		
10	Unit 9 Movies	2	2		
11	Unit 10 A typical day	2	2		
12	Test 2	1			1
13	Unit 11 Location	2	2		
14	Unit 12 Gifts	2	2		
15	Unit 13 Part-time jobs	2	2		
16	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Meeting people

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Nghe được các mẫu câu trong tình huống chào hỏi nhau khi gặp mặt.

Trình bày được cách tạo ngữ điệu đúng cho các câu hỏi.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: How about you?
- Task 2: Around the world.

2.2. Pronunciation: Rising intonation of questions

Unit 2 Families

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng

Nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về gia đình.

Vận dụng được cách nghe âm s sau động từ.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Family photos
- Task 2: Family ties

2.2. Pronunciation: -s ending in verbs

Unit 3 Numbers

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại có liên quan đến các con số.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: On the phone
- Task 2: Team scores.

2.2. Pronunciation: Syllable stress in numbers

Unit 4 Let's eat

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại có liên quan đến việc ăn, uống.

Nói được đúng cách chú trọng ngữ điệu của câu hỏi với **Wh**

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What would you like?
- Task 2: This looks great.

2.2. Pronunciation: Intonation of Wh-questions

Unit 5 Free Time

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại trong tình huống nói về thời gian rảnh rỗi, việc làm yêu thích.

Thực hiện được các nhấn giọng câu.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: How often?
- Task 2: What's popular?

2.2. Pronunciation: Sentence stress

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 6 Great outfits

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại trong tình huống chọn trang phục.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Choosing an outfit
- Task 2: The meaning of colors.

2.2. Pronunciation: Contraction for is and is not

Unit 7 In the house

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về nhà cửa.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Where does it go?
- Task 2: Where's the heater?

2.2. Pronunciation: Plural –s ending

Unit 8 Time

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về thời gian, kế hoạch làm việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Changing plans
- Task 2: Time and cultures

2.2. Pronunciation: Reduction of *want to* and *have to*

Unit 9 Movies

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, sinh viên nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại trong tình huống nói về phim ảnh.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What's playing?
- Task 2: Film critics.

2.2. Pronunciation: Contraction for *is* and *are*

Unit 10 A typical day

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, sinh viên nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại đối đáp về thời gian biểu cá nhân hàng ngày.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What's your schedule?
- Task 2: Daily schedules.

2.2. Pronunciation: Linked sounds

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 11 Location

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, sinh viên nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về nơi chốn.

Áp dụng được cách nhấn trọng âm khi liệt kê.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Where is it?
- Task 2: Find the treasure.

2.2. Pronunciation: Stress for classification

Unit 12 Gifts

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, sinh viên nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về các dịp tặng quà, sự ảnh hưởng của văn hóa trong việc tặng và nhận quà. Trình bày được cách dùng ngữ điệu khi nói về tên.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Gift-giving occasions

- Task 2: Gifts and cultures.

2.2. Pronunciation: Intonation with names

Unit 13 Part-time jobs

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 13, sinh viên nghe được các mẫu câu và các đoạn hội thoại trong tình huống nói về công việc và phỏng vấn xin việc.

Thực hành được cách nhấn mạnh âm tiết khi nói.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What's the job?
- Task 2: Job interviews.

2.2 Pronunciation: Syllable stress

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng lab đúng chuẩn, đủ sức chứa theo quy định.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy cassette, máy chiếu, laptop...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Steve Brown, & Dorolyn Smith (2007). *Active Skills for Listening 1*. Second condition. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Hiểu lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu và nói một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng:

Nghe và hiểu các cuộc hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự học và tự lập kế hoạch cá nhân rèn luyện kỹ năng nghe.

2. Phương pháp:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy phù hợp với từng kỹ năng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

Hình thức thi kết thúc môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được áp dụng cho đối tượng là sinh viên Bachelor ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Theo mục tiêu của chương trình, giảng viên nên hướng dẫn cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu, nghe và đoán ý chính của các đoạn hội thoại. Tuy nhiên, giảng viên nên phối hợp linh hoạt dạy các kỹ năng còn lại để khuyến khích sinh viên tiếp tục phát huy khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Ngoài những chủ điểm được đề cập đến trong đề cương, trong quá trình giảng dạy, giảng viên nên giới thiệu thêm một số tài liệu luyện nghe cần thiết khác để sinh viên tự học và tham khảo.

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giảng viên để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng nghe ý chính, chuẩn bị trước khi nghe.

4. Tài liệu tham khảo:

Barbara H. Foley (1994). *Listen to me*. Boston: Heinle & Heinle Publishers.

Jack C. Richards (1992). *Listen carefully*. Oxford: Oxford University Press.

John Green (1997). *Listening 1 and 2*. Cambridge: Cambridge University Press.

Jack C. Richards (2003). *Basic Tactics for Listening. Second edition*. Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nghe 2

Mã môn học: KHCB113

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Nghe 2 là môn học chuyên ngành trong khối các môn học chuyên môn ngành, nối tiếp môn học Nghe, giúp sinh viên tiếp tục tiếp xúc với các chủ đề đa dạng, cọ xát với thực tiễn, hình thành khả năng nghe hiểu ở mức độ sâu hơn, làm nền tảng cho môn học Nghe nâng cao.

– Tính chất:

Môn học Nghe 2 là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính thực hành, gắn liền với quá trình hoàn thiện 4 kỹ năng học và sử dụng ngoại ngữ. Chương trình giúp sinh viên làm quen, rèn luyện các tình huống mà ngôn ngữ được sử dụng trong cuộc sống, từ đó dần hình thành, phát triển kỹ năng giao tiếp trong ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học Nghe 2, sinh viên có thể:

Trình bày lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh,

Áp dụng cách tạo và nói các tình huống trong tiếng Anh.

Phân biệt những cách phát âm khác nhau theo từng loại âm, từ, tình huống khác nhau

– Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học Nghe, sinh viên có thể:

Nghe và hiểu được những tình huống giao tiếp thông thường.

Thực hiện việc nghe các đoạn hội thoại ở mức cao hơn.

Sử dụng lượng từ nghe được từ các chủ đề, tạo ra các đoạn hội thoại bằng ngôn từ của mình.

Phát triển kỹ năng nói trong khi nghe giao tiếp.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kỹ năng. Tự lập được kế

hoạch cá nhân để ôn tập và rèn luyện để hoàn thành các công việc có liên quan đến kỹ năng nghe.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Getting to know you	2	2		
2	Unit 2 Going places	2	2		
3	Unit 3 What's the number?	2	2		
4	Unit 4 Body language	2	2		
5	Unit 5 Appearances	2	2		
6	Unit 6 Shopping	2	2		
7	Test 1	1			1
8	Unit 7 International food	2	2		
9	Unit 8 Vacation	2	2		
10	Unit 9 TV	2	2		
11	Unit 10 Getting there	2	2		
12	Unit 11 World market	2	2		
13	Unit 12 Making a difference	2	2		
14	Test 2	1			1
15	Unit 13 Stress and health	2	2		
16	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Getting to know you

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1 sinh viên có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại trong tình huống làm quen và hỏi thăm về một số thông tin cơ bản.

Thực hành được các ngữ điệu của vài loại câu hỏi thông dụng.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: I wouldn't ask that
- Task 2: Friends or strangers.

2.2. Pronunciation: Intonation of Yes-No questions and Wh-questions

Unit 2 Going places

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2 sinh viên có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại nói về nơi chốn, về đất nước.

Hỏi và đáp trả được về một số thông tin của một địa danh.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Where are you going?
- Task 2: Where is it?

2.2. Pronunciation: Syllable stress

Unit 3 What's the numbers

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3 sinh viên có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về hỏi đáp giờ, số điện thoại, số liệu.

Thực hành cách đọc và cách nghe các con số có nhiều chữ số.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: The number, please.
- Task 2: What's the biggest?

2.2. Pronunciation: *and* with numbers

Unit 4 Body language

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4 sinh viên có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại.

Áp dụng được tín hiệu từ ngôn ngữ cơ thể, điệu bộ.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Is it OK?
- Task 2: What does it mean?

2.2. Pronunciation: Sentence stress

Unit 5 Appearances

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5 sinh viên có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về dáng vẻ bên ngoài.

Vận dụng được cách mô tả hình dáng, cách diễn tả sự khác biệt bên ngoài của một nhân vật.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Who's that?
- Task 2: Different looks.

2.2. Pronunciation: Intonation of echo questions

Unit 6 Shopping

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về giao tiếp trong cửa hàng.

Vận dụng được cách mua hàng, bình luận về giá cả.

Thực hành được một số hình thức mua hàng phổ biến.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks

- Task 1: I'll buy it.
- Task 2: At the store.

2.2. Pronunciation: Reduction of *need to* and *like to*

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 7 International food

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về thức ăn từ nhiều nơi trên thế giới.

Trình bày được một số thông tin về văn hóa và ẩm thực của các nơi trên thế giới.

Vận dụng được cách sử dụng ngữ điệu của câu hỏi có nhiều lựa chọn.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Your order, please
- Task 2: Foods and culture

2.2. Pronunciation: Intonation of questions of choices

Unit 8 Vacation

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có khả năng

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về kì nghỉ và một số thông tin liên quan như thức ăn, nơi ở, địa danh, sự kiện nổi bật.

Nói được các thông tin cá nhân về kì nghỉ

Áp dụng được một số thông tin về thức ăn, nơi ở, địa danh, sự kiện nổi bật.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: How was your vacations?
- Task 2: A trip to forget

2.2. Pronunciation: -ed endings of verbs

Unit 9 TV

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, sinh viên có khả năng

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về thông tin từ các kênh truyền hình, thói quen xem TV.

Nói được các mẫu câu có liên quan đến kênh truyền hình.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: What's on?
- Task 2: Reality shows

2.2. Pronunciation: Reduction of *do you* and *are you*

Unit 10 Getting there

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, sinh viên có khả năng:

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về các loại phương tiện giao thông.

Trình bày được trình bày phương pháp tối ưu khi sử dụng phương tiện giao thông.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Visiting Singapore
- Task 2: San Francisco

2.2. Pronunciation: Ordinal numbers

Unit 11 World market

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, sinh viên có khả năng

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về các thương hiệu, các sản phẩm trên thế giới.

Nói được các mẫu câu về các thương hiệu, các sản phẩm trên thế giới.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: International market place
- Task 2: It's good business

2.2. Pronunciation: Contraction for *there is, there are*

Unit 12 Getting a difference

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, sinh viên có khả năng

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về một số vấn đề có liên quan đến việc bảo vệ môi trường.

Nói được các mẫu câu về bảo vệ môi trường.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Helping the environment
- Task 2: Recycling

2.2. Pronunciation: Contraction for *will, will not*

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 13 Stress and health

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 13, sinh viên có khả năng

Nghe được các mẫu câu và đoạn hội thoại về một số vấn đề liên quan đến sức khỏe, thức ăn và các hoạt động tốt cho sức khỏe.

Nói được các mẫu câu về sức khỏe, thức ăn và các hoạt động tốt cho sức khỏe.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Relax
- Task 2: What's it good for?

2.2. Pronunciation: Reduction of *Don't you* and *Why don't you?*

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng LAB có đủ sức chứa theo quy định.

2. Trang thiết bị máy móc:

Loa, tai nghe, micro, cassette, Máy chiếu hoặc TV, máy vi tính, màn hình.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Steve Brown, & Dorolyn Smith (2007). *Active. Skills for Listening 2*. Second condition. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Sinh viên có khả năng hiểu lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu và nói một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng:

Sinh viên có khả năng nghe và nói theo các chủ điểm đa dạng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự học và tự lên kế hoạch rèn luyện kỹ năng nghe và nói theo các chủ đề đã học.

2. Phương pháp:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy phù hợp với từng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Nghe nâng cao áp dụng cho đối tượng là sinh viên Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Theo mục tiêu của chương trình, giảng viên nên hướng dẫn cho sinh kỹ năng nghe hiểu, nghe và đoán ý chính của các đoạn hội thoại. Tuy nhiên, giảng viên nên phối hợp linh hoạt dạy các kỹ năng còn lại để khuyến khích sinh viên tiếp tục phát huy khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giáo viên để đạt đến hiệu quả cao hơn trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng nghe ý chính, nghe và nhắc lại trọng tâm, chú ý nghe trọng âm.

4. Tài liệu tham khảo:

Jack C. Richards (2003). *Developing Tactics for Listening. Second edition.*
Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Nghe

Mã môn học: KHCB114

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Nghe là nhóm môn học cơ sở thuộc khối Môn học chuyên môn ngành. Môn học giúp sinh viên hình dung được ngôn ngữ được sử dụng trong thực tế như thế nào; các chủ đề đa dạng trong chương trình giúp sinh viên gắn liền với thực tiễn, trau dồi khả năng giao tiếp.

– Tính chất:

Môn học Thực hành Nghe cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng đa dạng về nhiều lĩnh vực, tạo điều kiện để sinh viên có thể nghe hiểu để tạo phản xạ nói các vấn đề liên quan đến cuộc sống, văn hóa, kỹ thuật. Các bài học được sắp xếp theo chủ đề đa dạng với mức độ ngôn ngữ và kỹ năng được xây dựng từ với mức độ khó tăng dần. Cấp độ của giáo trình là trung cấp.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể có được các khả năng sau:

Nghe hiểu quả trong hầu hết các tình huống giao tiếp thường ngày và các đề tài về xã hội, khoa học, kỹ thuật, văn hóa.

Vận dụng lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

Áp dụng được cách tạo và nói các tình huống trong tiếng Anh.

Phân biệt những cách phát âm khác nhau theo từng loại âm, từ, tình huống khác nhau

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể có được các khả năng sau:

Nghe hiểu được những tình huống giao tiếp thường ngày và các đề tài về xã hội, khoa học, kỹ thuật, văn hóa.

Áp dụng được những tình huống giao tiếp thường ngày và các đề tài về xã hội, khoa học, kỹ thuật, văn hóa.

Thực hành nghe các đoạn hội thoại ở mức cao hơn.

Vận dụng những kiến thức đã học được để sử dụng trong những tình huống giao tiếp khác nhau.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kỹ năng nghe để đáp ứng hiệu quả công việc được giao.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 What do you say first?	3		3	
2	Unit 2 Sights and sounds	4		4	
3	Unit 3 Dating	4		4	
4	Unit 4 Communication and culture	4		4	
5	Test 1	3		3	
6	Unit 5 The Internet	4		4	
7	Unit 6 Superstitions	4		4	
8	Unit 7 Manners	4		4	
9	Unit 8 Natural health	4		4	
10	Test 2	3		3	
11	Unit 9 Science trivia	4		4	
12	Unit 10 Advertising	4		4	
13	Unit 11 Study abroad	4		4	
14	Unit 12 How things work	4		4	
15	Test 3	3		3	
16	Unit 13 Personality traits	4		4	
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 What do you say first?

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Nghe và xử lý được các tình huống trao đổi thông tin về nhiều vấn đề.

Xử lý được thông tin trong các tình huống trao đổi thông tin về nhiều vấn đề.

Áp dụng được cách kéo dài chi tiết cho cuộc hội thoại.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: A good first impression
- Task 2: Keep the conversation going.

2.2. Pronunciation: Intonation of questions

Unit 2 Sights and sounds

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng

Nghe được thông tin về các giác quan, về thông tin của một sản phẩm, về thương hiệu và chất lượng sản phẩm.

Trao đổi được thông tin về các giác quan, về thông tin của một sản phẩm, về thương hiệu và chất lượng sản phẩm.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: The five senses
- Task 2: The smell of money

2.2. Pronunciation: Vowel sounds

Unit 3 Dating

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Nghe được các tình huống về một cuộc hẹn, về tính cách và ngoại hình của người bạn đời trong tương lai.

Xử lý được các tình huống xảy ra trong một cuộc hẹn,

Vận dụng từ vựng đã học nói được về tính cách và ngoại hình của người bạn đời trong tương lai.

Áp dụng từ vựng đã nghe được trong giao tiếp thực tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1. Which way is best?
- Task 2. How did they meet?

2.2. Pronunciation: Intonation of lists

Unit 4 Communication and culture

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Nghe được các tình huống giao tiếp,

Trình bày được các yếu tố văn hóa chi phối hoàn cảnh và thái độ giao tiếp.

Xử lý được thông tin trong các tình huống giao tiếp

Vận dụng được các yếu tố văn hóa chi phối hoàn cảnh và thái độ giao tiếp.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: I just don't understand.
- Task 2: It's our style.

2.2. Pronunciation: /t/ in shouldn't

Test 1

Thời gian: 3 giờ

Unit 5 The Internet

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng

Nghe được các từ vựng có liên quan đến việc sử dụng Internet.

Xử lý được các tình huống có liên quan đến việc sử dụng Internet.

Áp dụng được thông tin liên quan đến việc sử dụng Internet.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Great site!
- Task 2: The growth of the Internet

2.2. Pronunciation: Linked sounds

Unit 6 Superstitions

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng

Nghe được các thông tin có liên quan đến sự mê tín dị đoan.

Xử lý được các thông tin có liên quan đến sự mê tín dị đoan.

Vận dụng được từ vựng để giao tiếp thường ngày khi nói về sự mê tín dị đoan.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Around the world

- Task 2: The real meaning

2.2. Pronunciation: Regular rhythm of stressed words

Unit 7 Manners

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng

Nghe được các thông tin về tính cách con người.

Áp dụng được từ vựng về tính cách con người.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: It drives me crazy!
- Task 2: Mind your manners.

2.2. Pronunciation: Emphasis to express strong emotion

Unit 8 Natural health

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có khả năng

Nghe được các thông tin về sức khỏe và các thức ăn, thảo dược, phương pháp trị liệu sức khỏe.

Áp dụng được các thông tin về sức khỏe và các thức ăn, thảo dược, phương pháp trị liệu sức khỏe trong giao tiếp hàng ngày.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Reflexology
- Task 2: Staying healthy

2.2. Pronunciation: Intonation of thought groups

Test 2

Thời gian: 3 giờ

Unit 9 Science trivia

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, sinh viên có khả năng

Nghe được các thông tin về các câu chuyện khoa học: xác thực và không xác thực.

Sử dụng được các từ vựng liên quan về các câu chuyện khoa học: xác thực và không xác thực.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Fact of fiction?
- Task 2: The northern lights

2.2. Pronunciation: Sounds

Unit 10 Advertising

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, sinh viên có khả năng

Nghe được các thông tin có liên quan đến quảng cáo, thương hiệu, sản phẩm.

Áp dụng được từ vựng về quảng cáo, thương hiệu, sản phẩm trong giao tiếp.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1. What's in a name?
- Task 2. Lost in translation

2.2. Pronunciation: Vowel sounds followed by *r*

Unit 11 Study abroad

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, sinh viên có khả năng:

Nghe được các thông tin về du học, du sinh viên.

Vận dụng được từ vựng và mẫu hội thoại tương đương về du học, du sinh viên.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: A place to live
- Task 2: Choosing a school

2.2. Pronunciation: Intonation of tag questions

Unit 12 How things work

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, sinh viên có khả năng

Nghe được các thông tin về các sản phẩm kỹ thuật số hiện đại, các bước hoạt động của một thiết bị.

Trình bày được các thông tin về các sản phẩm kỹ thuật số hiện đại, các bước hoạt động của một thiết bị.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: Electronic devices
- Task 2: How a vending machine works

2.2. Pronunciation: Reduction of *is* and *are* in rapid speech

Test 3

Thời gian: 3 giờ

Unit 13 Personality traits

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 13, sinh viên có khả năng:

Nghe được các thông tin về đặc điểm, nét tính cách cá nhân.

Áp dụng được từ vựng, cấu trúc câu thường dùng khi nói về đặc điểm, nét tính cách cá nhân.

2. Nội dung chương:

2.1. Listening tasks:

- Task 1: It's in my blood.
- Task 2: The Chinese zodiac

2.2. Pronunciation: Stressed syllables

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học đủ sức chứa, đạt chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị máy móc: phòng lab, máy cassette, máy chiếu, laptop...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tranh ảnh, phấn màu, nam châm...

Steve Brown, & Dorolyn Smith (2007). *Active. Skills for Listening 3. Second condition*. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Hiểu lượng từ vựng cần thiết để nghe hiểu và nói một đoạn hội thoại theo từng chủ đề bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng:

Có khả năng giao tiếp nghe hiểu quả trong hầu hết các tình huống giao tiếp thường ngày và các đề tài về xã hội, khoa học, kỹ thuật, văn hóa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần tự học và tự lên kế hoạch rèn luyện kỹ năng nghe.

2. Phương pháp:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp trong giảng dạy phù hợp với từng kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, đơn vị bài học và trình độ của người học.

Hình thức kiểm tra đánh giá cuối môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Tùy theo thực tế giảng dạy, giảng viên có thể điều chỉnh một cách hợp lý trình tự của một số mục được sắp xếp liền nhau và thời lượng dành cho từng mục, miễn là không làm thay đổi tổng số giờ dạy của từng bài.

Theo mục tiêu của chương trình, giảng viên nên dạy cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu, nghe và đoán ý chính của các đoạn hội thoại. Tuy nhiên, giảng viên nên phối hợp linh hoạt dạy các kỹ năng còn lại để khuyến khích sinh viên tiếp tục phát huy khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Đối với người học:

Tự tìm hiểu và rèn luyện thêm các dạng bài tập, các kỹ năng trong giáo trình dưới sự hướng dẫn và trợ giúp của giáo viên để đạt đến hiệu quả cao trong học tập. Sử dụng nguồn mở từ Internet để luyện nghe với các chủ đề thời sự có cập nhật thông tin.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng nghe ý chính, nghe trọng tâm.

4. Tài liệu tham khảo:

Jack C. Richards (2003). *Expand Tactics for Listening*. Second edition. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nói 1

Mã môn học: KHCB115

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Nói 1 là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh bậc Cao đẳng

– Tính chất:

Môn học Nói 1 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức: Sau khi học xong Môn học Nói 1 sinh viên có khả năng:

Hiểu và sử dụng một lượng từ vựng thông dụng trong đời sống hàng ngày và trong công việc.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng nói và thuyết trình bằng tiếng Anh các chủ đề đơn giản trong cuộc sống như sở thích, thức ăn, quê hương, bạn bè, hoạch định trong tương lai.

Nghe, nói, nghe hiểu, tự tin giao tiếp trong các lĩnh vực đời sống thông thường. Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp đơn giản.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần làm việc và hợp tác nhóm một cách linh hoạt và năng động, rèn luyện ý thức tự học, tự nghiên cứu tự rèn giọng, khắc phục nhược điểm vùng miền để có thể phát âm chính xác như người bản ngữ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Part 1 New friends	4	4		
2	Part 2 Interests	3	3		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
3	Part 3 People	3	3		
4	Test 1	1			1
5	Part 4 Daily life	3	3		
6	Part 5 My hometown	3	3		
7	Part 6 Shopping	3	3		
8	Test 2	1			1
9	Part 7 Food	3	3		
10	Part 8 Past and Future	4	4		
11	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 New friends

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, sinh viên có khả năng chào và tạm biệt theo nhiều cách khác nhau, giới thiệu bản thân và bạn bè, hỏi thông tin cá nhân, hoàn thành đoạn hội thoại ngắn.

2. Nội dung chương:

2.1. How are you?

2.2. Nice to meet you.

2.3. Can you say that again?

2.4. Nice weather, isn't it?

Part 2 Interests

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, sinh viên có khả năng:

Bày tỏ quan điểm “thích” và “không thích”.

Áp dụng được cách hỏi giờ, hỏi ý kiến và trình bày ý kiến với người đối thoại hoặc trình bày ý kiến trước đám đông.

2. Nội dung chương:

2.5. I love hip-hop!

2.6. My favorite movies is...

2.7. What time is it?

2.8. Would you try kayaking?

Part 3 People

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, sinh viên có khả năng miêu tả về gia đình, về tính cách và về bề ngoài của con người, so sánh tính cách của các nhân vật.

2. Nội dung chương:

2.9. Do you have any brothers?

2.10. She's pretty smart.

2.11. I love your shirt.

2.12. What's she wearing?

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Part 4 Daily life

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, sinh viên có khả năng:

Hỏi và miêu tả thói quen, các hoạt động đang diễn ra.

Áp dụng được cách đặt các câu hỏi khi giao tiếp để kéo dài cuộc hội thoại.

2. Nội dung chương:

2.13. When do you get up?

2.14. When do you get there?

2.15. What do you do first?

2.16. What are you doing?

Part 5 My home town

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5 sinh viên có khả năng hỏi và miêu tả địa điểm, hỏi phương hướng, hỏi và đưa ra đề nghị khi giao tiếp có liên quan đến các vấn đề về nơi chốn và phương hướng.

2. Nội dung chương:

2.17. What's your place like?

2.18. Where can I get a lamp?

2.19. Where's the mall?

2.20. Take a left.

Part 6 Shopping

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 6 sinh viên có khả năng hỏi giá, mặc cả khi mua hàng, hỏi và miêu tả tần suất thực hiện một loại công việc.

2. Nội dung chương:

2.21. How much is coffee?

2.22. Will you take \$20?

2.23. Do you ever buy books?

2.24. Your phone is so cool!

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Part 7 Food

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7 sinh viên có khả năng hỏi và miêu tả số lượng, hỏi và miêu tả về các yêu cầu, miêu tả món ăn.

Nói được về thói quen ăn uống lành mạnh.

2. Nội dung chương:

2.25. Do you eat much fruit?

2.26. We need onions.

2.27. Do you eat a big lunch.

2.28. How does it taste?

Part 8 Past & future

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 8 sinh viên có khả năng miêu tả các sự kiện trong quá khứ, giới thiệu các tin tức mới và cách phản hồi thông tin.

Hỏi và miêu tả được các kế hoạch tương lai.

2. Nội dung chương:

2.29. I had a great weekend

2.30. What time did you call?

2.31. You won't believe this!

2.32. What are your plans?

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Jack C. Richards, & David Bohlke (2012). *Speak Now*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các cấu trúc ngữ pháp căn bản và vốn từ vựng thông dụng.

- Kỹ năng:

Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong các lĩnh vực đời sống thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày trước đám đông để có thể phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Nói là môn học đầu tiên trong chuỗi các môn học rèn luyện kỹ năng giảng dạy cho sinh viên bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, chú trọng Thực hành kỹ năng nghe nói.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chú ý kỹ năng bắt chước để có thể nói giống người bản ngữ.

4. Tài liệu tham khảo:

Bruce Tillitt, & Newton Bruder (1997). *Speaking Naturally*. TP. HCM: NXB Thành phố HCM.

Gaynor Ramsey & Hilary Rees-parnell (1992). *Well Spoken*. Long man.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nói 2

Mã môn học: KHCB116

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Nói 2 là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Nói 2 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Nói 2 sinh viên có khả năng

Trình bày được lượng từ vựng thông dụng trong đời sống hàng ngày và trong công việc.

Áp dụng được một lượng từ vựng thông dụng trong đời sống hàng ngày và trong công việc.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng:

Sử dụng một lượng từ vựng thông dụng trong đời sống hàng ngày và trong công việc. nói tự nhiên và lưu loát các chủ đề đa dạng về gia đình, cuộc sống và một số chủ đề phức tạp hơn như du lịch, phong cách sống, thời trang.

Vận dụng được các cấu trúc ngữ pháp đơn giản.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần làm việc và hợp tác nhóm một cách linh hoạt và năng động, có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Part 1 Friends & Family	4	4		
2	Part 2 Restaurants	3	3		
3	Part 3 Health	3	3		
4	Test 1	1			1
5	Part 4 Jobs	3	3		
6	Part 5 Free time	3	3		
7	Part 6 Travel	3	3		
8	Test 2	1			1
9	Part 7 Style and fashion	3	3		
10	Part 8 Opinions	3	3		
11	Review	3	3		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 Friends & Family

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, sinh viên có khả năng:

Nói được về số lượng.

Hỏi được và mô tả về ngoại hình và tính cách,

Bắt đầu và kết thúc cuộc hội thoại,

2. Nội dung chương:

2.1. Where are you from?

2.2. I'm tall and thin.

2.3. Alice is more serious.

2.4. All of my friends text.

Part 2: Restaurants

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, sinh viên có khả năng:

Hỏi và chia sẻ kinh nghiệm, nhắc nhở, hướng dẫn sử dụng trong nhà hàng.

Vận dụng từ vựng để miêu tả nhà hàng, gọi thức ăn trong nhà hàng.

2. Nội dung chương:

2.5. I've never had Thai food.

2.6. First, grill the bread.

2.7. The service is great.

2.8. Are you ready to order?

Part 3 Health

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, sinh viên có khả năng

Nói được các từ vựng và mẫu câu miêu tả các vấn đề sức khỏe,

Hỏi và đưa ra được các lời khuyên.

Vận dụng được cấu trúc câu biểu đạt nhu cầu và ý muốn, so sánh.

2. Nội dung chương:

2.9. I have a sore throat.

2.10. What should I do?

2.11. I'd love to try that!

2.12. Soccer is more exciting!

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Part 4 Jobs

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, sinh viên có thể:

Trình bày các khả năng của bản thân, đề nghị, bàn về thuận lợi và bất lợi.

Đề xuất được các yêu cầu về công việc qua điện thoại, bàn bạc về công việc.

Thực hiện kỹ năng đàm phán trong công việc.

2. Nội dung chương:

2.13. I can write pretty well.

2.14. I'd have to have...

2.15. I travel for free.

2.16. Is the manager there?

Part 5 Free time

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5, sinh viên có khả năng:

Nói về các hoạt động của cá nhân trong thời gian rảnh rỗi.

Vận dụng được mẫu câu mời và đáp lại lời mời, xin lỗi và đáp lại lời xin lỗi.

2. Nội dung chương:

2.17. That sounds fun!

2.18. I'd love to go

2.19. I'm sorry, but I can't

2.20. Sorry, I'm late.

Part 6 Travel

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, sinh viên có khả năng:

Đặt được câu hỏi đôi, miêu tả sự kiện trong quá khứ, sở thích, lịch trình, giá cả khi đi du lịch.

Dùng được các mẫu câu diễn đạt sự cảm chi và nghĩa vụ.

2. Nội dung chương:

2.21. Did you go alone!

2.22. Which do you prefer?

2.23. You must get a visa.

2.24. When is the next train?

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Part 7 Style and Fashion

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7, sinh viên có khả năng:

Hỏi và miêu tả các hành vi chung, hỏi và đưa ra ý kiến;

Áp dụng mẫu câu thường dùng khi đưa ra yêu cầu và đồng ý với yêu cầu.

Vận dụng cấu trúc và từ vựng để hỏi và miêu tả cách sử dụng quần áo và phụ kiện.

2. Nội dung chương:

2.25. I usually wear...

2.26. What do you think?

2.27. Can you do me a favor?

2.28. What is it used for?

Part 8 Opinions

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 8, sinh viên có khả năng:

Hỏi, tranh luận, thảo luận trong các tình huống giả tưởng, miêu tả chuỗi các sự kiện.

Trình bày ý kiến, tranh luận, thảo luận các tình huống giả tưởng.

Miêu tả được chuỗi các sự kiện.

2. Nội dung chương:

2.29. I think it's fun!

2.30. I feel the same way.

2.31. What would you do?

2.32. Then what happened?

Review

Thời gian: 3 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Jack C. Richards, & David Bohlke (2012). *Speak Now*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp cấp độ trung cấp và học cách phát âm chính xác. Sử dụng được vốn từ vựng và mẫu câu thông dụng trong giao tiếp và đưa ra ý kiến tương đương với trình độ trung cấp.

- Kỹ năng:

Nghe và giao tiếp được bằng tiếng Anh trong các lĩnh vực đời sống và công việc. Có khả năng tranh luận bằng tiếng Anh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày tự tin trước đám đông để có thể phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra trong quá trình học bằng hình thức thực hành.

Hình thức kiểm tra đánh giá cuối môn học: Trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Nói 2 là môn học quan trọng trong chuỗi các môn học rèn luyện kỹ năng nói áp dụng cho sinh viên Đại Cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, chú trọng Thực hành kỹ năng nghe nói.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra đầy đủ, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Rèn luyện khả năng lập luận, thảo luận lưu loát và tự tin.

4. Tài liệu tham khảo:

Bruce Tillitt, & Newton Bruder (1997). *Speaking Naturally*. TP. HCM: NXB Thành phố HCM.

Gaynor Ramsey & Hilary Rees-parnell (1992). *Well Spoken*. Long man.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Nói 3

Mã môn học: KHCB117

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Nói 3 là môn học chuyên môn ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Nói 3 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Học xong môn học này, sinh viên sẽ có vốn từ giao tiếp phong phú dùng trong các lĩnh vực đời sống thông thường.

– Kỹ năng:

Học xong môn học này, sinh viên sẽ có khả năng nói tự tin, tự nhiên và lưu loát trong những tình huống khác nhau. Nói về nhiều vấn đề phức tạp trong cuộc sống, trình bày được chính kiến bằng tiếng Anh một cách thuyết phục. Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp đơn giản.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có tinh thần làm việc tập thể.

Có ý thức tự học, tự nghiên cứu sâu về công việc được giao để trình bày lưu loát nội dung phản biện hoặc đàm phán.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Part 1 People	4	4		
2	Part 2 Vacation	3	3		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
3	Part 3 Errands	3	3		
4	Test 1	1			1
5	Part 4 Stories	3	3		
6	Part 5 Friends	3	3		
7	Part 6 Business	3	3		
8	Test 2	1			1
9	Part 7 Culture	3	3		
10	Part 8 Future	3	3		
11	Review	3	3		
Tổng cộng		30	28	00	2

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 People

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 1, sinh viên có khả năng:

Hỏi về các mối quan hệ trong gia đình, miêu tả tính cách, sự tương đồng và khác nhau giữa mọi người.

Áp dụng từ vựng để miêu tả các mối quan hệ trong gia đình, miêu tả tính cách, sự tương đồng và khác nhau giữa mọi người.

2. Nội dung chương:

2.1. I'm an only child

2.2. She's born leader

2.3. We're both reliable

2.4. As I was saying...

Part 2 Vacation

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 2, sinh viên có khả năng:

Đăng kí thành công phòng khách sạn.

Trình bày được những việc được phép nói và không nói, đề nghị giúp đỡ, nhận lời hoặc từ chối giúp đỡ.

2. Nội dung chương:

- 2.5. I'd like to check in
- 2.6. Here are some rules
- 2.7. There are some problems
- 2.8. That would be great

Part 3 Errands

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 3, sinh viên có khả năng:

Áp dụng mẫu câu hỏi gián tiếp,

Chỉ ra được sai lầm của người khác một cách lịch sự, thừa nhận sai lầm.

Đặt thành công cuộc hẹn và xác nhận thông tin.

Trình bày lời đề nghị

Vận dụng các từ vựng và mẫu câu thường dùng khi chấp nhận lời đề nghị.

2. Nội dung chương:

2.9. Do you know...

2.10. Sorry. My mistake

2.11. Can I please...?

2.12. I'm broke

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Part 4 Stories

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 4, sinh viên có khả năng:

Đặt câu hỏi và nói các nội dung kể về tuổi thơ.

Vận dụng từ vựng để nói về tin tức và bổ sung thông tin.

2. Nội dung chương:

2.13. I used to play hopscotch

2.14. She said she was sorry

2.15. I read an unusual story

2.16. When did they release it?

Part 5 Friends

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 5, sinh viên có khả năng:

Đặt câu hỏi về những việc quan trọng

Vận dụng cách nói khi ra lời đề nghị tích cực và tiêu cực, bộc lộ sự hối lỗi

Áp dụng mẫu câu thường dùng khi đưa cách giải quyết vấn đề.

Trình bày được những việc quan trọng,

2. Nội dung chương:

2.17. You didn't know?

2.18. A good friend is loyal

2.19. I could do that

2.20. I wish I'd remembered

Part 6 Business

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 6, sinh viên có khả năng

Mô tả được các phẩm chất,

Đặt câu hỏi và mô tả các khả năng và xác suất,

Vận dụng các từ vựng để mô tả các xu hướng và đưa ra lý do phản biện khi thảo luận.

2. Nội dung chương:

2. 21. I'd rather not say

2.22. I could be an ad for...

2.23. The main reason is...

2.24. It needs a good location

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Part 7 Culture

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 7, sinh viên có khả năng

Áp dụng từ vựng miêu tả những điều được mong đợi và không được mong đợi.

Đặt câu hỏi và miêu tả hậu quả, về ý nghĩa của sự việc.

Trình bày được mẫu câu về cách suy đoán chắc chắn và không chắc chắn.

2. Nội dung chương:

2.25. You're expected to...

2.26. What does it mean?

2.27. What will happen it...?

2.28. It must have been...

Part 8 Future

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong phần 8, sinh viên có khả năng
Trình bày ra các dự đoán có thể hoặc chắc chắn xảy ra, miêu tả kế hoạch,
Vận dụng mẫu câu dùng khi đưa ra quyết định và lời hứa hẹn.
Đặt câu hỏi và thảo luận về mục tiêu và mơ ước.

2. Nội dung chương:

2.29. Cars will most likely fly

2.30. That's really good idea!

2.31. I'll pick you up

2.32. What do you hope to do?

Review

Thời gian: 3 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, micro..

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Jack C. Richards, & David Bohlke (2012). *Speak Now*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Vận dụng được các cấu trúc ngữ pháp và học cách phát âm chính xác.

- Kỹ năng:

Trình bày lưu loát các vấn đề về hoạch định trong tương lai. khả năng phản biện chặt chẽ và hiệu quả. Nghe và giao tiếp được bằng tiếng Anh trong các lĩnh vực đời sống và công việc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày trước đám đông để có thể phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra theo hình thức thực hành.

Hình thức kiểm tra kết quả cuối môn học: Trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Nói 3 là môn học cuối trong chuỗi các môn học rèn luyện kỹ năng nói áp dụng cho sinh viên Đại học Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, chú trọng Thực hành kỹ năng nghe nói.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Khả năng bắt chước giọng của người bản ngữ để có thể nói thành công và tự tin. Rèn luyện khả năng phản biện, tranh luận, bảo vệ chính kiến bằng tiếng Anh một cách lưu loát.

4. Tài liệu tham khảo:

Bruce Tillitt, & Newton Bruder (1997). *Speaking Naturally*. TP. HCM: NXB Thành phố HCM.

Gaynor Ramsey & Hilary Rees-parnell (1992). *Well Spoken*. Long man.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đọc 1

Mã môn học: KHCB118

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Đọc là môn học cơ sở trong chương trình đào tạo bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Đọc là môn học khoa học xã hội mang tính chất lí thuyết gắn liền với khả năng sử dụng ngôn ngữ được thực hiện theo Quy định đào tạo Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố HCM.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Mở rộng vốn từ vựng về nhiều vấn đề trong cuộc sống như văn hóa, cuộc sống xã hội, y khoa, khoa học, bảo tồn động vật,... và các thủ thuật cần thiết được sử dụng trong khi đọc hiểu tài liệu.

– Kỹ năng:

Phát triển kỹ năng đọc hiểu về các lĩnh vực thuộc văn hóa xã hội.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên phải tự giác và chủ động tự học tập và làm việc, tích cực rèn luyện khả năng đọc văn bản để phục vụ cho công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Travel Chapter 1: Selling Indian's Rainy Season Chapter 2: Avoiding Cultural	3	3		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
2	Taboos Unit 2 Fashion Chapter 1: Fashionable Decisions Chapter 2: Tom Ford- Master Designer	3	3		
3	Unit 3 Disappearing Animals Chapter 1: Endangered Species Chapter 2: Bring Back The Woolly Mammoth?	3	3		
4	Unit 4 Big Money Chapter 1: What Does a Million Dollars Buy? Chapter 2: Lottery Winners- Rich, but Happy?	3	3		
5	Review	2	2		
6	Test 1	1			1
7	Unit 5 Cultural Events Chapter 1: Wedding Customs Chapter 2: That Unique Japanese Holiday Called....Christmas!	3	3		
8	Unit 6 It's a Mystery Chapter 1: Mystery Tours Chapter 2: Is “ Sponstaneous Human Combustion”	3	3		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
9	Possible? Unit 7 Health Chapter 1: Successful Dieting Chapter 2: Survival at the South Pole	3	3		
10	Test 2	1			1
11	Unit 8 Space and Flight Chapter 1: Human Adaptation to Space Chapter 2: Pioneers of Flight	3	3		
12	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Travel

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng đọc như *đoán nội dung sẽ đọc, đọc lướt* tìm thông tin cần nhờ vào tiêu đề, con số hoặc những từ khóa.

Mở rộng vốn từ vựng với các từ bắt đầu bằng tiền tố là *off-*, và làm phong phú vốn từ của mình bằng các cụm từ có cùng chủ đề hoặc cùng từ loại.

Sử dụng được kỹ năng đọc lướt để tìm kiếm thông tin.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Selling Indian's Rainy Season

2.2. Reading Skill: Predicting

2.3. Vocabulary Skill: The prefix *off-*

2.4. Chapter 2: Avoiding Cultural Taboos

2.5. Reading Skill: Scanning

2.6. Vocabulary Skill: Organizing Vocabulary

2.7. Real Life Skill: Planning a Trip Online

Unit 2 Fashion

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được kĩ năng đọc như *đọc lướt* tìm ý chính của đoạn văn dựa vào tựa đề, câu đầu tiên và câu cuối cùng của đoạn văn hoặc câu đầu tiên của đoạn văn khác.

Sử dụng thủ thuật dựa vào các cụm từ chỉ thời gian như *then, soon after that, subsequently, days, dates* để xác định thứ tự các sự kiện.

Mở rộng vốn từ vựng với các từ có gốc là *dic/dict*.

Tăng cường thêm vốn từ vựng

Sử dụng linh hoạt với từ vựng *dress* như *dress in, well-dressed, dressed up, dress suit, underdressed, get dressed*.

Phát triển kĩ năng đọc lướt để tìm ý chính của đoạn văn.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Fashionable Decisions

2.2. Reading Skill: Skimming for the Main idea

2.3. Vocabulary Skill: The root word: *dic/dict*

2.4. Chapter 2: Tom Ford- Master Designer

2.5. Reading Skill: Recognizing Sequence Markers

2.6. Vocabulary Skill: The use of *Dress*

2.7. Real Life Skill: Understanding Clothing Sizes

Unit 3 Disappearing Animals

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được kĩ năng đọc như *đoán nghĩa của 1 từ mới quan trọng nhưng không quen thuộc* theo 3 cách.

Sử dụng khả năng đọc nhanh để tìm ý chính của nhiều đoạn văn.

Tăng cường vốn từ vựng với các từ bắt đầu bằng tiền tố là *ex-, en-, em-*, của mình bằng các hậu tố như *-ize*.

Sử dụng kĩ năng đọc lướt để tìm kiếm thông tin cho đoạn văn và đoán nghĩa một từ không quen thuộc hoặc chưa được học.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Endangered Species

2.2. Reading Skill: Identifying Main from Context

2.3. Vocabulary Skill: The prefixes *ex-, en- and em-*

2.4. Chapter 2: Bring Back The Woolly Mammoth?

2.5. Reading Skill: Identifying Main Ideas within *Paragraph*

2.6. Vocabulary Skill: The suffix *-ize*

2.7. Real Life Skill: Dictionary Use: *Choosing the Right Word*

Unit 4 Big Money

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng

Chọn lọc trong các kỹ năng đọc đã được học trong các bài trước

Sử dụng kỹ năng đọc lướt để tìm kiếm thông tin.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: What Does a Million Dollars Buy?

2.2. Reading Skill: Identifying Cause and Effect

2.3. Vocabulary Skill: The prefixes *in-*, *im-*, *il-* and *ir-*

2.4. Chapter 2: Lottery Winners-Rich, but Happy?

2.5. Reading Skill: Previewing

2.6. Vocabulary Skill: Noun and Adjective Suffixes *-ent* and *-ant*

2.7. Real Life Skill: Understanding Money and Banking terms

Review

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Ôn tập các kiến thức về kỹ năng đọc cho sinh viên đã học từ bài 1 đến bài 4. Luyện tập các kỹ năng trong một số bài đọc hiểu để rèn luyện khả năng đọc hiểu và chuẩn bị để làm tốt bài kiểm tra.

2. Nội dung chương:

Fluency Strategy: DRTA; Ecotourism Reference Article

Fluency Practice:

Modern Fashion Trends Webpage

Endangered Animal Success Stories Newspaper Article.

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 5 Cultural Events

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng

Vận dụng được kỹ năng đọc: *đoán nội dung sẽ đọc, đọc lướt.*

Phân biệt các từ vựng đồng âm khác nghĩa trong tiếng Anh.

Trình bày được học các từ, cụm từ được sử dụng khi chấp nhận hay từ chối lời mời.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Wedding Customs

2.2. Reading Skill: Skimming for the Main Idea

2.3. Vocabulary Skill: Word Families

2.4. Chapter 2: That Unique Japanese Holiday Called....Christmas!

2.5. Reading Skill: Predicting

2.6. Vocabulary Skill: Homophones

2.7. Real Life Skill: Accepting and Declining Invitations

Unit 6 It's a Mystery

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng:

Xác định và phân biệt được sự khác nhau giữa *fact* và *theory*.

Sử dụng thủ thuật *đoán nghĩa* của từ dựa trong ngữ cảnh.

Vận dụng được các *collocation* thường xuất hiện trong Tiếng Anh và học các từ vựng có cấu tạo là *spec* hoặc *spic* gắn với một hậu tố hoặc tiền tố khác.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Mystery Tours

2.2. Reading Skill: Identifying Fact versus Theory

2.3. Vocabulary Skill: The Root Word *spec* + Prefixes

2.4. Chapter 2: Is "Spontaneous Human Combustion" Possible?

2.5. Reading Skill: Identifying Meaning from Context

2.6. Vocabulary Skill: Collocations

2.7. Real Life Skill: Researching Mysteries Online

Unit 7 Health

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng:

Trình bày được ý nghĩa của các từ viết tắt được sử dụng trong lĩnh vực y khoa.

Phát triển kỹ năng đọc như *đọc lướt*.

Sử dụng cách học từ vựng theo cách sử dụng *word web* giúp ghi nhớ từ vựng lâu hơn và tốt hơn.

Mở rộng vốn từ vựng của mình với các từ bắt đầu bằng tiền tố *over-*, *under-*.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Successful Dieting

2.2. Reading Skill: Scanning

2.3. Vocabulary Skill: Creating Word Webs

2.4. Chapter 2: Survival at the South Pole

2.5. Reading Skill: Predicting

2.6. Vocabulary Skill: The prefixes *over-* and *under-*

2.7. Real Life Skill: Recognizing Common Medical Abbreviations

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 8 Space and Flight

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng đọc như *xác định ý chính và các ý phụ hỗ trợ* cho ý chính đó.

Chọn lựa cách trả lời những câu hỏi đọc hiểu mang tính chất *gián tiếp, yêu cầu sự suy luận*.

Mở rộng vốn từ với các từ vựng được cấu tạo bắt đầu bằng các *tiền tố* như *de-* hoặc *dis-*.

Sử dụng các thành ngữ được sử dụng với *time*.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Human Adaptation to Space

2.2. Reading Skill: Identifying Main and Supporting Ideas

2.3. Vocabulary Skill: The prefixes *dis-* and *de-*

2.4. Chapter 2: Pioneers of Flight

2.5. Reading Skill: Making Inferences

2.6. Vocabulary Skill: Idioms with *Time*: Inferring Meaning from Context

2.7. Real Life Skill: Dictionary Usage: Identifying Parts of Speech.

Review

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Ôn tập các kiến thức sinh viên đã được giới thiệu và học để giúp sinh viên hệ thống kiến thức cũ cũng như chuẩn bị tốt cho kì thi kết thúc môn học đạt kết quả tốt.

2. Nội dung chương:

Fluency Strategy: KWL; America's Biggest Lottery Winner Magazine Article

Fluency Practice:

Married in a Kimono, Happy in Switzerland Webpage.

The Truth Behind The Da Vinci Code Magazine Article.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết đạt chuẩn theo quy định.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Nei J. Anderson (2009). *Active Skills for Reading: Book 3*. Second edition. Boston: Heinle Cengage Learning.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên và nắm vững các kĩ thuật đọc như *đoán từ, đọc lướt, đọc lướt lấy ý chính, đoán nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh...*

- Kỹ năng:

Phát triển kĩ năng đọc hiểu về các lĩnh vực thuộc văn hóa xã hội.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên phải tự giác và chủ động tự học tập, kiểm tra trung thực và đầy đủ theo quy định

2. Phương pháp:

Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được áp dụng cho sinh viên Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giúp sinh viên nắm vững các kĩ thuật đọc một cách rõ ràng, mở rộng vốn từ qua các tiền tố và hậu tố cấu tạo từ. Vận dụng và đạt hiệu quả kĩ năng đọc để trả lời câu hỏi cũng như yêu cầu của bài đọc hiểu.

- Đối với người học:

Sinh viên chăm chỉ học và trau dồi kiến thức về các kĩ năng sử dụng trong việc đọc hiểu, tham gia đầy đủ các buổi học, chăm chỉ làm các bài tập để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và để ghi nhớ cách thành lập và cấu tạo một từ mới tốt hơn. Sinh viên nên học gia đình từ của các từ mới để linh hoạt khả năng sử dụng ngôn ngữ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kĩ năng đọc lướt, đọc ý chính, đoán từ theo ngữ cảnh, sử dụng word web.

4. Tài liệu tham khảo:

Anne Ediger, & Cheryl Pavlik (1999). *Reading Connection*. Oxford: Oxford University Press.

Linda Lee, & Erik Gunderseu (2002). *Select Reading -Inter*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỜNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đọc 2

Mã môn học: KHCB119

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Đọc 2 là môn học Cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân Bạc Cao đẳng ngành Tiếng Anh. Sinh viên đã hoàn tất môn học Đọc.

– Tính chất:

Môn học Đọc 2 là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất lí thuyết cung cấp kiến thức cơ bản để sử dụng trong các môn học ngành tiếng Anh và công việc có liên quan đến ngôn ngữ Anh sau khi ra trường, theo Quy định đào tạo Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố HCM.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học Đọc 2, sinh viên có khả năng:

Trình bày về gia đình, giáo dục, khoa học đời sống và mỹ thuật, liên quan đến các nền văn hóa trên thế giới, y tế, phương tiện truyền thông và giải trí và đời sống xã hội.

Lựa chọn kĩ năng, thủ thuật đọc hiểu và mở rộng vốn từ vựng thông qua những bài đọc hiểu có độ khó cao hơn môn học Đọc 1.

– Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học Đọc 2, sinh viên có khả năng:

Sử dụng tốt các thủ thuật đọc hiểu tài liệu khoa học, kĩ thuật với mức độ từ vựng đa dạng và ngữ pháp nâng cao.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác, chủ động tự học và rèn luyện khả năng đọc để đáp ứng hiệu quả với các công việc có liên quan đến kĩ năng này.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 The Changing Family Chapter 1: Is an Only Child a Lonely Child? Chapter 2: Chaging Roles: Stay-at-Home Dads	3	3		
2	Unit 2 Education Chapter 1: Homeschooling-A Better Way to Learn? Chapter 2: Suggestopedia	3	3		
3	Unit 3 The Mystery of Memory Chapter 1: How Good Is Your Memory? Chapter 2: Words to Remember	3	3		
4	Unit 4 Art and Literature Chapter 1: Zorro: A Review Chapter 2: From Comic Books to Graphic Novels	3	3		
5	Review	2	2		
6	Test 1	1			1
7	Unit 5 Looking for Work Chapter 1: The Idol Life: Entrepreneurial Chapter 2: Job Interview Types	3	3		
8	Unit 6 Computer Culture Chapter 1: Unmasking Virus	3	3		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
9	Writers and Hackers Chapter 2: Female Virus Writer Packs a Punch Unit 7 Travel Adventures	3	3		1
10	Chapter 1: Into the Heart of a Family in Casablanca Chapter 2: Canaima-Eco-tours with Angels and Devils Test 2	1			
11	Unit 8 Haunted by the past Chapter 1: The Bell Witch Chapter 2: Vanishing Hitchhikers	3	3		
12	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 The Changing Family

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Phân biệt được sự khác biệt giữa *Fact* và *Opinion*

Sử dụng *Fact* và *Opinion* khi trình bày những chủ đề mang tính chất tranh luận hay gây tranh cãi.

Áp dụng được kỹ năng *previewing* khi đọc một bài đọc hoàn toàn mới.

Mở rộng vốn từ của mình với các danh từ ghép

Trình bày được cách đoán nghĩa của những từ vựng có gốc là các từ như *mater*, *pater* and *juv*.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Is an Only Child a Lonely Child?

2.2. Reading Skill: Recognizing Facts

2.3. Vocabulary Skill: Compound Nouns

2.4. Chapter 2: Changing Roles: Stay-at-Home Dads

2.5. Reading Skill: Previewing

2.6. Vocabulary Skill: The Root Words *pater*, *mater* and *juv*

2.7. Real Life Skill: Describing Family Relationships

Unit 2 Education

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có thể

Đọc hiểu tốt các bài đọc về chủ đề mang tính chất tranh luận theo 2 hướng: *đồng ý* hoặc *không đồng ý*.

Mở rộng vốn từ của mình với các từ có cấu tạo từ gốc là *ven/ vent* cũng như các từ được tạo thành từ các hậu tố như *–ible* và *–able*.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Homeschooling-A Better Way to Learn?

2.2. Reading Skill: Arguing For and Against a Topic

2.3. Vocabulary Skill: The root word: *ven/ vent*

2.4. Chapter 2: Suggestopedia

2.5. Reading Skill: Identifying Meaning from Context

2.6. Vocabulary Skill: The suffixes *–ible* and *–able*

2.7. Real Life Skill: Identifying Common Academic/ Abbreviations

Unit 3 The Mystery of Memory

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng

Vận dụng được kỹ năng đọc như *skimming* và *scanning*.

Mở rộng vốn từ của mình với các từ có cấu tạo từ gốc là *fic/ fice*.

Vận dụng được chiến thuật để nhớ từ mới bằng cách *liên tưởng* để ghi nhớ từ mới dễ dàng và lâu hơn.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: How Good Is Your Memory?

2.2. Reading Skill: Skimming for the Main Idea

2.3. Vocabulary Skill: The Root Word *fic/ fice*

2.4. Chapter 2: Words to Remember

2.5. Reading Skill: Scanning

2.6. Vocabulary Skill: Vocabulary Recall Strategies

2.7. Real Life Skill: Using Spelling Rules

Unit 4 Art and Literatures

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng *đọc lướt* tìm thông tin về *opinion* hay *attitude* trong bài đọc.

Mở rộng vốn từ vựng với các từ được hình thành theo hình thức *tính từ ghép* và mở rộng *các từ trái nghĩa*.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Zorro: A Review

2.2. Reading Skill: Skimming for Opinions and Attitudes

2.3. Vocabulary Skill: Compound Adjective

2.4. Chapter 2: From Comic Books to Graphic Novels

2.5. Reading Skill: Identifying Main and Supporting ideas

2.6. Vocabulary Skill: Antonyms

2.7. Real Life Skill: Reading Online/ Movie Reviews

Review

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Ôn tập các kiến thức về kỹ năng đọc cho sinh viên đã học từ bài 1 đến bài 4. Luyện tập các kỹ năng trong một số bài đọc hiểu để rèn luyện khả năng đọc hiểu cho sinh viên và chuẩn bị để làm tốt bài kiểm tra giữa môn học.

2. Nội dung chương:

Fluency Strategy: Thinking ACTIVELY while Reading; Korean Americans at GBS High School Magazine Article

Fluency Practice:

2.1. You Can Be a World Memory Champion! Webpage

2.2. Manga, Manhwa, and Manhwa Reference Article.

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 5 Looking for Work

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng

Áp dụng kỹ năng *đọc lướt*.

Mở rộng vốn từ của mình với các từ có cấu tạo từ gốc là *ten/ tain*.

Trình bày được và phân biệt các từ đồng âm khác nghĩa để tránh sai sót và nhầm lẫn khi đọc.

Phân biệt các từ đồng âm khác nghĩa để tránh sai sót và nhầm lẫn khi đọc.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: The Idol Life: Entrepreneurial

2.2. Reading Skill: Scanning

2.3. Vocabulary Skill: The Root Word: *ten/ tain*

2.4. Chapter 2: Job Interview Types

2.5. Reading Skill: Skimming for Content

2.6. Vocabulary Skill: Homophones

2.7. Real Life Skill: Reading Job Ads

Unit 6 Computer Culture

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng *đọc hiểu mang tính chất suy luận* để trả lời thông tin được yêu cầu.

Nâng cao và mở rộng vốn từ của mình với các từ có cấu tạo từ gốc là *plic/ graph* và *graphy*.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Unmasking Virus Writers and Hackers

2.2. Reading Skill: Understanding Inference

2.3. Vocabulary Skill: The Root Word *plic*

2.4. Chapter 2: Female Virus Writer Packs a Punch

2.5. Reading Skill: Arguing For and Against a Topic

2.6. Vocabulary Skill: The Root Word *graph/ graphy*

2.7. Real Life Skill: Reading Computer/ Advertising

Unit 7 Travel Adventures

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng *đọc các sự kiện gắn với thời gian* để tìm một thông tin nào đó trong bài đọc.

Nâng cao và mở rộng vốn từ của mình với các từ có cấu tạo từ gốc là *ject*.

Áp dụng được vốn từ vựng về các trạng từ chỉ cảm xúc.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: Into the Heart of a Family in Casablanca

2.2. Reading Skill: Identifying chronological events

2.3. Vocabulary Skill: Adverbs of Emotion

2.4. Chapter 2: Canaima-Eco-tours with Angels and Devils

2.5. Reading Skill: Previewing

2.6. Vocabulary Skill: The root word *ject*-

2.7. Real Life Skill: Choosing a Travel Guidebook

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 8 Haunted by the past

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có khả năng:

Vận dụng được kỹ năng *đoán nghĩa* dựa vào ngữ cảnh.

Mở rộng vốn từ với các từ vựng được cấu tạo từ các từ gốc *pos/ pon* và *mort*.

Trình bày được các thể loại truyện.

Chọn được cách phù hợp để đọc hiệu quả.

2. Nội dung chương:

2.1. Chapter 1: The Bell Witch

2.2. Reading Skill: Identifying Meaning from context

2.3. Vocabulary Skill: The Root word *pos and pon*

2.4. Chapter 2: Vanishing Hitchhikers

2.5. Reading Skill: Recognizing Sequence markers

2.6. Vocabulary Skill: The root word *mort*

2.7. Real Life Skill: Dictionary Usage: Types of Stories.

Review

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Ôn tập các kiến thức sinh viên đã được giới thiệu và học để giúp sinh viên hệ thống kiến thức cũ cũng như chuẩn bị tốt cho kì thi kết thúc môn học đạt kết quả tốt.

2. Nội dung chương:

Fluency Strategy: Muscle Reading; The Internet entrepreneur Magazine Article.

Fluency Practice:

2.1. White Hat and Black Hat Hackers Reference Article

2.2. A Kenyan Safari Travel Article

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lý thuyết có sức chứa phù hợp.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Nei J. Anderson (2009). *Active Skills for Reading: Book 3 and Book 4*. Second edition. Boston: Heinle Cengage Learning.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên và nắm vững các kỹ thuật đọc như *đoán từ, đọc lướt, đọc lướt lấy ý chính, đoán nghĩa của từ mới dựa vào ngữ cảnh...*

- Kỹ năng:

Phát triển kỹ năng đọc hiểu về các lĩnh vực liên quan đến các nền văn hóa trên thế giới, y tế, phương tiện truyền thông và giải trí và đời sống xã hội.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên và cuối môn học tự giác và trung thực.

2. Phương pháp:

Dạy lý thuyết các kỹ năng đọc và kèm theo ví dụ minh họa.

Hình thức đánh giá kết quả cuối môn học: Trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Dành cho sinh viên bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh, sau khi đã hoàn tất môn học Đọc 1.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giúp sinh viên nắm vững các kỹ thuật đọc một cách rõ ràng. Vận dụng và đạt hiệu quả kỹ năng đọc để trả lời câu hỏi cũng như yêu cầu của bài đọc hiểu. Giúp sinh viên mở rộng vốn từ qua các tiền tố và hậu tố cấu tạo từ.

- Đối với người học:

Sinh viên chăm chỉ học và trau dồi kiến thức về các kỹ năng sử dụng trong việc đọc hiểu, tham gia đầy đủ các buổi học, chăm chỉ làm các bài tập để rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và để ghi nhớ cách thành lập và cấu tạo một từ mới. Sinh viên nên học gia đình từ của các từ mới để linh hoạt khả năng sử dụng ngôn ngữ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kỹ thuật đọc và nắm ý chính.

4. Tài liệu tham khảo:

Anne Ediger, & Cheryl Pavlik (1999). *Reading Connection*. Oxford: Oxford University Press.

Linda Lee, & Erik Gunderseu (2002). *Select Reading -Inter*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỜNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Viết

Mã môn học: KHCB121

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Viết là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Viết là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lí thuyết kết hợp với thực hành gắn liền với quá trình rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học Viết sinh viên Trình bày được các điểm ngữ pháp và từ vựng cần thiết để viết một đoạn văn tiếng Anh. Nhận thức cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học Viết sinh viên có khả năng:

Phân biệt những đặc điểm của từng thể loại văn: miêu tả, chứng minh, và miêu tả quy trình. Nhận biết bày được các lỗi thường gặp khi viết đoạn văn. Viết được các mẫu câu trong tiếng Anh theo đúng ngữ pháp, viết được những đoạn văn có cấu trúc và nội dung theo đúng yêu cầu.

Thực hành tương đối thành thạo các bước trong quy trình viết đoạn: tìm ý, sắp xếp ý, viết nháp, chỉnh sửa, ...

Viết được 3 thể loại văn: miêu tả, chứng minh, và miêu tả quy trình.

Phát hiện và khắc phục được những lỗi sai căn bản trong đoạn văn.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kĩ năng viết để hoàn thành các loại văn bản theo đúng ngữ cảnh, đúng thể thức văn bản.

Có khả năng sử dụng ngôn ngữ nhuần nhuyễn đúng ngữ pháp trong các loại văn bản theo đúng văn phong và yêu cầu của công việc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 The Sentence and the Paragraph (Book 1) Part 1: Stimulating Ideas Part 2: Developing a Paragraph Part 3: Unity and Coherence Part 4: Editing Your Writing Part 5: Putting It All Together	10	10		
2	Unit 2 Descriptive Paragraphs (Book 1) Part 1: Stimulating Ideas Reading Text: “Sari of the Gods” Part 2: Brainstorming and Outlining Part 3: Developing Your Ideas Part 4: Editing Your Writing Part 5: Putting It All Together	10	10		
3	Test	2			2
4	Unit 3 Example Paragraphs (Book 1) Part 1: Stimulating Ideas Part 2: Brainstorming and Outlining Part 3: Developing Your Ideas Part 4: Editing Your Writing Part 5: Putting It All Together	10	10		
5	Unit 4 Process Paragraphs	10	10		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
6	(Book 1) Part 1: Stimulating Ideas Part 2: Brainstorming and Outlining Part 3: Developing Your Ideas Part 4: Editing Your Writing Part 5: Putting It All Together Review	3	3		
Tổng cộng		45	43	00	2

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1: The sentence and the paragraph

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Trình bày được về cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn.

Viết được câu đơn, sử dụng dấu câu và chữ viết hoa. Nhận biết bày được và khắc phục các lỗi sai về cấu trúc câu: thiếu chủ ngữ hoặc vị ngữ (fragments); thiếu từ nối (run-on sentences)

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1: Stimulating Ideas

The Paragraph

Formating a Paragraph

2.2. Part 2: Developing a Paragraph

Paragraph organization

The Topic Sentence

Supporting Sentences

The Concluding Sentence

2.3. Part 3: Unity and Coherence

Unity within a Paragraph

Coherence within a Paragraph

2.4. Part 4: Editing Your Writing

Simple Sentence Structure

Punctuation and Capitalization

Fragments

Run-on Sentences

2.5. Part 5: Putting It All Together

Unit 2: Descriptive paragraphs

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cấu trúc thường dùng của một đoạn văn miêu tả.

Sử dụng được cấu trúc và từ vựng thường dùng của một đoạn văn miêu tả.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1: Stimulating Ideas

Reading Text: “Sari of the Gods”

2.2. Part 2: Brainstorming and Outlining

Descriptive Organization

2.3. Part 3: Developing Your Ideas

Using Specific Language

2.4. Part 4: Editing Your Writing

Using Adjectives in Descriptive Writing

Using *Be* to Describe and Define

2.5. Part 5: Putting It All Together

Test

Thời gian: 2 giờ

Unit 3: Example paragraphs

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cấu trúc của một đoạn văn chứng minh kèm theo việc sử dụng ví dụ làm dẫn chứng.

Sử dụng được cấu trúc của một đoạn văn chứng minh.

Chọn lọc cách sử dụng thì hiện tại đơn (Simple present)

Vận dụng được sự hòa hợp giữa Chủ ngữ - động từ (Subject-verb agreement).

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1: Stimulating Ideas

Reading Text: “Bumping into Mr. Ravioli”

2.2. Part 2: Brainstorming and Outlining

Example Organization

2.3. Part 3: Developing Your Ideas

Using Examples as Supporting Details

2.4. Part 4: Editing Your Writing

Forming and Using the Simple Present

Subject – Verb Agreement

2.5. Part 5: Putting It All Together

Unit 4: Process paragraphs

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Trình bày được từ vựng thường dùng của một đoạn văn miêu tả quy trình.

Sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một đoạn văn miêu tả quy trình.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1: Stimulating Ideas

Reading Text: “How to Fight Off a Shark”

2.2. Part 2: Brainstorming and Outlining

Process Organization

2.3. Part 3: Developing Your Ideas

Using Time Order Words in Process Paragraphs

2.4. Part 4: Editing Your Writing

Using Imperatives

Modals of Advice, Necessity, and Prohibition

2.5. Part 5: Putting It All Together

Review

Thời gian: 3 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, loa, micro, máy cassette

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Savage. A., & Shafiei. M. (1998). *Effective Academic Writing*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các điểm ngữ pháp và từ vựng cần thiết để viết một đoạn văn tiếng Anh. Kiến thức về cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn; và kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ...

- Kỹ năng:

Sinh viên có khả năng viết đoạn văn miêu tả, chứng minh, và miêu tả quy trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ học tập, hiệu quả làm việc nhóm, và tinh thần tự học

2. Phương pháp:

Hình thức thi: Tự luận; Thời gian: 60 phút

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được áp dụng cho các lớp Đại Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất. Giảng dạy từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho sinh viên; đồng thời hướng dẫn sinh viên áp dụng kiến thức đã học để phát triển các kỹ năng Thực hành ngôn ngữ. Điều chỉnh thời gian và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trình độ sinh viên của từng lớp. Hướng dẫn cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm.

- Đối với người học:

Tự giác, chủ động chuẩn bị bài trước khi đến lớp, ôn tập các bài đã học, và trau dồi thêm ở nhà. Tích cực tham gia xây dựng bài và rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Liên hệ kiến thức được học với những môn học ngành khác và thực tiễn ngành nghề. Phát huy tinh thần làm việc nhóm và tinh thần tự học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cấu trúc và quy trình viết đoạn văn tiếng Anh; kỹ năng viết với các thể loại văn: miêu tả, chứng minh, và miêu tả quy trình về các chủ đề trường học, thiên nhiên, cộng đồng...

4. Tài liệu tham khảo:

Hogue A.(1996). *First Step in Academic Writing*. London: Longman.

Oshima A. (1993). Part III, *Writing Academic English*. London: Longman.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Viết 1

Mã môn học: KHCB122

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Viết 1 là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng

– Tính chất:

Môn học Thực hành Viết 1 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với quá trình rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học Thực hành Viết 1 sinh viên có khả năng hiểu các điểm ngữ pháp và từ vựng cần thiết.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học Thực hành Viết 1 sinh viên có khả năng:

Phân biệt những đặc điểm các thể loại văn: nêu ý kiến và kể chuyện.

Thực hiện được quy trình viết tiểu luận ngắn và đặc điểm của tiểu luận miêu tả.

Viết được các mẫu câu đơn, câu ghép, ...trong tiếng Anh theo đúng ngữ pháp, viết được những đoạn văn có cấu trúc và nội dung theo đúng yêu cầu.

Viết được 2 thể loại văn: nêu ý kiến và kể chuyện.

Phát hiện được những lỗi sai về câu trong đoạn văn.

Khắc phục được những lỗi sai về câu trong đoạn văn.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực trong quá trình học tập và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kỹ năng để hoàn thành các nhiệm vụ có liên quan đến khả năng viết một cách tốt nhất.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

	Tên các bài trong học phần	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Opinion Paragraphs Part 1 Stimulating Ideas Part 2 Brainstorming and Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	12		12	
2	Test 1	3		3	
3	Unit 2 Narrative Paragraphs Part 1 Stimulating Ideas Part 2 Brainstorming and Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	12		12	
4	Test 2	3		3	
5	Unit 3 Paragraph to Short Essay Part 1 The Paragraph Part 2 Unity and Coherence Part 3 From Paragraph to Short Essay Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	12		12	
6	Test 3	3		3	
7	Unit 4 Descriptive Essays Part 1 Stimulating Ideas Reading Text: “Food is Good”	12		12	

	Tên các bài trong học phần	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
8	Part 2 Brainstorming and Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together Review	3		3	
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1: Opinion paragraphs

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên biết và sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một đoạn văn nêu ý kiến.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1. Stimulating Ideas

2.2. Part 2. Brainstorming and Outlining

Opinion Organization

2.3. Part 3. Developing Your Ideas

Using Reasons to Support an Opinion

2.4. Part 4. Editing Your Writing

Using *There is/ There are* to Introduce Facts

Using Because of and Because to Give Reasons

2.5. Part 5. Putting It All Together

Test 1

Thời gian: 03 giờ

Unit 2: Narrative paragraphs

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên biết và sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một đoạn văn kể chuyện.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1. Stimulating Ideas

Reading Text: “The Snake-Man”

2.2. Part 2. Brainstorming and Outlining

Narrative Organization

2.3. Part 3. Developing Your Ideas

Using Sensory and Emotional Details

Showing Order of Events in Narrative Paragraphs

Showing Simultaneous Events

2.4. Part 4. Editing Your Writing

Forming and Using the Simple Past

Forming and Using the Past Continuous

2.5. Part 5. Putting It All Together

Test 2

Thời gian: 03 giờ

Unit 3: Paragraph to short essay

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên biết cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết trong đoạn văn. Giới thiệu về cấu trúc của một tiểu luận ngắn. Luyện tập viết câu đơn và câu ghép. Nhận biết và khắc phục lỗi sai về run-on sentences.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1. The Paragraph

Review of Paragraph Structure

Formating a Paragraph

The Topic Sentence

2.2. Part 2. Unity and Coherence

Unity within a Paragraph

Coherence in a Paragraph

2.3. Part 3. From Paragraph to Short Essay

The Paragraph and the Short Essay

Short Essay Organization

2.4. Part 4. Editing Your Writing

The Sentence

Simple and Compound Sentences

Run-on Sentences

Dependent Clauses

2.5. Part 5. Putting It All Together

Test 3

Thời gian: 03 giờ

Unit 4: Descriptive essays

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên biết và sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một tiểu luận miêu tả.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1. Stimulating Ideas

Reading Text: “Food is Good”

2.2. Part 2. Brainstorming and Outlining

Descriptive Organization

2.3. Part 3. Developing Your Ideas

Prepositional Phrase in Descriptive Writing

Adding Details to Sentences

Similes

2.4. Part 4. Editing Your Writing

Using Adjectives in Descriptive Writing

Formation of Adjectives

Describing feelings

Order of Adjectives

2.5. Part 5. Putting It All Together

Review

Thời gian: 03 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, loa, micro, máy cassette

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Savage. A., & Shafiei. M. (1998). *Effective Academic Writing*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một đoạn văn; và kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ...

- Kỹ năng:

Kỹ năng viết đoạn văn nêu ý kiến và kể chuyện; và khả năng viết tiểu luận miêu tả

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ học tập, hiệu quả làm việc nhóm, và tinh thần tự học.

2. Phương pháp:

Hình thức thi cuối kì: Tự luận, Thời gian: 60 phút

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Các lớp Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất. Ôn tập từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho sinh viên; đồng thời hướng dẫn sinh viên áp dụng kiến thức đã học để phát triển các kỹ năng viết. Điều chỉnh thời gian và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trình độ sinh viên của từng lớp.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng viết đoạn văn với các thể loại văn: nêu ý kiến và kể chuyện; đồng thời làm quen với cách viết tiểu luận gắn với các chủ đề y tế, phương tiện truyền thông và giải trí và đời sống xã hội.

4. Tài liệu tham khảo:

Oshima, A & Hogue (1997). *A Introduction to Academic writing*. Part I. London: Longman.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hànhViết 2

Mã môn học: KHCB123

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Viết 2 là môn học cơ sở trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Thực hành Viết 2 là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính Thực hành gắn liền với quá trình rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có khả năng:

Vận dụng các điểm ngữ pháp và từ vựng cần thiết.

Phân biệt những đặc điểm các thể loại luận: nêu ý kiến, kể chuyện, so sánh, nguyên nhân – hệ quả.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có khả năng:

Vận dụng các điểm ngữ pháp viết được những bài luận có cấu trúc và nội dung theo đúng yêu cầu.

Viết được 4 thể loại bài luận: nêu ý kiến, kể chuyện, so sánh, nguyên nhân – hệ quả.

Phát hiện và khắc phục được những lỗi sai về câu trong bài luận.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc theo nhóm, có tinh thần tự học, tự rèn luyện kỹ năng viết để thực hiện được các loại văn bản phù hợp với yêu cầu và tính chất của công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1 Narrative Essays Part 1 Stimulating Ideas Part 2 Brainstorming and Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	10		10	
2	Test 1	3		3	
3	Chương 2 Opinion Essays Part 1 Stimulating Ideas Part 2 Brainstorming and Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	10		10	
4	Test 2	3		3	
5	Chương 3 Comparison and Contrast Essays Part 1 Stimulating Ideas Part 2 Brainstorming and Outlining Part 3 Developing Your Ideas Part 4 Editing Your Writing Part 5 Putting It All Together	10		10	
6	Test 3	3		3	
7	Chương 4 Cause and Effect Essays	10		10	

8	Part 1 Stimulating Ideas				
	Part 2 Brainstorming and Outlining				
	Part 3 Developing Your Ideas				
	Part 4 Editing Your Writing				
	Part 5 Putting It All Together				
	Chương 5 The Five-paragraph Essay	11		11	
	Part 1 The Paragraph				
	Part 2 Developing the Five – Paragraph Essay				
	Part 3 Unity and Coherence				
	Part 4 Editing Your Writing				
	Part 5 Putting It All Together				
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1 Narrative essays

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 1, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một tiểu luận kể chuyện.

Sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một tiểu luận kể chuyện.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1 Stimulating Ideas

Reading Text: “Breaking Ground to be a Man”

2.2. Part 2 Brainstorming and Outlining

Narrative Organization

2.3. Part 3 Developing Your Ideas

Showing Sequence in Narrative Essays

Time Adverb

Subordinating Conjunctions

Adding Details to Essays

2.4. Part 4 Editing Your Writing

Using the Past Continuous in Narrative Essays

Past Time Clauses
Simultaneous Activities
Interrupted Activities
Events in Sequence

2.5. Part 5 Putting It All Together

Test 1

Thời gian: 3 giờ

Chương 2 Opinions essays

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 2, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một bài luận nêu ý kiến.

Trình bày được và sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một bài luận nêu ý kiến.

Vận dụng được cách lập luận bác bỏ một ý kiến khác (refutation and counter-argument).

Phân biệt được các cấu trúc và từ vựng thường dùng trong văn nêu ý.

Viết được các cấu trúc và từ vựng thường dùng trong văn nêu ý.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1 Stimulating Ideas

Reading Text: “Wireless: Bhutan’s Hills Are Alive with Sound of Cell Phones”

2.2. Part 2 Brainstorming and Outlining

Opinion Organization

2.3. Part 3 Developing Your Ideas

Facts and Opinions

Interpreting Facts to Support an Opinion

Counter-Argument and Refutation

2.4. Part 4 Editing Your Writing

Using Quantity Expressions in Opinion Essays

Quantity Expressions

Using Connectors to Show Support and Opposition

2.5. Part 5 Putting It All Together

Test 2

Thời gian: 3 giờ

Chương 3 Comparision and contrast essays

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 3, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một bài luận so sánh.

Sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một bài luận so sánh.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1 Stimulating Ideas

Reading Text: “Learning about Differences”

2.2. Part 2 Brainstorming and Outlining

Comparison and Contrast Organization

2.3. Part 3 Developing Your Ideas

Comparison and Contrast Connectors

2.4. Part 4 Editing Your Writing

Using Comparatives in Comparison and Contrast Essays

Comparatives in Sentences

2.5. Part 5 Putting It All Together

Test 3

Thời gian: 3 giờ

Chương 4 Cause and effect essays

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 4, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một bài tiểu luận nguyên nhân – hệ quả.

Sử dụng được cấu trúc, từ vựng thường dùng của một bài tiểu luận nguyên nhân – hệ quả.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1 Stimulating Ideas

Reading Text: “The Millionaire Next Door”

2.2. Part 2 Brainstorming and Outlining

Cause and Effect Organization

Clustering Information

2.3. Part 3 Developing Your Ideas

Casual Chains

2.4. Part 4 Editing Your Writing

The Future with *Will*

Using *Will* with *So That*

Expressing Future Possibility with *If* Clauses

2.5. Part 5 Putting It All Together

Chương 5 The Five - Paragraph Essay

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong chương 5, sinh viên có khả năng

Trình bày cơ sở lý thuyết của một bài luận văn có 5 đoạn.

Viết một bài luận văn có 5 đoạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Part 1 The Paragraph

Reading Text: “Becoming an Academic Writer”

Review of Short Essay Structure

2.2. Part 2 Developing the Five – Paragraph Essay

The Introduction

Body Paragraphs

The Conclusion

2.3. Part 3 Unity and Coherence

Unity within a Paragraph

Unity within an Essay

Coherence

2.4. Part 4 Editing Your Writing

Clauses

Run-on Sentences

Sentence Fragments

Verb Tense Consistency

2.5. Part 5 Putting It All Together

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, loa, micro, máy cassette

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Savage. A., & Shafiei. M. (1998). *Effective Academic Writing*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức về cấu trúc, dạng thức, tính thống nhất và liên kết của một bài luận; và kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ...

– Kỹ năng:

Khả năng viết bài luận kể chuyện, nêu ý kiến, so sánh, nguyên nhân – hệ quả

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ học tập, hiệu quả làm việc nhóm, và tinh thần tự học

2. Phương pháp:

Hình thức thi kết thúc môn học: Tự luận, Thời gian: 60 phút

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Các lớp Đại Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất. Ôn tập từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho sinh viên; đồng thời hướng dẫn sinh viên áp dụng kiến thức đã học để phát triển các kỹ năng viết. Điều chỉnh thời gian và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trình độ sinh viên của từng lớp. Hướng dẫn cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm và tự học.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM.

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kỹ năng viết tiểu luận ngắn: kể chuyện, nêu ý kiến, so sánh, nguyên nhân – hệ quả,...

4. Tài liệu tham khảo:

Oshima, A & Hogue (1997). *A Introduction to Academic writing*. Part I. London: Longman.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Hình vị học

Mã môn học: KHCB111

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lí thuyết: 43 giờ; Thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Hình vị học là một môn học cơ sở thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Chương trình môn học Hình vị học là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính lí thuyết, gắn liền với kĩ năng sử dụng ngôn ngữ. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các loại từ, cách cấu tạo của từ trong tiếng Anh, các biến thể về hình vị ngữ âm học của từ, nhằm nâng cao hiểu biết về cấu tạo từ trong tiếng Anh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Trình bày được những kiến thức cơ bản về hình thái học của tiếng Anh gồm: hình vị, tha hình vị, từ, và các thành tố trực tiếp cấu tạo nên từ tiếng Anh; các quy tắc hình thái học.

Chọn lọc các quy trình cấu tạo hình thành từ; và các quy tắc phân tích từ.

– Kĩ năng:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có thể:

Viết được các quy tắc hình thái học trong Tiếng Anh.

Phân tích cấu tạo từ; phân biệt các loại hình vị, tha hình vị, từ, quy trình tạo từ khác nhau.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc, ứng dụng kiến thức về hình vị đã học để hoàn thành các công việc có liên quan đến văn bản, thể thức văn bản và phù hợp với văn phong được quy định.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Morphemes	10	10		
2	Unit 2 Derivation and Inflection	10	10		
3	Test 1	1			1
4	Unit 3 Immediate Constituents in Morphology	10	10		
5	Unit 4 Words	10	10		
6	Test 2	1			1
7	Review	3	3		
Tổng cộng		45	43	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Morphemes

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các thuật ngữ: hình vị, tha hình vị, từ, âm vị, âm tiết.

Trình bày được tính chất các tha hình vị.

Phân loại được các thuật ngữ: hình vị, tha hình vị, từ, âm vị, âm tiết.

Phân biệt được các loại hình vị trong tiếng Anh.

Áp dụng được được các tha hình vị.

2. Nội dung chương:

2.1. Definition- Characteristics

2.2. How to distinguish Morphemes from Phonemes, Syllables and Words?

2.3. Classification of Morphemes

2.4. Variations of Morphemes - Allomorphs

Unit 2 Derivation and inflection

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên

Trình bày được định nghĩa, bản chất của hai quá trình: phái sinh và biến cách.

Phân biệt được hai quá trình: phái sinh và biến cách.

Nhận biết được một số quy luật hình thái học căn bản.

Viết được một số quy luật hình thái học căn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Derivation

2.2. Inflection

2.3. How to distinguish Derivation from Inflection

Test 1

Thời gian: 01 giờ

Unit 3 Immediate constituents in Morphology

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Trình bày được định nghĩa thành tố trực tiếp của từ và quy luật phân tích từ.

Phân tích được cấu tạo từ.

Sử dụng được các sơ đồ phân tích.

2. Nội dung chương:

2.1. Definition

2.2. Some Recommendations on IC division

2.3. Diagram

Unit 4 Words

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng

Trình bày được định nghĩa, tính chất của từ trong tiếng Anh.

Phân loại từ dựa vào cấu trúc bên trong hoặc quá trình tạo từ.

2. Nội dung chương:

1. Definition

2. Characteristics

3. Classification

Test 2

Thời gian: 01 giờ

Review

Thời gian: 03 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, loa, micro

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Tô Minh Thanh (2017). *English Morphology*. TP. HCM: NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức cơ bản về hình thái học của tiếng Anh gồm: hình vị, tha hình vị, từ, và các thành tố trực tiếp cấu tạo nên từ tiếng Anh; các quy tắc hình thái học; các quy trình cấu tạo hình thành từ, và các quy tắc phân tích từ,

- Kỹ năng:

Viết được các quy tắc hình thái học trong Tiếng Anh; phân tích cấu tạo từ; phân biệt các loại hình vị, tha hình vị, từ, quy trình tạo từ khác nhau.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Hoàn thành phần bài tập học, tích cực tham gia xây dựng bài.

2. Phương pháp: Kiểm tra theo hình thức tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được áp dụng cho các lớp Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất. Cho nhiều ví dụ minh họa và bài tập để giúp sinh viên hiểu bài

- Đối với người học:

Tự giác, chủ động chuẩn bị bài trước khi đến lớp, ôn tập các bài đã học, và tự làm bài tập thêm ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Hình thái cấu trúc của từ, quy tắc cấu tạo từ.

4. Tài liệu tham khảo:

Nguyen H. L. (2000). *An Outline of Morphology*. HCM Publishing House.

Anderson S. R. (2000). *Morphous Morphology*, Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỜNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Biên dịch 1

Mã môn học: KHCB124

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Biên dịch 1 là môn học thực hành chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Thực hành Biên dịch 1 là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất thực hành cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản để sử dụng trong các môn học ngành tiếng Anh và công việc có liên quan đến ngôn ngữ Anh sau khi ra trường.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học Thực hành Biên dịch 1 sinh viên có khả năng

Trình bày cách mở rộng vốn từ vựng.

Rèn luyện kỹ năng biên dịch, củng cố thủ thuật đọc hiểu các vấn đề văn chương, học thuật, rèn luyện khả năng dịch văn bản theo chủ đề từ đơn giản đến hàn lâm.

– Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học Thực hành Biên dịch 1 sinh viên có khả năng

Sử dụng tốt các thủ thuật đọc hiểu tài liệu khoa học, kỹ thuật với mức độ từ vựng đa dạng và ngữ pháp nâng cao, vận dụng các điểm ngữ pháp để biên dịch chính xác về nghĩa và đảm bảo tính trong sáng của ngôn ngữ Anh và Việt.

Biên dịch các văn bản có các chủ đề đa dạng về chính trị, văn hóa – xã hội, y tế, kinh tế và pháp luật từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

Biên dịch những đoạn báo cáo hoặc phát biểu theo chủ đề về chính trị, văn hóa – xã hội, y tế, kinh tế, nông nghiệp, và pháp luật... ở mức độ dễ từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự học tập và làm việc, có tinh thần hợp tác và làm việc nhóm, hoàn tất các công việc có liên quan đến khả năng biên dịch một cách hiệu quả.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Politics	8		8	
2	Unit 2 Culture and Society	8		8	
3	Test 1	2		2	
4	Unit 3 Education	8		8	
5	Unit 4 Public Health	8		8	
6	Unit 5 Agriculture	8		8	
7	Test 2	2		2	
8	Unit 6 Economy and Commerce	7		7	
9	Unit 7 Law	7		7	
10	Final Test	2		2	
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Politics

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn liên quan đến cơ quan nhà nước, chức vụ, một số vấn đề về chính trị, xã hội.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Political People

2.2. Lesson 2 Structures

2.3. Lesson 3 Political Issues

Unit 2 Culture and Society

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến một số vấn đề văn hóa, xã hội, về thiết chế văn hóa xã hội.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Culture and Society Institutions

2.2. Lesson 2 Social and Cultural Issues

Unit 3 Education

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến giáo dục, Trình bày được các khái niệm cơ bản thường được sử dụng trong giáo dục, các vấn đề trong giáo dục.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Concepts

2.2. Lesson 2 Educational Issues

Unit 4 Public Health

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến Y tế, Trình bày được các thuật ngữ y học phổ thông, tên một số chứng bệnh, một số vấn đề y học và y tế, một số thuật ngữ được dùng trong đông y.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Common Medical Terms

2.2. Lesson 2 Medical and Health Care Issues

2.3. Lesson 3 Some Common Chinese Medical Terms

Unit 5 Agriculture

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến nông nghiệp, Trình bày được các thuật ngữ nông nghiệp phổ thông, một số vấn đề nông nghiệp.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Common Agricultural Terms

2.2. Lesson 2 Some Agricultural Issues

Unit 6 Economy and Commerce

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến kinh tế thương mại, Trình bày được một số thuật ngữ kinh tế- thương mại, tài chính phổ biến, dịch được các đoạn văn về vấn đề kinh tế, chính trị.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Common Economic and Commercial Terms

2.2. Lesson 2 Some Economic, Financial, and Commercial Issues

Unit 7 Law

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến pháp luật, Trình bày được một số thuật ngữ thông dụng trong các văn bản luật. Dịch được một số văn bản có liên quan đến vấn đề pháp lí.

2. Nội dung chương:

2.1. Lesson 1 Some Common Legal Terms

2.2. Lesson 2 Some Legal Issues

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Duong Ngoc Dung (2007). *Course in Translation and Interpretation of English*. TP. HCM: NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức đa dạng về cuộc sống, xã hội, kinh tế, pháp luật.

- Kỹ năng:

Kỹ năng biên dịch chính xác về nghĩa của văn bản tiếng Anh đồng thời đảm bảo sử dụng tiếng Việt trong văn bản đúng bản chất ngôn ngữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Dạy lí thuyết các kỹ năng biên dịch kèm theo ví dụ minh họa. Luyện tập và làm các bài tập để rèn luyện kỹ năng.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Thực hành Biên dịch 1 áp dụng cho sinh viên Bậc cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giúp sinh viên nắm vững các kỹ thuật biên dịch. Vận dụng kiến thức ngữ pháp đạt hiệu quả, đồng thời sinh viên mở rộng vốn từ thông qua các bài tập dịch thuật và phiên dịch đa dạng chủ đề.

Giảng viên chọn các nội dung theo chủ đề tương tự của giáo trình được cập nhật từ thực tế làm tư liệu giảng dạy để làm phong phú thêm bài giảng.

- Đối với người học:

Sinh viên chăm chỉ học và trau dồi kiến thức về các kỹ năng sử dụng trong việc đọc hiểu, tham gia đầy đủ các buổi học, chăm chỉ làm các bài tập để rèn luyện kỹ năng biên dịch văn bản và các đoạn hội thoại, phát biểu.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kỹ thuật biên dịch, khả năng sử dụng tiếng Việt chính xác.

4. Tài liệu tham khảo:

Dennis Chamberlin, & Gilian White (1987). *Advanced English for Translation*. Cambridge: Cambridge University Press.

Betty Schramper Azar (1989). *Understanding and Using English Grammar*. New Jersey: Prentice Hall Regents.

Luu Trong Tuan (2012). *An Introduction into Translation Theories*. NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM.

Raymond Murphy (2006). *English Grammar In Use*. Third edition. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực hành Biên dịch 2

Mã môn học: KHCB125

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Thực hành Biên dịch 2 là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Thực hành Biên dịch 2 là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất thực hành rèn luyện cơ bản để dịch thuật đào tạo ngành tiếng Anh và công việc có liên quan đến ngôn ngữ Anh sau khi ra trường.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong môn học Thực hành Biên dịch 2 sinh viên có khả năng:

Trình bày vốn từ vựng;

Chọn lọc kỹ năng biên dịch;

Áp dụng thủ thuật đọc hiểu các vấn đề văn chương, học thuật, khoa học, xã hội; rèn luyện khả năng dịch văn bản.

– Kỹ năng:

Sau khi học xong môn học Thực hành Biên dịch 2 sinh viên có khả năng:

Sử dụng tốt các thủ thuật đọc hiểu tài liệu khoa học, kỹ thuật với mức độ từ vựng đa dạng và ngữ pháp nâng cao, vận dụng các điểm ngữ pháp để biên dịch chính xác về nghĩa và đảm bảo tính trong sáng của ngôn ngữ Anh và Việt.

Biên dịch các văn bản có các chủ đề đa dạng về An ninh quốc phòng, khoa học, văn học nghệ thuật, triết học từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

Biên dịch những đoạn báo cáo hoặc phát biểu theo nhiều chủ đề ở mức độ dễ từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự học tập và làm việc hiệu quả các công việc có liên quan đến biên dịch, phát huy tinh thần làm việc nhóm, tinh thần hợp tác để đạt hiệu quả tối ưu trong vị trí việc làm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Public Security and National Defense Some Common Terms Some Issues of Public Security and National Defense	6		6	
2	Unit 2 Science Natural Sciences Social Sciences	6		6	
3	Test 1	2		2	
4	Unit 3 Literature and Fine Arts Elements of Literature Asian Literature Fine Arts	6		6	
5	Unit 4 Philosophy Some Basic Concepts and Terminologies Some Philosophical Issues	6		6	
6	Test 2	2		2	
7	Unit 5 Religions and Beliefs Eastern Religious Traditions Western Religious Traditions	6		6	
8	Unit 6 International Relations American Foreign Policies	6		6	

	China and International Relations Theories of International Relations				
9	Test 3	2		2	
10	Unit 7 Mass Media and Mass Communication Investigative Reporting and the Internet Individual, Society, and Mass Media Advertising	6		6	
11	Unit 8 Literary Style	6		6	
12	Unit 9 The Formal Style	6		6	
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Public Security and National Defense Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn liên quan đến An ninh – Quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. Some Common Terms

2.2. Some Issues of Public Security and National Defense

Unit 2 Science

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến một số vấn đề khoa học tự nhiên và khoa học xã hội từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. Natural Sciences

2.2. Social Sciences

Unit 3 Literature and Fine Arts

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến mỹ thuật, văn hóa, từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. Elements of Literature

2.2. Asian Literature

2.3. Fine Arts

Unit 4 Philosophy

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến triết học và vận dụng triết học, từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Trình bày được một số khái niệm và thuật ngữ triết học căn bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Some Basic Concepts and Terminologies

2.2. Some Philosophical Issues

Unit 5 Religions and Beliefs

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến tôn giáo, đức tin và quan điểm về tôn giáo, từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. Eastern Religious Traditions

2.2. Western Religious Traditions

Unit 6 International Relations

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn lý thuyết về mối quan hệ quốc tế, một số vấn đề liên quan chính sách đối ngoại của Mỹ, về quan hệ quốc tế của Trung Quốc, từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. American Foreign Policies

2.2. China and International Relations

2.3. Theories of International Relations

Unit 7 Mass Media and Mass Communication Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn ngắn có liên quan đến vấn đề truyền thông đại chúng, một số sự kiện, quảng cáo từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

2. Nội dung chương:

2.1. Investigative Reporting and the Internet

2.2. Individual, Society, and Mass Media

2.3. Advertising

Unit 8 Literary Style

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn trích ngắn các tác phẩm văn học từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Các phương thức cú pháp

2.2. Translation Exercises

Unit 9 The Formal Style

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, sinh viên có khả năng dịch thuật các đoạn văn bản khoa học từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Một số đặc tính từ vựng và cú pháp trong văn bản khoa học.

2.2. Translation Exercises

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học Lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Ngoc Dung Duong (2007). *Course in Translation and Interpretation of English*. TP. HCM: NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM.

Ngoc Dung Duong (2007). *Luyện dịch Việt Anh*. TP. HCM: NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức đa dạng về cuộc sống, văn hóa-xã hội.

- Kỹ năng:

Kỹ năng biên dịch chính xác về nghĩa của văn bản tiếng Anh đồng thời đảm bảo sử dụng tiếng Việt trong văn bản đúng bản chất ngôn ngữ.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra.

2. Phương pháp:

Dạy lí thuyết các kỹ năng biên dịch và kèm theo ví dụ minh họa. Luyện tập và làm các bài tập để rèn luyện kỹ năng.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho sinh viên ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giúp sinh viên nắm vững các kỹ thuật biên dịch. Vận dụng kiến thức ngữ pháp đạt hiệu quả, đồng thời sinh viên mở rộng vốn từ thông qua các bài tập dịch thuật và biên dịch đa dạng chủ đề. Có thể sử dụng tư liệu giảng dạy từ các phương tiện truyền thông đại chúng làm chủ đề dịch thuật.

- Đối với người học:

Sinh viên chăm chỉ học và trau dồi kiến thức về các kỹ năng sử dụng trong việc đọc hiểu, tham gia đầy đủ các buổi học, chăm chỉ làm các bài tập để rèn luyện kỹ năng biên dịch văn bản và các đoạn hội thoại, phát biểu.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kỹ thuật biên dịch, khả năng sử dụng tiếng Việt chính xác.

4. Tài liệu tham khảo:

Betty Schramper Azar (1989). *Understanding and Using English Grammar*. New Jersey: Prentice Hall Regents.

Dennis Chamberlin, & Gilian White (1987). *Advanced English for Translation*. Cambridge: Cambridge University Press.

Luu Trong Tuan (2012). *An Introduction into Translation Theories*. NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM.

Raymond Murphy (2006). *English Grammar In Use*. Third edition. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Mã môn học: KHCB126

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh là môn học chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất lý thuyết kết hợp với thực hành cung cấp kiến thức cơ bản bao gồm các phần lý thuyết về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, các nguyên tắc cần thiết đối với giảng viên dạy tiếng Anh trong quá trình giảng dạy, rèn luyện khả năng quản lý giờ dạy. Đồng thời cung cấp kỹ năng phân tích và triển khai thực tế các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể:

Trình bày lý thuyết về các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

Vận dụng được yêu cầu và mục đích sử dụng đồ dùng phương tiện giảng dạy ngoại ngữ;

Chọn lọc các yếu tố có liên quan và ảnh hưởng đến quá trình học và dạy ngoại ngữ và nguyên tắc giảng dạy ngoại ngữ.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn sinh viên có thể:

Thực hành giảng dạy ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng, các kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết.

Tiến hành một giờ giảng chuyên biệt hoặc một giờ giảng tổng hợp bằng nhiều phương pháp giảng dạy, triển khai các hình thức hoạt động nhóm cho một giờ học lý thuyết.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự học tự nghiên cứu để hoàn thành công việc giảng dạy chính hoặc trợ giảng đắc lực.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Presenting vocabulary	3		3	
2	Unit 2 Asking questions	2		2	
3	Unit 3 Presenting structures	3		3	
4	Unit 4 Using the blackboard	2		2	
5	Unit 5 Using a reading text	3		3	
6	Unit 6 Practising structures	2		2	
7	Unit 7 Using visual aids	2		2	
8	Unit 8 Planning a lesson	3		3	
9	Test 1	1		1	
10	Unit 9 Teaching basic reading	3		3	
11	Unit 10 Teaching pronunciation	2		2	
12	Unit 11 Teaching handwriting	2		2	
13	Unit 12 Pairwork and groupwork	2		2	
14	Unit 13 Writing activities	3		3	
15	Unit 14 Eliciting	2		2	
16	Unit 15 Reading activities	2		2	
17	Unit 16 Correcting errors	2		2	
18	Test 2	1		1	
19	Unit 17 Listening activities	2		2	
20	Unit 18 Communicative activities	2		2	
21	Unit 19 Using English in class	3		3	
22	Unit 20 Role play	3		3	
23	Unit 21 Using worksheets	2		2	

24	Unit 22 Classroom tests	3		3	
25	Unit 23 Planning a week's teaching	2		2	
26	Unit 24 Self-evaluation	2		2	
27	Test 3	1		1	
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Presenting vocabulary

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng

Trình bày tầm quan trọng của việc giảng giải từ mới, cách sử dụng loại từ, cách sử dụng từ vựng trong ngữ cảnh.

Trình bày được cách củng cố từ mới thông qua việc đặt câu hỏi.

Thực hiện được kỹ thuật giảng nghĩa từ mới, có khả năng diễn giảng cách dùng từ vựng.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Showing the meaning of the words

Showing meaning visually

Giving examples

2.3. Using a new word

2.4. Vocabulary expansion

2.5. Active and passive vocabulary

Unit 2 Asking questions

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các loại câu hỏi và sử dụng các loại câu hỏi với các mục đích khác nhau.

Trình bày được cách hướng dẫn người học dùng các loại câu trả lời dài và ngắn một cách trôi chảy và tự nhiên.

Thực hiện được cách đặt câu hỏi phù hợp trong tình huống giờ giảng.

2. Nội dung chương:

2.1. Question types

Yes/ No questions

“Or” questions

WH- questions

2.2. Questions with short answers

Checking questions

Real classroom questions

2.3. Eliciting long answers

2.4. Questioning strategies

Unit 3 Presenting structures

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên

Trình bày được cấu trúc, ý nghĩa của cấu trúc câu và cách sử dụng các cấu trúc câu trong tiếng Anh.

Sử dụng được các cấu trúc câu trong tiếng Anh.

Trình bày được cách sử dụng cấu trúc trong tình huống nhất định

Thực hiện được các ví dụ để áp dụng cấu trúc câu dùng trong giảng dạy thực tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Structures and examples

2.2. Showing the meaning of a structure

Showing meaning visually

Showing meaning through a situation

Discussion: Ways of showing meaning

2.3. Showing form and meaning

Focussing on form

Presenting a structure

Contrasting structures

Unit 4 Using the blackboard

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng

Trình bày được các kỹ thuật cơ bản sử dụng bảng viết trong quá trình dạy học.

Vẽ được các hình đơn giản lên bảng để sinh động quá trình dạy học.

2. Nội dung chương:

2.1. Techniques for using the blackboard

Introduction

Writing on the blackboard

Organising the blackboard

2.2. Presenting and practising structures

Blackboard examples

Structure tables

Prompts for practice

2.3. Blackboard drawings

Introduction

Simple blackboard drawings

Using blackboard drawings

Unit 5 Using a reading text

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng

Trình bày kiến thức có liên quan đến việc đọc bài khóa.

Sử dụng được các kỹ thuật sử dụng bài khóa trong giảng dạy.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading a text

2.2. Activities before reading

Presenting new vocabulary

Introducing the text

Guiding questions

Preparing for silent reading

2.3. Checking comprehension

2.4. Follow-up activities

Unit 6 Practising structures

Thời gian: 2 giờ

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng

Hướng dẫn người học cách thực hành các mẫu cấu trúc.

Tổ chức được thực hành nói trong lớp học.

Sử dụng được các tình huống thật và giả định để giúp người học thực hành một cách nhuần nhuyễn.

Kiểm soát được việc thực hành nói trong lớp học.

Sử dụng được các tình huống thật và giả định để giúp người học thực hành nói một cách nhuần nhuyễn.

2. Nội dung chương:

2.1. From presentation to practice

2.2. Controlled practice

Meaningful practice

Organising practice in class

2.3. Free oral practice

Unit 7 Using visual aids

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cách đánh giá hiệu năng sử dụng của các công cụ trực quan để làm tăng chất lượng bài giảng.

Sử dụng hiệu quả các công cụ trực quan trong quá trình giảng dạy.

Làm được các dụng cụ trực quan đơn giản để sử dụng trong quá trình dạy học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Using real objects

2.3. Using flash cards

2.4. Using charts

Charts for language practice

Using charts with a reading text

Displaying charts

Unit 8 Planning a lesson

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có khả năng:

Trình bày được mục tiêu và cấu trúc, nội dung bài giảng.

Phân biệt được các giai đoạn lên lớp.

Trình bày được mối liên kết giữa các giai đoạn.

Biên soạn được giáo án sử dụng trong các giờ lên lớp.

2. Nội dung chương:

2.1. Using the teacher's notes

2.2. Aims and content of the lesson

Aims of the lesson

Language

Skills

2.3. Stages of the lesson

2.4. Writing a lesson plan

2.5. Role play

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 9 Teaching basic reading

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cách đọc các bảng viết tay,

Áp dụng kỹ thuật đơn giản để phát triển kỹ năng viết.

2. Nội dung chương:

2.1. Learning to read

2.2. Recognising words

Look and say

Look and do

Simple reading tasks

2.3. Sounds and spelling

Unit 10 Teaching pronunciation

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các vấn đề khó khăn của người học trong việc phát âm.

Trình bày được các kỹ năng để giúp người học hoàn thiện viết phát các thanh âm riêng lẻ.

Hướng dẫn được người học cách nhấn trọng âm và sử dụng ngữ điệu trong phát âm tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Individual sounds

Focussing on a difficult sound

Practising sounds

2.3. Stress and intonation

Stress

Intonation

Practising stress and intonation

Unit 11 Teaching handwriting

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, sinh viên có khả năng:

Trình bày được nguyên tắc cơ bản trong việc dạy cách viết chữ.

Hướng dẫn được cho người học cách viết chữ riêng lẻ và các chữ nối liền với nhau.

2. Nội dung chương:

2.1. Basic principles

2.2. Teaching individual letters

2.3. Writing words

Unit 12 Pairwork and groupwork

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, sinh viên có khả năng

Trình bày được nguyên tắc hoạt động trong lớp theo từng cặp và hoạt động nhóm.

Trình bày được cách xử lý tình huống sư phạm trong hoạt động nhóm một cách tự tin.

Thực hiện hiệu quả cách tổ chức hoạt động trong lớp theo từng cặp và hoạt động nhóm phù hợp với nội dung giảng dạy và các hoạt động khác nhau của người học trong không gian lớp học.

2. Nội dung chương:

2.1. Pairwork and groupwork

Introduction

Pairwork and groupwork activities

Discussion: Advantages and problems

2.2. Organising pairwork

Discussion

Dividing the class

2.3. Activities in class

Unit 13 Writing activities

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 13, sinh viên có khả năng:

Trình bày tầm quan trọng của kỹ năng viết trong học tiếng Anh.

Hướng dẫn được người học hoàn thiện kỹ năng viết thông qua việc kiểm soát hoạt động trong lớp học.

Hướng dẫn người học hoạt động để rèn luyện kỹ năng viết trước trong và sau giờ học.

2. Nội dung chương:

2.1. Controlled writing

Introduction

Moving beyond copying

Controlled writing activities

Dictation

2.2. Guide writing

Problems of free writing

Writing based on a text

Oral preparation

2.3. Correcting written work

Unit 14 Eliciting

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 14, sinh viên có khả năng:

Trình bày giá trị của việc khuyến khích và dẫn dắt để người học thực hiện các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong học tập: cách đoán từ và cấu trúc, cách đưa ra các câu trả lời đáp ứng cho các tình huống tư duy.

Vận dụng được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Presenting and eliciting

Introduction

Eliciting from pictures

2.2. Getting students to guess

2.3. Getting students to imagine

Unit 15 Reading activities

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 15, sinh viên có khả năng:

Trình bày được tầm quan trọng của hoạt động đọc

Trình bày được cách tạo ra nhu cầu và động lực đọc.

Thực hiện được cách giúp người học hiểu được thông tin chính của bài khóa.

2. Nội dung chương:

2.1. Pre-reading activities

Wanting to read

Pre-reading activities

2.2. Reading the text

Using questions on a text

Completing a table

Eliciting a personal response

Unit 16 Correcting errors

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 16, sinh viên có khả năng

Trình bày tầm quan trọng của việc chỉnh sửa lỗi của người học trong quá trình giảng dạy.

Sử dụng được kĩ thuật sửa lỗi trong bài viết và vấn đáp

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Correcting spoken errors

Strategies for correcting errors

Helping students to correct themselves

2.3. Correcting written work

Introduction

Techniques for correcting written work

Common written errors

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 17 Listening activities

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 17, sinh viên có khả năng

Trình bày được tầm quan trọng của kĩ năng nghe trong việc học tiếng Anh.

Trình bày được thuận lợi của việc tập trung vào hoạt động nghe trong giờ học.

Sử dụng được kĩ thuật nghe và luyện nghe cho người học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

The importance of listening

Listening in real life

Focussed listening

2.2. Helping students to listen

Using a dialogue for listening

Using a cassette recorder

2.3. Getting students to predict

Unit 18 Communicative activities

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 18, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các điểm chính yếu của hoạt động giao tiếp.

Hướng dẫn được người học cách giao tiếp với bạn trong cùng lớp học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Guessing games

2.3. Exchanging information

2.4. Exchanging personal information

Unit 19 Using English in class

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 19, sinh viên có khả năng:

Trình bày được giá trị cần thiết của việc sử dụng tiếng Anh trong giờ giảng.

Sử dụng được cách dùng từ mô tả thời điểm và các mẫu câu thường sử dụng trong giờ học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Social language

2.3. Organising language

2.4. Explanations

Unit 20 Role play

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 20, sinh viên có khả năng:

Trình bày được thể nào là đóng vai và tầm quan trọng của việc tổ chức cho người học đóng vai khi thực hiện bài giảng.

Tổ chức được hoạt động đóng vai trong giờ học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Improvising dialogues

2.3. Interviews based on a text

2.4. Free role play

Organising free role play

Situations for free role play

Conclusion

Unit 21 Using worksheets

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 21, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cách sử dụng tài liệu học tập.

Soạn được bài tập, tài liệu học tập phát tay cho người học trong giờ giảng,

Có kỹ năng chia sẻ với người dạy khác để làm phong phú thêm bộ tài liệu học tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Worksheets for oral practice

2.3. Worksheets for reading and writing

Unit 22 Classroom tests

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 22, sinh viên có khả năng:

Trình bày được tầm quan trọng của việc soạn bài kiểm tra và sử dụng bài kiểm tra để đánh giá chất lượng dạy học.

Trình bày được sự khác biệt giữa các loại bài kiểm tra.

Sử dụng bài kiểm tra để đánh giá một cách công bằng kết quả học tập của người học.

Soạn được bài kiểm tra thuộc nhiều trình độ và cấp độ kiểm tra khác nhau.

Đánh giá được đúng mức độ hiểu bài của đối tượng học.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Testing receptive skills

2.3. Testing grammar and writing

2.4. Oral test

Unit 23 Planning a week's teaching

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 23, sinh viên có khả năng:

Trình bày được mục tiêu dài hạn và ngắn hạn trong giảng dạy.

Phân biệt được một số loại từ cơ bản dùng để mô tả công việc thường ngày của giảng viên.

Trình bày được tầm quan trọng của việc sử dụng và thực hiện các loại hoạt động khác nhau trong giảng dạy, sử dụng được các kỹ năng khuyến khích động viên người học và giúp người học tiến bộ.

Tự ôn lại các kỹ năng đã học trong các bài trước đây.

2. Nội dung chương:

2.1. Introduction

2.2. Learning activities

2.3. Teaching techniques

2.4. Types of interaction

Unit 24 Self-evaluation

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 24, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các thành tố trong việc học và phát triển các khái niệm “giảng dạy tốt”.

Thực hiện tốt việc tự rèn luyện để trở nên giảng viên dạy tốt.

2. Nội dung chương:

2.1. Good and bad teaching

2.2. Helping students to learn

Test 3

Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Adrian Doff (1988). *Teach English- A Training Course for Teachers*. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Lí thuyết về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, các nguyên tắc cần thiết đối giảng viên tiếng Anh trong quá trình giảng dạy, cung cấp phương pháp giảng dạy ngoại ngữ.

- Kỹ năng:

Kỹ năng truyền thụ kiến thức, kỹ năng tiếp nhận thông tin từ nguồn tài nguyên mở.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Dạy lí thuyết và Thực hành sư phạm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh áp dụng cho sinh viên Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị môn học cần phải nghiên cứu kĩ nội dung chương trình môn học để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

Giảng viên chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước ít nhất một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn sinh viên thực hành giảng dạy.

- Đối với người học:

Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn môn học cho phù hợp với tiến độ. Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các kĩ thuật giảng dạy, các phương pháp giảng dạy có ứng dụng công nghệ thông tin, cách tận dụng nguồn tài liệu mở khai thác từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Jane Willis (1997). *Teaching English through English*. London: Longman.

Jemery Harmer (2007). *The Practice of English Language Teaching*. Fourth Edition. London: Pearson Longman.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỜNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh kinh doanh

Mã môn học: KHCB128

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Kinh doanh là một môn học trong chương trình giáo dục ngành Ngoại ngữ bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Chương trình môn học Tiếng Anh Kinh doanh cung cấp kiến thức tiếng Anh trong cuộc sống và trong công việc đặc biệt là công việc kinh doanh, tạo điều kiện để sinh viên có thể nghe, hiểu được các câu, đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống. Đồng thời chương trình học cũng rèn luyện thói quen lập kế hoạch trong kinh doanh và trong công việc cho sinh viên. Thông qua môn sinh viên viên Thực hành để xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp có liên quan đến kinh doanh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn thành môn học này sinh viên có khả năng:

Trình bày được từ vựng, ngữ pháp căn bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống và công việc kinh doanh.

Sử dụng được nhuần nhuyễn từ vựng, ngữ pháp căn bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống và công việc kinh doanh.

– Kỹ năng:

Nghe, hiểu được các câu, đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống và công việc kinh doanh.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có thái độ tích cực trong quá trình học và làm việc; ứng dụng những kiến thức đã học vào những tình huống thực tế trong giao tiếp hằng ngày, thực hiện hiệu quả công việc kinh doanh cá nhân hoặc tùy theo vị trí việc làm trong doanh nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 The business environment	6		6	
2	Unit 2 The company	6		6	
3	Unit 3 Travel	5		5	
4	Test 1	1		1	
5	Unit 4 Sport	6		6	
6	Unit 5 Sales	6		6	
7	Unit 6 Cultural awareness	5		5	
8	Test 2	1		1	
9	Unit 7 Trade fairs	6		6	
10	Unit 8 Advertising	6		6	
11	Unit 9 Fashion and style	5		5	
12	Test 3	1		1	
13	Unit 10 Technology	6		6	
Tổng cộng		60	00	60	00

4. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Unit 1 The business environment

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng giới thiệu bản thân và giới thiệu người khác, có khả năng nói về nguyện vọng bản thân trong công việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up *What's your style?*

2.2. Reading *Don't disturb me – I'm not working*

2.3. Listening

2.4. Speaking

Unit 2 The company

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên trình bày thông tin về thương mại điện tử một cách cơ bản.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Listening

2.3. Reading *E-commerce*

2.4. Call centre

2.5. Speaking

Unit 3 Travel

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng nói về các tình huống xảy ra khi đi công tác hoặc nhận việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up *Traveller's tales*

2.2. Listening

2.3. Speaking

2.4. Reading *bmi*

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 Sport

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng nói thông tin về kinh doanh có liên quan đến thể thao.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Listening

2.3. Reading *Sport – It's big business*

2.4. Speaking

2.5. Writing

Unit 5 Sales

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng hiểu về kỹ năng bán hàng một cách cơ bản.

1. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Reading *Sales techniques*

2.3. Listening

2.4. Pronunciation *going to*

2.5. Speaking

Unit 6 Cultural awareness

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có thể trình bày kiến thức về văn hóa áp dụng trong kinh doanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up *How CROSS-CUTURAL are you?*

2.2. Listening

2.3. Reading *America*

2.4. Call centre

2.5. Reading *Glocalization thinking globally, acting locally*

2.6. Writing

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 7 Trade fairs

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có thể trình bày kiến thức về tổ chức hoặc tham gia hội chợ triển lãm thương mại.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Listening

2.3. Reading *Trade fairs and exhibitions*

2.4. Speaking

2.5. Reading *Yo!*

2.6. Writing

Unit 8 Advertising

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có thể trình bày kiến thức về quảng cáo, một số hình thức quảng cáo căn bản và hiểu mức độ quan trọng của quảng cáo trong kinh doanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up *Advertising space*

2.2. Reading *The Persuaders*

2.3. Call centre

2.4. Listening

2.5. Speaking

2.6. Writing

Unit 9 Fashion and style

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, sinh viên có thể trình bày kiến thức về thời trang và công nghiệp thời trang

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Listening *Are you a fashion victim?*

2.3. Reading *Graffiti not glitz A way of thinking. A way of walking*

2.4. Listening *Voices from the fashion industry*

2.5. Speaking

2.6. Writing

Test 3

Thời gian: 1 giờ

Unit 10 Technology

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, sinh viên có thể trình bày kiến thức về công nghệ và áp dụng công nghệ trong kinh doanh.

2. Nội dung chương:

2.1. Start up

2.2. Reading *Do you think you know about the Internet!*

2.3. Listening

2.4. Reading *Let down by technology*

3. Review

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lý thuyết có sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, loa, micro, máy cassette

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Martyn Hobbs, & Julia Starr Keddle (2011). *Commerce 1* Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

– Kiến thức:

Từ vựng, ngữ pháp căn bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống và công việc kinh doanh

– Kỹ năng:

Nghe, hiểu được các câu, đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống và công việc kinh doanh

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Hoàn thành phần bài tập học, tích cực tham gia xây dựng bài và làm việc nhóm.

2. Phương pháp:

Hình thức kiểm tra và kết thúc môn theo quy định.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Các lớp Đại Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

– Đối với giảng viên, giảng viên:

Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy để đạt hiệu quả giảng dạy tối ưu nhất. Giảng dạy từ vựng và ngữ pháp cần thiết cho sinh viên; đồng thời lồng ghép việc rèn luyện các kỹ năng nghe, nói tiếng Anh với tình huống giao tiếp trong kinh doanh. Điều chỉnh thời gian và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với trình độ sinh viên của từng lớp. Hướng dẫn cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm và tự học.

– Đối với người học:

Tự giác, chủ động chuẩn bị bài trước khi đến lớp, ôn tập các bài đã học, và trau dồi thêm các kỹ năng trong thời gian tự học ở nhà. Tích cực tham gia xây dựng bài và rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh. Liên hệ kiến thức được học với những môn học ngành khác và thực tiễn ngành nghề. Phát huy tinh thần làm việc nhóm và tinh thần tự học, tự nghiên cứu.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong làm việc nhóm, lập kế hoạch công tác.

4. Tài liệu tham khảo:

Gareth Knight, & Mark O’Neil (2004). *Business Explorer 1* Cambridge: Cambridge University Press.

Lin Lougheed (1993). *Business Communication*. Boston: Addison-Wesley Publishing Company, Inc.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford :Oxford University Press.

Robin Walker, &Keith Harding (2010). *Tourism*, Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỜNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Du lịch

Mã môn học: KHCB129

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Du lịch là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Du lịch là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất thực hành nhằm cung cấp kiến thức cơ bản trong lĩnh vực du lịch như: khách sạn, các hình thức du lịch, thiết kế và tiếp thị du lịch... Sinh viên sau khi học xong môn học sẽ xử lý được các tình huống giao tiếp có liên quan đến kinh doanh và du lịch. Đồng thời cung cấp kỹ năng phân tích và Thực hành các tình huống xử lý trong quá trình thực hiện công việc như một nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch hoặc có liên quan.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn sinh viên có khả năng:

Trình bày các thuật ngữ ngành, các văn bản và kí hiệu thường sử dụng trong công việc có liên quan đến du lịch.

Vận dụng được mẫu câu giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là du lịch, khách sạn;

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn sinh viên có khả năng:

Nói các câu đơn giản giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là du lịch, khách sạn;

Nghe được các câu có liên quan đến đời sống, kinh doanh, nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến du lịch;

Đọc hiểu và thực hành được các văn bản có liên quan đến đời sống và công việc có liên quan đến du lịch;

Xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp có liên quan đến du lịch.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động làm việc trong ngành du lịch, có tinh thần trách nhiệm cao với đồng nghiệp và với du khách.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 What is tourism?	5		5	
2	Unit 2 What your kind of tourism?	5		5	
3	Unit 3 Hospitality research	5		5	
4	Unit 4 Careers in tourism and hospitality	4		4	
5	Test 1	1		1	
6	Unit 5 Tourism marketing	5		5	
7	Unit 6 The business of events tourism	5		5	
8	Unit 7 The business of fun	5		5	
9	Unit 8 Hospitality marketing	4		4	
10	Test 2	1		1	
11	Unit 9 Tourism and culture	5		5	
12	Unit 10 Managing people and money	5		5	
13	Unit 11 External influences	5		5	
14	Unit 12 Information, strategy and change	4		4	
15	Test 3	1		1	
Tổng cộng		60	00	60	00

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 What is tourism?

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Vận dụng các khái niệm và thuật ngữ thường dùng trong lĩnh vực du lịch.

Nghe nói các câu đơn giản và phổ biến trong lĩnh vực du lịch.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Definition of tourism - Aspects of tourism*

2.2. Listening

2.3. Extending skills

Unit 2 What your kind of tourism?

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các thuật ngữ có liên quan đến các loại hình du lịch;

Giao tiếp được trong tình huống giới thiệu sản phẩm du lịch hoặc yêu cầu dịch vụ cung cấp loại hình du lịch;

Sử dụng các thuật ngữ có liên quan đến các loại hình du lịch.

Trình bày được cách sử dụng các dạng danh từ: đếm được và không đếm được.

Viết được bản điều tra khảo sát; tóm tắt bài đọc.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Types of tourism*

2.2. Reading *Backpacking or flashpacking?*

Ecotourism – is it as green as it is painted?

2.3. Extending skills

Unit 3 Hospitality research

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng

Trình bày được khái niệm và thuật ngữ trong nghiên cứu thị trường du lịch.

Trình bày được từ vựng về các phương tiện trong khách sạn.

Nghe, nói, giao tiếp được trong quá trình tiến hành điều tra, khảo sát thị trường du lịch: phương pháp, lý thuyết, người tiến hành nghiên cứu khảo sát.

Đặt được câu hỏi.

Trình bày được thông tin nghiên cứu khảo sát, phản biện được các thông số và chất vấn.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Hospitality research*

2.2. Listening

2.3. Extending skills *Faculty: Tourism and Hospitality*

Unit 4 Careers in tourism and hospitality

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Trình bày được và sử dụng được các từ ngữ chuyên biệt dùng trong thị trường lao động và lĩnh vực du lịch.

Ứng dụng được công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch nói chung và khảo sát du lịch nói riêng.

Thuyết trình được kết quả nghiên cứu khảo sát.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Employment in the travel, tourism and hospitality industry*

2.2. Reading *Careering uphill: opportunities for employment in the TTH sector*

2.3. Extending skills

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 5 Tourism marketing

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các thuật ngữ ngành trong tiếp thị và quảng bá du lịch, sử dụng một số từ đồng nghĩa và trái nghĩa trong du lịch.

Trình bày được cách viết tắt một cách khoa học.

Sử dụng các thuật ngữ ngành trong tiếp thị và quảng bá du lịch, sử dụng một số từ đồng nghĩa và trái nghĩa trong du lịch.

Thực hiện được seminar về du lịch.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Definition of marketing*

Importance of marketing

2.2. Listening *Types of market*

Market research

2.3. Extending skills

Unit 6 The business of events tourism

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng

Trình bày được các từ ngữ dùng trong sự kiện, lễ hội có liên quan đến du lịch,

Sử dụng được các từ ngữ dùng trong sự kiện, lễ hội có liên quan đến du lịch,

Trình bày được cách quản lý điều hành sự kiện du lịch.

Đọc hiểu được thông tin từ văn bản.

Viết được các câu phức dùng trong lĩnh vực du lịch.

2. Nội dung bài:

2.1. Vocabulary *Types of event The life cycle of event*

The management of complex events

2.2. Reading *The event of your life?*

2.3. Extending skills

Unit 7 The business of fun

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng

Trình bày được cách thống kê đơn giản.

Trình bày kiến thức về dịch vụ du lịch theo chủ đề, các khu vực tổ chức du lịch theo chủ đề, cách gây dựng và phát triển một công viên theo chủ đề để mở rộng thị trường du lịch.

Trình bày được cách sử dụng *compound noun*, các cụm từ có tính hàn lâm dùng trong du lịch.

Nghe những thông tin quan trọng từ các bài nói.

2. Nội dung bài:

2.1. Vocabulary *Theme parks*

2.2. Listening

2.3. Extending skills

Unit 8 Hospitality marketing

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có khả năng:

Thực hiện công việc tiếp thị cho một công ty du lịch nhỏ.

Hoạch định chiến lược du lịch;

2. Nội dung bài:

2.1. Vocabulary *Marketing for small business- Marketing strategies*

Internal and external marketing

2.2. Reading *Finding your way in hospitality marketing*

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 9 Tourism and culture

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 9, sinh viên có khả năng:

Trình bày được ảnh hưởng quan trọng của văn hóa, của môi trường đến sự thành công của du lịch.

Trình bày được khái niệm du lịch bền vững;

Nhận biết được sự lạc đề trong văn bản đặc biệt là các văn bản có liên quan đến vấn đề du lịch.

Trình bày được cách trình bày ý kiến và phản biện trong tranh luận các chủ đề có liên quan đến du lịch và văn hóa trong du lịch.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Impact of tourism on indigenous people and culture*

2.2. Listening *Environmental impact of tourism*

Destination planning and sustainable tourism

2.3. Extending skills *Developing tourism in Haru*

Unit 10 Managing people and money

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các từ vựng mở rộng về nghề nghiệp.

Hoạch định tài chính để thành lập và phát triển du lịch.

Viết được bài luận văn dạng nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *Management styles Employee involvement*

Finance for new and developing business

2.2. Reading *Top-down or bottom-up?*

2.3. Extending skills

Unit 11 External influences

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, sinh viên có khả năng:

Trình bày được và sử dụng từ vựng về vấn đề môi trường và du lịch.

Phản biện và tranh luận.

2. Nội dung chương:

2.1. Vocabulary *External influences on the tourism and hospitality industry*

2.2. Listening *Environmental issues*

2.3. Extending skills

Unit 12 Information, strategy and change

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, sinh viên có khả năng:

Phân tích SWOT trong hoạch định du lịch.

Trình bày ý tưởng, sử dụng nguồn tài nguyên trong quảng bá và phát triển du lịch

Trình bày được cách dùng *linking words, phrases conveying contrast*.

Đọc hiểu toàn bộ văn bản.

Viết hoàn chỉnh được báo cáo nghiên cứu khảo sát.

2. Nội dung bài:

2.1. Vocabulary *The role of IT in successful tourism business*

SWOT business analysis IT and strategic planning

2.2. Reading *A great experience by Michael Hitchens*

Test 3

Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Hans Mol (2009). *English for Tourism and Hospitality*, West Berkshire: Garnet Publishing Ltd.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Từ vựng và thuật ngữ ngành trong du lịch; các loại hình du lịch và chiến lược tiếp thị; phiếu khảo sát du lịch.

- Kỹ năng:

Viết báo cáo sau nghiên cứu khảo sát, luận văn; hoạch định chiến lược tiếp thị du lịch; quảng bá và phát triển du lịch bền vững.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự học tập, ôn tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Kiểm tra theo hình thức tiểu luận và Thực hành đóng vai.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho sinh viên ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị môn học cần phải nghiên cứu kỹ nội dung chương trình môn học để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp. Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước ít nhất một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp. Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn sinh viên thực hành giảng dạy.

- Đối với người học:

Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn môn học cho phù hợp với tiến độ. Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Viết báo cáo khảo sát nghiên cứu thị trường và hoạch định tài chính cho du lịch, Trình bày được cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Miriam Jacob, & Peter Strutt (2007). *English for International Tourism*. London: Longman.

Norman Coe, *Basic Oxford Practice Grammar*, Oxford University Press, 2006;

Robin Walker, Keith Harding, *Tourism*, Oxford University Press, 2010.

Sylee Gore, *English for Marketing & Advertising*, Cambridge Press, 2008.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng

Mã môn học: KHCB130

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất lý thuyết cung cấp kiến thức cơ bản và vốn từ vựng, rèn kỹ năng làm việc giải quyết tình huống trong lĩnh vực quản lý, phục vụ, đáp ứng nhu cầu chính đáng của khách hàng. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng đàm phán nhiều vấn đề của công việc về vấn đề chăm sóc khách hàng. Đồng thời, cung cấp kỹ năng phân tích và Thực hành các tình huống xử lý trong quá trình thực hiện công việc như một nhân viên văn phòng hoặc bộ phận Chăm sóc khách hàng của các công ty và doanh nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn sinh viên có khả năng:

Trình bày các thuật ngữ ngành, các văn bản thường sử dụng trong công việc quản lý và chăm sóc khách hàng.

Vận dụng được mẫu câu giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là vấn đề chăm sóc khách hàng, điều hành việc giải quyết các thắc mắc và khiếu nại của khách hàng, tuyển dụng nhân viên cho bộ phận Chăm sóc khách hàng;

– Kỹ năng:

Nói các câu giao tiếp trong đời sống và trong quản lý điều phối các công việc có liên quan đến vấn đề khách hàng.

Nghe được các câu nói, các đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống, kinh doanh, thương mại; nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến khách hàng;

Sẵn sàng cho các cuộc đối thoại trực tiếp với khách hàng tại ngân hàng hoặc khách sạn. Xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp có liên quan đến khách hàng, thực hiện được các nội dung đàm phán với khách hàng đặc biệt là trong

bộ phận bán hàng và hậu mãi. Thực hiện hiệu quả các kỹ thuật giao tiếp với khách hàng.

Đọc hiểu và lập được các văn bản có liên quan đến khách hàng, lập kế hoạch, thiết kế nội dung các cuộc họp với khách hàng, hội nghị cổ đông và hội nghị khách hàng.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động làm việc theo nhóm, làm việc cá nhân, có trách nhiệm cao trong việc đáp ứng các nhu cầu chính đáng của khách hàng và các vấn đề có liên quan đến khách hàng trong công việc kinh doanh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Introduction to customer care	7	7		
2	Unit 2 Face to face with customers	7	7		
3	Unit 3 Dealing with customers on the phone	7	7		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 Call centre success	7	7		
6	Unit 5 Delivering customer care through writing	7	7		
7	Test 2	1			1
8	Unit 6 Dealing with problems and complaints	6	6		
9	Review	2	2		
Tổng cộng		45	43	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Introduction to customer care

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 1, sinh viên Trình bày được các khái niệm cơ bản về về kỹ năng và phẩm chất của một nhân viên trong bộ phận Chăm sóc khách hàng của công ty; Sinh viên hiểu các vấn đề có liên quan đến công việc chăm sóc khách hàng; có kỹ năng đưa ra các đề xuất liên quan đến đáp ứng nhu cầu chính đáng của khách hàng.

2. Nội dung bài:

2.1. Starter - Reading

2.2. “People” skills

2.3. Customer service questionnaires

2.4. Speaking

2.5. Reading *Surprising Facts about Customer Care*

Unit 2 Face to face with customers

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 2, sinh viên có khả năng sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong cuộc gặp trực tiếp với khách hàng tại doanh nghiệp, tại Hội chợ thương mại, tại cửa hàng.

2. Nội dung bài:

2.1. Starter - Reading

2.2. Listening

2.3. Writing

2.4. Speaking

2.5. Listening

2.6. Giving an effective presentation

2.7. Reading *When the customer feels “invisible” ...*

Unit 3 Dealing with customers on the phone

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 3, sinh viên có khả năng thực hiện các trao đổi thông tin, các nội dung đàm phán, các cuộc hẹn với khách hàng qua điện thoại.

2. Nội dung bài:

2.1. Listening

2.2. Reading *What the customers really hear...*

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 Call centre success

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 4, sinh viên có khả năng:

Nghe, nói và thực hiện các cuộc gọi thành công như một nhân viên của Tổng đài điện thoại của công ty, doanh nghiệp.

Làm hài lòng khách hàng bằng cách giải quyết các vấn đề của khách hàng từ Tổng đài điện thoại thông qua các cuộc gọi, tư vấn cho khách hàng để giữ mối liên hệ gắn bó lâu dài của khách hàng với công ty, doanh nghiệp.

2. Nội dung bài:

2.1. Starter

2.2. Listening

2.3. Reading *The Call Centre Consultancy*

Unit 5 Delivering customer care through writing Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 5, sinh viên có khả năng viết thư điện tử để trao đổi các vấn đề khách hàng quan tâm.

2. Nội dung bài:

2.1. Starter

2.2. Writing

2.3. Reading

2.4. Listening

2.5. Writing

2.6. Reading *Giving customers “the no-answer runaround”...*

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 6 Dealing with problems and complaints

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 6, sinh viên có khả năng giải quyết, thuyết phục hiệu quả với các tình huống khách hàng phản ánh, các vấn đề có liên quan đến chính sách khách hàng.

2. Nội dung bài:

2.1. Starter

2.2. Listening

2.3. Reading

2.4. Practice

2.5. Reading

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Rosemary Richey (2008). *English for Customer Care*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Từ vựng và thuật ngữ ngành trong quản lí, quản lí và điều hành công việc Chăm sóc khách hàng.

- Kỹ năng:

Lập kế hoạch bán hàng, đàm phán thành công với khách hàng, giải quyết hiệu quả các vấn đề khách hàng phàn nàn, thực hiện tốt chính sách khách hàng và chế độ hậu mãi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự học tập và làm bài tập ở nhà, kiểm tra trung thực.

2. Phương pháp:

Kiểm tra theo hình thức trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Chăm sóc khách hàng được áp dụng cho sinh viên Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị môn học cần phải nghiên cứu kĩ nội dung chương trình môn học để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp. Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước ít nhất một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp. Tổ chức cho sinh viên các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn sinh viên thực hành giảng dạy.

- Đối với người học:

Tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn môn học cho phù hợp với tiến độ. Nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài

giảng. Đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Viết báo cáo khảo sát nghiên cứu thị trường và hoàn thành được các mẫu báo cáo sau khi giải quyết các phê bình và phàn nàn của khách hàng, Trình bày được cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Jeremy Comfort (2007). *Effective Presentation*. Oxford: Oxford University Press.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising*, Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đồ án Môn học Du lịch

Mã môn học: KHCB131

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 45 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Đồ án Môn học Du lịch là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Đồ án Môn học Du lịch là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất Thực hành cung cấp kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức. Sinh viên sau khi học xong môn học sẽ xử lý được các kỹ năng phân tích và Thực hành trong quá trình thực hiện công việc như một nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch hoặc có liên quan.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn sinh viên có khả năng:

Trình bày được các thuật ngữ ngành, các văn bản và ký hiệu thường sử dụng trong công việc có liên quan đến du lịch, khách sạn.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn sinh viên có khả năng:

Giao tiếp công việc trong lĩnh vực du lịch, khách sạn;

Xử lý thông tin có công việc có liên quan đến du lịch;

Viết hiệu quả để hoàn thành công tác văn thư bằng tiếng Anh trong lĩnh vực du lịch, khách sạn;

Vận dụng được các tình huống xử lý công việc trong lĩnh vực du lịch, khách sạn.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự hoàn thành công việc được giao.

Có tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và có tính tự lập cao, có ý thức tổ chức kỷ luật khi thực hiện công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Part 1 Type of tourism	3		3	
2	Part 2 Marketing reseach	12		12	
3	Part 3 Plan a tour	15		15	
4	Part 4 Report	15		15	
Tổng cộng		45	00	45	00

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 Type of tourism

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 1 của Đồ án môn học Du lịch sinh viên có khả năng:

Trình bày được cách chọn một trong các loại hình du lịch.

Viết được đề cương bằng tiếng Anh.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương về loại hình du lịch được chọn

2.2. Báo cáo đề cương

Part 2 Marketing reseach

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 2 của Đồ án môn học Du lịch sinh viên có khả năng:

Thực hiện việc khảo sát địa phương, sản phẩm du lịch của địa phương.

Viết được bản điều tra khảo sát và chiến lược tiếp thị.

Trình bày được cách thuyết trình về nội dung tiếp thị hoặc quảng bá du lịch theo loại hình đã chọn.

2. Nội dung chương:

2.1. Khảo sát

2.2. Các phương án tiến hành tiếp thị

2.3. Báo cáo đề cương

Part 3 Plan a tour

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 3 của Đồ án môn học Du lịch sinh viên có khả năng:

Trình bày được cách lập kế hoạch, nội dung và kinh phí thực hiện chuyến du lịch sau khi khảo sát thị trường du lịch.

Trình bày được cách thuyết trình và phản biện để đạt được mục tiêu thực hiện kế hoạch đã định.

2. Nội dung chương:

2.1. Lập kế hoạch

2.2. Báo cáo kế hoạch

Part 4 Report

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 4 của Đồ án môn học Du lịch sinh viên có khả năng:

Thuyết trình về kết quả nghiên cứu khảo sát và cách tiến hành nội dung kế hoạch đã định.

Đàm phán và phản biện về các nội dung có trong kế hoạch.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương đồ án môn học

2.2. Trình bày đề cương

2.3. Nộp đồ án môn học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Hans Mol (2009). *English for Tourism and Hospitality*, West Berkshire: Garnet Publishing Ltd.

4. Các điều kiện khác:

Nội dung khảo sát, phiếu khảo sát, nội dung câu hỏi khảo sát, các phương tiện thống kê, hình ảnh.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Từ vựng và thuật ngữ ngành trong du lịch; các loại hình du lịch và chiến lược tiếp thị; phiếu khảo sát du lịch.

- Kỹ năng:

Viết báo cáo sau nghiên cứu khảo sát, luận văn; hoạch định chiến lược tiếp thị du lịch; quảng bá du lịch.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác hoàn thành đồ án theo đúng kế hoạch đã định với chất lượng cao, hiệu quả áp dụng thực tế khả thi.

2. Phương pháp:

Đánh giá định kì qua 3 bản đề cương và nộp sản phẩm là đồ án môn học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho sinh viên ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công hướng dẫn đồ án môn học phải nghiên cứu kỹ nội dung, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên. Tổ chức cho sinh viên các buổi báo cáo đề cương, chú trọng đến việc tổ chức làm việc nhóm. Tổ chức buổi báo cáo đồ án môn học.

- Đối với người học:

Nghiên cứu chương trình học tập để chọn đề tài phù hợp, tự giác nghiên cứu, tích cực làm việc nhóm, tham dự đầy đủ các buổi báo cáo đề cương. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc hoàn tất đồ án.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Viết báo cáo khảo sát nghiên cứu thị trường và hoạch định tài chính cho du lịch, Trình bày được cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Miriam Jacob, & Peter Strutt (2007). *English for International Tourism*. London: Longman.

Norman Coe, *Basic Oxford Practice Grammar*, Oxford University Press, 2006;

Robin Walker, Keith Harding, *Tourism*, Oxford University Press, 2010.

Sylee Gore, *English for Marketing & Advertising*, Cambridge Press, 2008.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Đồ án Môn học Hành chính – Nhân sự

Mã môn học: KHCB132

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 45 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Đồ án Môn học Hành chính – Nhân sự là môn học Chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Đồ án Môn học Hành chính – Nhân sự là môn học thuộc khoa học xã hội mang tính chất Thực hành cung cấp kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức. Sinh viên sau khi học xong môn học sẽ xử lý được các kỹ năng phân tích và Thực hành trong quá trình thực hiện công việc như một nhân viên văn phòng.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn sinh viên có khả năng:

Trình bày được các thuật ngữ ngành, các văn bản và ký hiệu thường sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhân sự nói riêng và công việc văn phòng nói chung;

Hoàn thành công tác văn thư bằng tiếng Anh văn phòng;

Vận dụng được các tình huống xử lý công việc văn thư, giao tiếp.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn sinh viên có khả năng:

Giao tiếp công việc văn phòng, quản lý nhân sự;

Xử lý thông tin có công việc văn phòng, văn thư;

Trình bày thông tin lưu loát với cấp trên và với cộng sự trong nhóm.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự hoàn thành công việc được giao. Có tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và có tính tự lập cao, có ý thức tổ chức kỷ luật khi thực hiện đồ án môn học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Part 1 Socializing	7		7	
2	Part 2 Telephone	8		8	
3	Part 3 Human resources	15		15	
4	Part 4 Email and report	15		15	
Tổng cộng		45	00	45	00

2. Nội dung chi tiết:

Part 1 Socializing

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 1, sinh viên có khả năng:

Trình bày được nguyên tắc giao tiếp thành công với đồng nghiệp và khách hàng.

Giao tiếp đạt hiệu quả tốt với đồng nghiệp và khách hàng.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương về kế hoạch đón tiếp khách hàng

2.2. Báo cáo đề cương

Part 2 Telephone

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 2, sinh viên có khả năng sử dụng điện thoại hiệu quả để giải quyết công việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Thực hiện lịch làm việc và trao đổi thông tin qua điện thoại

2.2. Đàm phán qua điện thoại

2.3. Kiểm tra vấn đáp

Part 3 Human resources

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 3, sinh viên có khả năng

Trình bày được cách lập kế hoạch nhân sự.

Giải quyết được mối quan hệ với người lao động về các vấn đề như: ngày công, tiền lương, tiền thưởng, cơ hội thăng tiến.

Trình bày được kế hoạch nội dung bồi dưỡng chuyên môn.

Biên soạn được văn bản liên quan đến kế hoạch nhân sự.

2. Nội dung chương:

2.1. Lập kế hoạch nhân sự

2.2. Báo cáo kế hoạch

Part 4 Email and report

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi hoàn tất phần 4, sinh viên có khả năng thực hiện công tác văn thư qua hệ thống Internet.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương đề án môn học về một trong số các phần trên.

2.2. Trình bày đề cương

2.3. Nộp đề án môn học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học lí thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Sylee Gore David Gordon Smith (2016). *English for Socializing*, West Berkshire: Garnet Publishing Ltd.

Pat Pledger (2008). *English for Resources*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Từ vựng và thuật ngữ chuyên dùng trong văn phòng, quản lí nhân sự.

- Kỹ năng:

Giao tiếp lưu loát đạt hiệu quả với đồng nghiệp và khách hàng.

Viết báo cáo và trả lời thư điện tử.

Lập kế hoạch nhân sự và chiến lược quảng bá hình ảnh cơ quan.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác hoàn thành đề án theo đúng kế hoạch đã định với chất lượng cao, hiệu quả áp dụng thực tế khả thi.

2. Phương pháp:

Sinh viên nộp 02 bản kế hoạch và 01 đồ án Môn học.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho sinh viên ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công hướng dẫn đồ án môn học phải nghiên cứu kỹ nội dung, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên. Tổ chức cho sinh viên các buổi báo cáo đề cương, chú trọng đến việc tổ chức làm việc nhóm. Tổ chức buổi báo cáo đồ án môn học.

- Đối với người học:

Nghiên cứu chương trình học tập để chọn đề tài phù hợp, tự giác nghiên cứu, tích cực làm việc nhóm, tham dự đầy đủ các buổi báo cáo đề cương. Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc hoàn tất đồ án.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Viết báo cáo, lập kế hoạch làm việc và nội dung tổ chức họp, lập kế hoạch nhân sự, Trình bày được cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

Norman Coe, *Basic Oxford Practice Grammar*, Oxford University Press, 2006;

Rebecca Chapman (2013). *English for Emails*. Oxford: Oxford University Press

David Gordon Smith (2008). *English for Telephoning*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thực tập Tốt nghiệp

Mã môn học: KHCB133

Thời gian thực hiện môn học: 270 giờ; (Lý thuyết: 00 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 270 giờ; Kiểm tra: 00 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Thực tập Tốt nghiệp là môn học chuyên môn ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Thực tập Tốt nghiệp là môn học mang tính chất thực hành nhằm củng cố, làm giàu thêm kiến thức cơ bản và rèn luyện kỹ năng áp dụng kiến thức, tiếp cận thực tế, thực hành thành thạo kỹ năng thực hành trong công việc để có tay nghề vững vàng, củng cố lòng yêu nghề và gắn bó với chuyên môn được đào tạo.

Thực tập Tốt nghiệp là cơ sở để xét tốt nghiệp cho sinh viên.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có khả năng:

Trình bày kiến thức tổng quát công việc thực tế.

Trình bày kiến thức nền tảng về một công việc cụ thể.

Trình bày được tình hình cơ bản.

Vận dụng được các kiến thức của chương trình học tập tại đơn vị đến thực tập.

Đề ra các phương án giải quyết công việc.

Vận dụng kiến thức đã học vào công việc

Lựa chọn các phương án giải quyết công việc,

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có khả năng:

Giao tiếp trong công việc có sử dụng tiếng Anh.

Xử lý được thông tin công việc bằng tiếng Anh;

Viết được báo cáo khoa học.

Giải quyết được vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.

Thực hành thành thạo kỹ năng giải quyết công việc.

Rèn luyện tay nghề vững vàng trong công việc tương lai.

Mở rộng mối liên hệ với các công việc có liên quan.

Lập được các báo cáo thực tập theo quy định.

Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ do đơn vị thực tập giao phó.

Tự kiểm tra đánh giá được công tác tại đơn vị thực tập.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác và chủ động tự hoàn thành quá trình thực tập theo hướng dẫn của đơn vị thực tập và sự kiểm soát của giảng viên;

Sinh viên có ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước và nội quy tại cơ quan công tác, có tác phong công nghiệp, năng động, sáng tạo và có tính tự lập cao, có ý thức tự rèn kỷ luật, chấp hành tổ chức kỷ luật,

Sinh viên có tinh thần trách nhiệm, thực hành với lương tâm nghề nghiệp

Thực hiện được khả năng làm việc nhóm khi thực tập tại đơn vị.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Phần 1 Phổ biến quy định của nhà trường và nội quy đơn vị thực tập	5		5	
2	Phần 2 Thực tập công việc tổng quát	125		125	
3	Phần 3 Thực tập công việc chuyên ngành	125		125	
4	Phần 4 Báo cáo kết quả Thực tập Tốt nghiệp	15		15	
Tổng cộng		270		270	

2. Nội dung chi tiết:

Phần 1 Phổ biến quy định của nhà trường và nội quy đơn vị thực tập

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng:

Trình bày được nguyên tắc làm việc.

Thực hiện đúng quy định về chế độ làm việc có ý thức chấp hành kỉ luật lao động và các quy định tại đơn vị thực tập.

Chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện thực tập tốt nghiệp

2. Nội dung chương:

2.1. Nội quy thực tập của nhà trường đối với sinh viên đi thực tập

2.2. Nội quy cơ quan thực tập.

2.3. Điều kiện cần thiết cho thực tập tại đơn vị.

Phần 2 Thực tập công việc tổng quát

Thời gian: 125 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên tìm hiểu được công nghệ, đối tượng các công đoạn của quá trình làm việc của đơn vị nơi đến thực tập.

Xác định được nhiệm vụ thực hành, rèn luyện, nâng cao được tay nghề, đảm bảo tác phong làm việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Tổ chức làm việc của đơn vị thực tập

2.2. Quy trình thực hiện công việc

2.3. Tính hợp tác trong thực hiện quy trình công việc

2.4. Viết báo cáo tuần

Phần 3 Thực tập công việc ngành

Thời gian: 125 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng

Tìm hiểu được về công việc cụ thể của ngành thực tập, các công đoạn của quy trình làm việc tại đơn vị thực tập.

Sử dụng nhuần nhuyễn thiết bị phục vụ quá trình thực tập, hiểu rõ cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của quy trình thực tập.

Khắc phục được các lỗi trong quá trình thực tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Công việc hàng ngày của đơn vị thực tập.

2.2. Tổ chức sắp xếp nơi làm việc tại đơn vị thực tập.

2.3. Quy trình làm việc tại đơn vị thực tập

2.4. Công việc hàng ngày, hàng tuần của thực tập sinh

2.5. Giải quyết các vấn đề chuyên môn tại đơn vị thực tập.

2.6. Báo cáo hàng tuần

Phần 4 Báo cáo kết quả Thực tập Tốt nghiệp

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng

Viết báo cáo đầy đủ nội dung thực tập và thuyết trình kết quả thực tập tốt nghiệp.

Rèn luyện tính trung thực, chính xác, tác phong công nghiệp, ý thức chấp hành nội quy kỉ luật của cơ quan đơn vị thực tập.

2. Nội dung chương:

2.1. Báo cáo thực tập hàng tuần có nhận xét của đơn vị thực tập hoặc của người hướng dẫn thực tập tại đơn vị.

2.2. Báo cáo kết quả Thực tập tốt nghiệp có xác nhận của đơn vị thực tập hoặc của người hướng dẫn thực tập tại đơn vị.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Theo điều kiện của đơn vị thực tập.

2. Trang thiết bị máy móc:

Theo điều kiện của đơn vị thực tập.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Rebecca Chapman (2013). *English for Emails*. Oxford: Oxford University Press

Sylee Gore David Gordon Smith (2016). *English for Socializing*, West Berkshire: Garnet Publishing Ltd.

4. Các điều kiện khác:

Quyết định thực hành của Hiệu trưởng;

Nội dung thực tập.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức chuyên môn ngành tương ứng với loại hình công việc tại nơi đến thực tập.

- Kỹ năng:

Kỹ năng xử lí công việc và sáng tạo trong quá trình thực tập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên tự giác hoàn thành quá trình thực tập theo đúng kế hoạch đã định với tinh thần trách nhiệm.

2. Phương pháp:

Đánh giá qua báo cáo Thực tập tốt nghiệp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Dành cho sinh viên ngành Tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Giảng viên được phân công hướng dẫn thực tập phải nghiên cứu kỹ nội dung, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên. Trước khi cho sinh viên đi thực tập, giảng viên cần căn cứ vào kết quả học tập của từng sinh viên để phân nhóm sinh viên đến các đơn vị thực tập phù hợp với trình độ và nguyện vọng của sinh viên. Hàng tuần giảng viên liên hệ với đơn vị thực tập để giám sát tình hình thực tập của sinh viên, có biện pháp hỗ trợ và chấn chỉnh cần thiết để sinh viên hoàn tất tốt quá trình thực tập.

Nội dung và thứ tự thực hiện nội dung thực tập có thể thay đổi tùy theo yêu cầu của đơn vị thực tập.

- Đối với người học:

Nghiên cứu chương trình học tập để chọn đơn vị thực tập phù hợp, tự giác nghiên cứu, tích cực làm việc nhóm, tham dự đầy đủ các buổi thực hành. Tích cực khai thác các tài nguyên từ Internet và trong thư viện để phục vụ cho việc hoàn tất quá trình thực tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Công việc và quy trình làm việc tại đơn vị.

Viết báo cáo Thực tập Tốt nghiệp;

Trình bày được cách tận dụng nguồn tài liệu mở từ Internet.

4. Tài liệu tham khảo:

David Gordon Smith (2008). *English for Telephoning*. Oxford: Oxford University Press.

Kenneth Thomson (2015). *English for Meetings*. Oxford: Oxford University Press.

Norman Coe, *Basic Oxford Practice Grammar*, Oxford University Press, 2006;

Pat Pledger (2008). *English for Resources*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Thư điện tử

Mã môn học: KHCB150

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Thư Điện tử là môn học tự chọn trong chương trình giáo dục Tiếng Anh bậc Cao đẳng ngành Tiếng Anh.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Thư Điện tử là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng viết và trả lời thư điện tử bằng tiếng Anh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Thư Điện tử sinh viên có thể:

Chọn lọc các cấu trúc, mẫu câu khi viết các dạng thư điện tử trang trọng hay thân mật.

Sử dụng thành thạo các cấu trúc, mẫu câu khi viết các dạng thư điện tử trang trọng hay thân mật.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học Tiếng Anh Thư Điện tử, sinh viên có khả năng:

Đọc hiểu và trả lời thư điện tử nhanh chóng, chính xác và hiệu quả.

Phân biệt và sử dụng ngôn ngữ, cấu trúc thư điện tử chính xác tùy thuộc vào ngữ cảnh và người nhận thư.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và làm việc, có ý thức tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành công việc có liên quan đến thư tín từ Internet hiệu quả dẫn đến cơ hội thành công và thăng tiến.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành / thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 An introduction to emails	5	5		
2	Unit 2 Formal and informal emails	5	5		
3	Test 1	1			1
4	Unit 3 Enquiries	4	4		
5	Unit 4 Requesting action	4	4		
6	Test 2	1			1
7	Unit 5 Exchanging information	4	4		
8	Unit 6 Making and confirming	4	4		
9	Review	2	2		
Tổng cộng		30	28		02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 An introduction to emails

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Trình bày đúng các chức năng của các kí hiệu trong hộp thư điện tử và cấu trúc viết thư điện tử.

Sử dụng chức năng của các kí hiệu trong hộp thư điện tử và cấu trúc viết thư điện tử.

2. Nội dung chương:

2.1. The email screen.

2.2. Email structure.

2.3. Subject lines.

Unit 2 Formal and Informal emails

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Phân biệt thư điện tử mang tính chất trang trọng hay thân mật.

Soạn thảo được thư điện tử mang tính chất trang trọng hay thân mật.

2. Nội dung chương:

2.1. Register

2.2. Formal/ Informal phrases

2.3. Abbreviations

2.4. Correct spelling.

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 3 Enquiries

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Đặt câu hỏi và trả lời thắc mắc cho các đối tác.

2. Nội dung chương:

2.1. Writing and replying to enquiries

2.2. The advantages and disadvantages of email

2.3. Polite language

Unit 4 Requesting action

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Viết thư cho đồng nghiệp phù hợp với vị trí trong công ty.

Bàn bạc về thời hạn và tiến trình thực hiện công việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Writing to colleagues

2.2. Talking about deadlines and taking action

2.3. Common verb-noun phrases

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 5 Exchanging information

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng:

Trao đổi và trả lời thông tin với các đối tác trong công việc qua thư điện tử.

2. Nội dung chương:

2.1. Informing and replying

2.2. Colloquial phrases and contractions

2.3. Quoting from previous emails

2.4. Being diplomatic

Unit 6: Making and confirming arrangements Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng:

Sử dụng các cụm từ thông dụng khi sắp xếp cuộc hẹn qua thư điện tử, các giới từ thời gian

Viết được thư xin lỗi đúng cách.

2. Nội dung chương:

2.1. Typical phrases for making arrangements

2.2. Prepositions of time

2.3. Saying you're sorry

Review

Thời gian: 2 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Rebecca Chapman (2013). *English for Emails*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng khi viết thư điện tử.

- Kỹ năng:

Viết được mẫu thư điện tử phù hợp với người nhận, và nội dung chính xác.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức Thực hành viết thư điện tử.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Thư Điện tử nằm trong phần học tự chọn cho sinh viên có đủ kỹ năng phục vụ công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp lấy người học làm trọng tâm, cho người học Thực hành viết thư điện tử thuần thục và chính xác.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cách thực hiện viết và trả lời thư điện tử phù hợp với đối tượng nhận thư, vị trí công tác.

4. Tài liệu tham khảo:

Jeremy Comfort (2007). *Effective Presentation*, Oxford: Oxford University Press.

Gareth Knight, & Mark O'Neil (2004). *Business Explorer 1*, Cambridge: Cambridge University Press.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

Robin Walker, & Keith Harding (2010). *Tourism*, Oxford: Oxford University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising*. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Hội họp

Mã môn học: KHCB151

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Hội họp là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Hội họp là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng mềm sử dụng trong công việc liên quan đến nhiều ngành nghề.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Hội họp sinh viên có khả năng trình bày được các từ vựng chuyên môn dùng trong các cuộc họp, các sự kiện, trình tự tiến hành cuộc họp

– Kỹ năng:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Hội họp sinh viên có khả năng:

Thực hiện các bước chuẩn bị cho cuộc họp: soạn thư điện tử mời tham dự cuộc họp;

Thực hiện các bước tiến hành cuộc họp: tham dự, phát biểu, điều hành các cuộc họp và tạo được chất lượng và kết quả tốt cho cuộc họp.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và làm việc

Có ý thức tự học, tự nghiên cứu phát triển năng lực để thực hiện được thành công các kỹ năng chuẩn bị và điều hành cuộc họp mang lại hiệu quả tốt nhất, tạo cơ hội thăng tiến và thành công.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Could we meet next week?	4	4		
2	Unit 2 Can we make a start now?	4	4		
3	Unit 3 Can I make a point here?	4	4		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 I'm not sure I agree	4	4		
6	Unit 5 It's a deal	4	4		
7	Test 2	1			1
8	Unit 6 So, I think we're finished for today	4	4		
9	Review	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Could we meet next week?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng:

Trình bày cách sử dụng các cụm từ thông dụng khi sắp xếp cuộc hẹn qua thư điện tử, tổ chức cuộc họp, lập nội dung cuộc họp.

Sử dụng các cụm từ thông dụng khi sắp xếp cuộc hẹn qua thư điện tử, tổ chức cuộc họp, lập nội dung cuộc họp.

2. Nội dung chương:

2.1. Arranging a meeting

2.2. Confirming a meeting by email

2.3. Rescheduling a meeting

2.4. Reading *Old is New: The New Old –Fashioned Meeting*

Unit 2 Can we make a start now?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng sử dụng các cụm từ thông dụng khi tiến hành cuộc họp.

2. Nội dung chương:

2.1. Saying hello and making introduction

2.2. Starting a meeting

2.3. Starting the objectives

2.4. Introductions

2.5. Reading *Five golden rules for chairpeople*

Unit 3 Can I make a point here?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng

Trình bày cách sử dụng các cụm từ thông dụng để tiến hành cuộc họp hiệu quả, trôi chảy

Áp dụng các cụm từ thông dụng để tiến hành cuộc họp hiệu quả.

Xử lý tốt các tình huống phát sinh trong cuộc họp.

2. Nội dung chương:

2.1. Reporting progress

2.2. Explaining cause and effect

2.3. Interrupting and dealing with interrupting

2.4. Reading Digital meetings: The growth in video conferencing

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 I'm not sure I agree

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng:

Trình bày cách sử dụng các cụm từ thông dụng để tranh luận, phản biện khi thực hiện nội dung họp.

Phản biện thành công trong cuộc họp.

2. Nội dung chương:

2.1. Asking for comments and contributions

2.2. Expressing strong and tentative opinions

2.3. Agreeing and disagreeing

Unit 5 It's a deal

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng:

Trình bày cách sử dụng các cụm từ thông dụng để đàm phán.

Sử dụng các cụm từ thông dụng để đàm phán thành công.

2. Nội dung chương:

2.1. Responding to offers

2.2. Buying time

2.3. Taking a vote

2.4. Summarizing the results of a meeting

2.5. Reading *Building intercultural bridges for reaching business agreements*

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 6 So, I think we're finished for today

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sinh viên có khả năng:

Trình bày cách sử dụng các cụm từ thông dụng để kết thúc cuộc họp.

Sử dụng các cụm từ thông dụng để kết thúc cuộc họp.

2. Nội dung chương:

2.1. Ending a meeting and thanking participants

2.2. Confirming decisions and action points

2.3. Follow-up emails

2.4. Saying goodbye

2.5. Reading *Mixing Business and Pleasure*

Review

Thời gian: 4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Kenneth Thomson (2015). *English for Meetings*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức về tổ chức cuộc họp, sự kiện.

- Kỹ năng:

Kỹ năng sắp xếp cuộc họp, tranh luận trong cuộc họp và điều hành cuộc họp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức tình huống giả định.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Hội họp thuộc phần học tự chọn nhóm kiến thức cơ sở ngành cho sinh viên có đủ kỹ năng mềm phục vụ công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Các bước chuẩn bị và thực hiện một cuộc họp thành công.

4. Tài liệu tham khảo:

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*, Oxford: Oxford University Press.

Sylee Gore, & David Gordon Smith (2008). *English for Socializing*, Oxford : Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Đàm phán

Mã môn học: KHCB152

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Đàm phán là môn học tự chọn thuộc nhóm Kiến thức ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Đàm phán là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện kỹ năng đàm phán, là chìa khóa cho thành công trong tương lai với nhiều ngành nghề khác nhau.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Đàm phán, sinh viên có khả năng hình thành và phát triển vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về nhiều vấn đề đa dạng tạo cơ hội thực hiện đàm phán thành công trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

Trình bày được kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động thuộc nhiều lĩnh vực.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học Tiếng Anh Đàm phán, sinh viên có khả năng:

Soạn thảo được các văn bản đề nghị, giải quyết thư khiếu nại của khách hàng;

Lập được kế hoạch và lịch làm việc với khách hàng, với đồng nghiệp và các đối tác kinh doanh;

Thực hiện thành công các kỹ năng đàm phán: Làm chủ được và giải quyết tốt các xung đột, xử lý được các tình huống khi đàm phán.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có ý thức tự học, tự nghiên cứu phát triển năng lực để thực hiện được thành công các kỹ năng đàm phán mang lại kết quả tối ưu, tạo cơ hội thăng tiến và thành công.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Preparation	4	4		
2	Unit 2 Setting objectives	4	4		
3	Unit 3 The meeting	4	4		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 Proposals	4	4		
6	Unit 5 A new offer	4	4		
7	Unit 6 Dealing with deadlock	4	4		
8	Test 2	1			1
9	Unit 7 Agreement	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Preparation

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1 sinh viên có khả năng:

Trình bày được cách dùng các cụm từ thông dụng để chuẩn bị cho quá trình đàm phán.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng để chuẩn bị cho quá trình đàm phán.

2. Nội dung chương:

2.1. Setting objectives

2.2. The HIT table

2.3. Reading *The successful negotiator*

Unit 2 Setting objectives

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2 sinh viên có khả năng:

Trình bày sự khác biệt trong sử dụng các cụm từ thông dụng đặt mục tiêu để đàm phán thành công.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng đặt mục tiêu để đàm phán thành công.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Prioritizing objectives
- 2.2. Drawing up the agenda
- 2.3. Reading *Getting to know the other side*

Unit 3 The meeting

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3 sinh viên có khả năng:

Trình bày được các cụm từ thông dụng để tiến hành cuộc gặp mặt chuẩn bị cho đàm phán.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng để tiến hành cuộc gặp mặt chuẩn bị cho đàm phán.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Invitation to a meeting
- 2.2. Last-minute changes to the agenda
- 2.3. The meeting's goals
- 2.4. The best approach
- 2.5. Reading *Leave money on the negotiating table!*

Unit 4 Proposals

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4 sinh viên có khả năng:

Trình bày được sự khác biệt các cụm từ thông dụng để đưa ra lời đề nghị.

Sử dụng được hiệu quả các cụm từ thông dụng để đưa ra lời đề nghị.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Making a proposal
- 2.2. Responding to a proposal
- 2.3. Offering a counterproposal

Unit 5 A new offer

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5 sinh viên có khả năng:

Trình bày được các cụm từ thông dụng để đưa ra lời yêu cầu hoặc đề nghị.

Sử dụng thành công được các cụm từ thông dụng để đưa ra lời yêu cầu hoặc đề nghị.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Types of negotiation
- 2.2. Clarifying positions

2.3. Introducing new ideas

2.4. Resolving differences

2.5. Reading *Get behind a position to create a win-win scenario*

Unit 6 Dealing with deadlock

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6 sinh viên có khả năng:

Trình bày được các cụm từ thông dụng để xử lý tình huống tạo điều kiện đàm phán hiệu quả.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng để xử lý tình huống tạo điều kiện đàm phán hiệu quả.

2. Nội dung chương:

2.1. Handling conflict

2.2. Dealing with differences

2.3. Setting matters

Unit 7 Agreement

Thời gian : 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7 sinh viên có khả năng:

Trình bày được các cụm từ thông dụng để biểu lộ sự thỏa thuận.

Sử dụng được các cụm từ thông dụng để biểu lộ sự thỏa thuận.

2. Nội dung chương:

2.1. Finalizing the agreement

2.2. Setting up an action plan

2.3. Closing

2.4. Reading *A negotiation is successful when...*

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Charles Lafond, Sheila Vine & Birgit Welch (2014). *English for Negotiating*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng sử dụng trong nhiều lĩnh vực.

- Kỹ năng:

Giao tiếp, trao đổi thông tin, sắp xếp cuộc hẹn, trao đổi các thỏa thuận, tạo kết quả thành công trong đàm phán

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Đàm phán thuộc nhóm phân học tự chọn khối kiến thức chuyên môn ngành giúp cho sinh viên có đủ kỹ năng đàm phán để phục vụ hiệu quả công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng xử lý thông tin để đàm phán thành công.

4. Tài liệu tham khảo:

Gareth Knight, & Mark O'Neil (2004). *Business Explorer 1*, Cambridge : Cambridge University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising* Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Thuyết trình

Mã môn học: KHCB153

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Thuyết trình là môn học tự chọn thuộc khối Kiến thức ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Thuyết trình là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện cách thuyết trình hiệu quả, có tính thuyết phục cao.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Thuyết trình sinh viên :

Hình thành và phát triển vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về khả năng thuyết trình.

Trình bày được và sử dụng được kiến thức về việc nói trước công chúng, Trình bày được kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng:

Thực hiện các bài báo cáo trong công việc, trong học tập, hình thành khả năng nói trước đám đông và trình bày số liệu, giải thích biểu bảng trong thuyết trình. Môn học có tính chất hỗ trợ cho nhiều môn học khác.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có ý thức tự học, tự nghiên cứu phát triển năng lực để thực hiện được thành công các kỹ năng chuẩn bị và thuyết trình trong cuộc họp mang lại hiệu quả tốt nhất, tạo cơ hội thăng tiến.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Let's get started	4	4		
2	Unit 2 Today's topic is...	4	4		
3	Unit 3 My next slide shows...	4	4		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 As you can see from this graph...	4	4		
6	Unit 5 To sum up...	4	4		
7	Test 2	1			1
8	Unit 6 Any questions?	4	4		
9	Review	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Let's get started

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cấu trúc, mở đầu, lập ý tưởng cho một bài thuyết trình.

Trình bày được cách thu hút sự chú ý của khán giả.

Chọn lọc cấu trúc, mở đầu, lập ý tưởng cho một bài thuyết trình.

Vận dụng hiệu quả cách dùng cấu trúc, mở đầu, lập ý tưởng cho một bài thuyết trình.

2. Nội dung chương:

2.1. Welcoming your audience

2.2. Introducing yourself and the topic

2.3. Reading *Dealing with nervousness*

Unit 2 Today's topic is...

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Chọn lọc ý tưởng của bài thuyết trình

Sử dụng từ vựng và cấu trúc để nói về các vấn đề khó khăn, thuận lợi.

Trình bày các ý kiến cùng quan điểm và trái quan điểm.

2. Nội dung chương:

2.1. Body language

2.2. Tips on presenting to an English-speaking audience

2.3. Reading *Aled's Presentation Tips*

Unit 3 My next slide shows...

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Giới thiệu các hình ảnh minh họa, công cụ trực quan

Nói lưu loát các số liệu, sử dụng "*the rule of six*" trong thuyết trình.

Trình bày được cách nhấn mạnh trọng tâm, ý chính, trình bày các điểm đối nghịch và nêu kết quả để nhấn mạnh hiệu quả thuyết trình.

2. Nội dung chương:

2.1. Presentation tools

2.2. Using approximate numbers

2.3. Creating effective visuals

2.4. Presenting visuals effectively

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 As you can see from this graph...

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Nói kết hợp với sử dụng hình ảnh minh họa.

Thuyết trình về các khuynh hướng trong tương lai.

2. Nội dung chương:

2.1. Types of visuals

2.2. Describing graphs and charts

2.3. Interpreting visuals

2.4. Tips for describing trends

Unit 5 To sum up...

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 5, sinh viên có khả năng:

Tóm tắt các ý chính, đưa ra lời đề nghị, lời giới thiệu.

Trình bày được cách kết luận hiệu quả, sử dụng âm lượng và thủ thuật nói phù hợp.

2. Nội dung chương:

2.1. Concluding a presentation

2.2. Strategies for a good conclusion

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 6 Any questions?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 6, sinh viên có khả năng:

Xử lý hiệu quả các câu hỏi.

Trình bày được cách hỏi và dự đoán câu hỏi.

Ứng xử hiệu quả với các vấn đề phản biện.

2. Nội dung chương:

2.1. Handling the question and answer session

Review

Thời gian: 4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Marion Grussendorf (2014). *English for Presentations*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Kiến thức cơ bản để có một nội dung thuyết trình có sức cuốn hút và thuyết phục.

- Kỹ năng:

Soạn thảo và trình bày được các bài thuyết trình về công việc hoặc theo các chủ đề riêng biệt.

Nói có tính thuyết phục người nghe, trả lời chất vấn;

Sử dụng tốt các phương tiện hỗ trợ trong bài thuyết trình;

Xử lý được các tình huống khi thuyết trình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Thuyết trình nằm trong phần học tự chọn cho sinh viên có đủ kỹ năng phục vụ công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Trình bày được tóm tắt các vấn đề cần thuyết trình, sử dụng tốt các phương tiện hỗ trợ trong bài thuyết trình;

4. Tài liệu tham khảo:

Jeremy Comfort (2007). *Effective Presentation*. Oxford: Oxford University Press.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Tiếp thị và Quảng cáo

Mã môn học: KHCB154

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Tiếp thị và Quảng cáo là môn học tự chọn trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Tiếp thị và Quảng cáo là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện cách xử lý thông tin, khảo sát thị trường, quảng cáo và tiếp thị.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Tiếp thị và Quảng cáo sinh viên :

Hình thành và phát triển vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về thị trường, tiếp thị và quảng cáo.

Trình bày được và sử dụng được kiến thức về tiếp thị và quảng bá hình ảnh. Môn học có tính chất bổ trợ cho sinh viên các ngành Kinh tế, Quản trị Kinh doanh.

Trình bày được kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động thuộc lĩnh vực tiếp thị và quảng cáo.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học Tiếng Anh Tiếp thị và Quảng cáo, sinh viên có khả năng:

Nói các câu đơn giản giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là công việc có liên quan đến quảng cáo và tiếp thị;

Nghe được các câu có liên quan đến đời sống, kinh doanh, nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến quảng cáo và tiếp thị;

Đọc hiểu các văn bản có liên quan đến đời sống và công việc có liên quan đến quảng cáo và tiếp thị;

Lập được kế hoạch trong công việc;

Xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp công việc có liên quan đến quảng cáo và tiếp thị.

Vận dụng được kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động thuộc lĩnh vực tiếp thị và quảng cáo.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có ý thức tự học, tự nghiên cứu phát triển năng lực để thực hiện được thành công các kỹ năng và áp dụng được kiến thức về tiếp thị và quảng cáo tạo cơ hội thăng tiến trong công việc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Introduction to marketing and advertising	4	4		
2	Unit 2 Finding the customer	4	4		
3	Unit 3 Planning a marketing strategy	4	4		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 Creating ads	4	4		
6	Unit 5 Marketing tools	4	4		
7	Unit 6 Presenting your public face	4	4		
8	Test 2	1			1
9	Unit 7 Marketing through trade fairs	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Introduction to marketing and advertising

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 1, sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về công việc tiếp thị và quảng cáo

2. Nội dung bài:

2.1. Jobs and responsibilities

2.2. Corporate identity, logos

2.3. Branding

2.4. Reading *Brand love by Peter Vane*

Unit 2 Finding the customer

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Thực hiện được các cuộc khảo sát bằng nhiều hình thức.

Thống kê được kết quả khảo sát thị trường.

2. Nội dung bài:

2.1. Market research

2.2. Customer profiles

2.3. Data collection

2.4. A telephone survey

2.5. Reading *Inside the Market*

Unit 3 Planning a marketing strategy

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Đề ra chiến lược tiếp thị.

Tiến hành chiến lược tiếp thị.

2. Nội dung bài:

2.1. The marketing plan

2.2. The four Ps

2.3. Pricing and positioning strategies

2.4. Reading *Cheryl Hattiaghandi helps you see what's in your company's stars*

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 Creating ads

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 4, sinh viên có khả năng

Lập được kế hoạch quảng cáo.

Trình bày được cách quảng bá thương hiệu.

2. Nội dung bài:

2.1. The AIDA model for advertising

2.2. Working with an ad agency

2.3. Advertising channels

2.4. Rate sheets

2.5. Reading *Creating the ad that will work for you*

Unit 5 Marketing tools

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 5, sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ tiếp thị một cách hiệu quả.

2. Nội dung bài:

2.1. Distribution channels

2.2. Types of discount

2.3. Types of retailer

2.4. Telemarketing

2.5. Direct marketing

2.6. Reading *Marketing ideas*

Unit 6 Presenting your public face

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 6, sinh viên có khả năng:

Quảng bá thành công thương hiệu.

Xúc tiến hiệu quả cách tìm nhà tài trợ

Áp dụng Internet làm công cụ tiếp thị.

2. Nội dung bài:

2.1. Public relations

2.2. Websites as a marketing tool

2.3. Sponsoring

2.4. Effective press releases

2.5. Reading *Writing a killer press release*

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 7 Marketing through trade fairs

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 7, sinh viên có khả năng sử dụng các hội chợ thương mại như một công cụ tiếp thị.

2. Nội dung bài:

2.1. Giveaway

2.2. Organizing events

2.3. Attending a trade fair

2.4. Reading *Test yourself!*

Review

Thời gian: 4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising*. Cambridge: Cambridge Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng sử dụng trong lĩnh vực tiếp thị và quảng cáo.

- Kỹ năng:

Giao tiếp, trao đổi thông tin, sắp xếp cuộc hẹn, trao đổi các thỏa thuận thành công trong lĩnh vực tiếp thị và quảng cáo.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Tiếp thị và Quảng cáo thuộc nhóm môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành rèn luyện cho sinh viên có đủ kỹ năng phục vụ công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng xử lý thông tin khảo sát để tiến hành chiến dịch tiếp thị và quảng bá hình ảnh, củng cố thương hiệu.

4. Tài liệu tham khảo:

Jeremy Comfort, & Nick Brieger (2007). *Marketing*. New Jersey: Prentice Hall International .

Robin Walker, & Keith Harding (2010). *Tourism*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Nhà hàng

Mã môn học: KHCB155

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Nhà hàng là môn học tự chọn thuộc nhóm Môn học chuyên môn ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Nhà hàng là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện kỹ năng sử dụng trong nhà hàng.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Nhà hàng sinh viên có khả năng:

Trình bày vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về nhà hàng, các vật dụng, các thông tin và cách ứng xử trong công việc một cách chuyên nghiệp.

Vận dụng được cấu trúc ngữ pháp về nhà hàng, các vật dụng, các thông tin.

Trình bày được kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động thuộc lĩnh vực nhà hàng.

Chọn lọc được quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động thuộc lĩnh vực nhà hàng.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng:

Nói các câu đơn giản giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là công việc có liên quan đến nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng;

Nghe được các câu và đoạn hội thoại có liên quan đến đời sống, kinh doanh, nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng;

Đọc hiểu các văn bản có liên quan đến đời sống và công việc có liên quan đến nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng; Lập được kế hoạch trong công việc;

Xử lý được các tình huống giao tiếp trong nghề nghiệp công việc có liên quan đến nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng.

Giao tiếp thành công trong công việc ở nhà hàng.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập có ý thức tự học, tự nghiên cứu, thực hiện thành công các công việc có liên quan đến vấn đề nhà hàng và phục vụ trong nhà hàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 Looking around a Restaurant	3	3		
2	Unit 2 Restaurant Staff	3	3		
3	Unit 3 Calling a Restaurant	2	2		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 Welcoming and Seating Guest	3	3		
6	Unit 5 Small talk	3	3		
7	Unit 6 Taking Beverage Orders	3	3		
8	Unit 7 Taking Food Orders	3	3		
9	Unit 8 During the Meal	2	2		
10	Test 2	1			1
11	Unit 9 Difficult situations	3	3		
12	Unit 10 Presenting the Bill	3	3		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Looking around a Restaurant

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Sử dụng các từ vựng có liên quan đến dụng cụ, các khu vực phục vụ trong nhà hàng.

Thực hiện được cách sắp xếp bàn ăn đúng chuẩn.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *Where would you like to eat?*

How to set the table?

2.2. Scene I *Learning the Ropes*

2.3. Scene II *Setting the table*

2.4. Language Checklist

2.5. Review Exercise

Unit 2 Restaurant Staff

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Tự giới thiệu bản thân.

Nói về các loại công việc, các chức danh và trách nhiệm ứng với vị trí việc làm trong nhà hàng.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Do these People Do?*

2.2. Scene I *Welcome on Board*

2.3. Scene II *Let Me Introduce Myself*

2.4. Scene III *Teamwork Is Everything Here*

2.5. Scene IV *What Are the Hours?*

2.6. Language Checklist

2.7. Review Exercise

Unit 3 Calling a Restaurant

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Nhận tiệc đặt trước qua điện thoại.

Đề nghị hoặc giới thiệu món qua điện thoại.

Lập các kế hoạch đơn giản cho khách hàng qua điện thoại.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

2.2. Scene I *A Table for Four, Please*

2.3. Scene II *I've Made a Reservation for Tomorrow*

2.4. Scene III *Sorry, All the Tables Are Reserved*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 Welcoming and Seating Guest

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Xử lý tình huống khi nhận khách có đặt chỗ trước và khách chưa đặt chỗ.

Đón chào khách hàng quen

Trình bày được việc tiếp nhận các tiệc lớn, hội nghị.

Đề xuất yêu cầu, đàm phán đơn giản.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

2.2. Scene I *You're a Bit Early*

2.3. Scene II *The Walk-In Guest*

2.4. Scene III *We'd Like to Eat First*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 5 Small talk

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 5, sinh viên có khả năng:

Bày tỏ sự quan tâm với khách hàng.

Giao tiếp với đồng nghiệp.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What's OK, and What Isn't?*

Let's Make Small Talk

2.2. Scene I *We Spoke Latvian at Home*

2.3. Scene II *Where's Your Mommy?*

2.4. Scene III *Have You Visited the Park?*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 6 Taking Beverage Orders

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 6, sinh viên có khả năng:

Nhận yêu cầu về thức uống.

Giới thiệu món uống.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

Which Drink Has Alcohol?

2.2. Scene I *You'll Like Our Martinis*

2.3. Scene II *I'd Like to Order a Beer*

2.4. Scene III *While You Wait*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 7 Taking Food Orders

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 7, sinh viên có khả năng:

Giới thiệu món ăn.

Nhận yêu cầu gọi món của khách hàng.

Đề xuất món ăn.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

What Would You Like for Breakfast?

2.2. Scene I *Our Breakfast Menu*

2.3. Scene II *Buddha Jump s over the Wall*

2.4. Scene III *I'd Like the Rib Eye*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 8 During the Meal

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 8, sinh viên có khả năng:

Phục vụ thức ăn, đáp ứng yêu cầu của khách hàng về ăn uống.

Xử lý tình huống xảy ra khi khách hàng dùng bữa.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Say if...?*

What Seems to Be the Problem?

2.2. Scene I *How Is Everything*

2.3. Scene II *The Eyes Are Bigger Than the Stomach*

2.4. Scene III *Excuse Me, Miss*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 9 Difficult situations

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 9, sinh viên có khả năng:

Trình bày các từ vựng có liên quan đến các tình huống khách hàng phàn nàn về thức ăn, cung cách phục vụ.

Xử lý các tình huống khách hàng phàn nàn, phê bình về thức ăn, cung cách phục vụ.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities

Murphy's Law – If Anything Can Go Wrong, It Will...

What Seems to Be the Problem?

2.2. Scene I *Dissatisfied Customers*

2.3. Scene II *Sorry about the Delay*

2.4. Scene III *We Have an Announcement to Make*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

Unit 10 Presenting the Bill

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 10, sinh viên có khả năng:

Xử lý các thông tin có liên quan đến hình thức trả tiền của khách hàng
Nói về thuế và các khoản phụ thu có liên quan đến nhà hàng.

2. Nội dung chương:

2.1. Warm-Up Activities *What Would You Like to Pay?*

2.2. Scene I *Could I Sign It to My Room?*

2.3. Scene II *Do you Need Separate Checks?*

2.4. Scene III *Thank You for Dining with Us*

2.5. Language Checklist

2.6. Review Exercise

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

LiveABC's (2010). *Restaurant English*, TP. HCM: NXB TP. HCM.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng sử dụng trong lĩnh vực nhà hàng.

- Kỹ năng:

Giao tiếp ứng xử chuyên biệt trong lĩnh vực nhà hàng và có liên quan đến ẩm thực.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Nhà hàng nằm trong phần học tự chọn cho sinh viên có đủ kỹ năng phục vụ trong nhà hàng đáp ứng cho công việc tương lai.

Môn học cũng nhằm rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho sinh viên khi đến dự các buổi tiệc, các cuộc giao tiếp diễn ra trong khung cảnh tiếp tân, liên hoan.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng xử lý thông tin với khách hàng và với đồng sự trong lĩnh vực nhà hàng.

4. Tài liệu tham khảo:

Robin Walker, &Keith Harding (2010). *Tourism*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỜNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Kỹ thuật

Mã môn học: KHCB156

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Kỹ thuật là môn học tự chọn thuộc nhóm môn học chuyên môn ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Kỹ thuật là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện cách sử dụng từ vựng ngành kỹ thuật trong các tình huống cụ thể, cần thiết cho công việc kỹ thuật có sử dụng tiếng Anh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Kỹ thuật sinh viên có khả năng

Trình bày vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về kỹ thuật và các ngành nghề kỹ thuật.

Trình bày được kiến thức quan trọng và các cách xử lý công việc kỹ thuật đơn giản.

Vận dụng được kiến thức quan trọng và các cách xử lý công việc kỹ thuật đơn giản.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng:

Nói được các câu đơn giản giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là công việc có liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử;

Nghe được các câu đơn giản giao tiếp trong đời sống và trong công việc đặc biệt là công việc có liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử;

Nghe và trả lời điện thoại về các công việc có liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử;

Đọc hiểu các văn bản có liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử.

Xử lý được các tình huống giao tiếp có liên quan đến đời sống và công việc có liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử.

Lập được kế hoạch trong công việc;

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và làm việc, có ý thức tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành các công việc có liên quan đến kỹ năng và kiến thức về sử dụng tiếng Anh trong ngành kỹ thuật điện và điện tử.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Hello!	3	3		
2	Unit 2 Taking a break	3	3		
3	Unit 3 Delicious	3	3		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 Solving problems	3	3		
6	Unit 5 A difficult situation	3	3		
7	Unit 6 Living	3	3		
8	Unit 7 Everyday Business	3	3		
9	Test 2	1			1
10	Unit 8 It's not working	3	3		
11	Review	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 Hello!

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Tự giới thiệu bản thân.

Nói lưu loát và chính xác các con số.

Trình bày được một số thông tin cơ bản về điện thoại thông minh.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading *Materials*

2.2. Listening *Introducing yourself*

2.3. Vocabulary *Alphabet, numerals*

2.4. Grammar *To be/ To have got*

2.5. Reading and Writing *Smartphones*

Unit 2 Taking a break

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Thực hiện các cuộc hẹn gặp về công việc

Chỉ đường thành công.

Đọc hiểu các hướng dẫn công việc, các bảng hướng dẫn an toàn trong lao động.

Thực hiện được các hướng dẫn công việc, các bảng hướng dẫn an toàn trong lao động.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading *History of structure cabling*

2.2. Listening *Going out; Making arrangements*

2.3. Vocabulary *Directions*

2.4. Grammar *The simple present. Wh-questions*

2.5. Reading and Writing *Imperative & Instructions*

2.6. Revision

Unit 3 Delicious

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Sử dụng ngôn ngữ thông dụng trong nhà hàng, quán ăn.

Trình bày được các thông tin về thiết bị điện tử xưa.

Sử dụng được các thông tin về thiết bị điện tử xưa.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading *Networks: Basic concepts*

2.2. Listening *Making polite requests at a restaurant*

2.3. Vocabulary *Food*

2.4. Grammar *The present continuous*

2.5. Reading and Writing *Early consumer electronics*

2.6. Revision

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4 Solving problems

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Thực hiện các cuộc gọi

Trình bày được thông tin về xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, về thiết kế và kỹ thuật.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading *Building telecommunication infrastructure*

2.2. Listening *Making polite requests on the phone*

2.3. Vocabulary

2.4. Grammar *The present continuous & going to*

2.5. Reading and Writing *Design and Technology*

2.6. Revision

Unit 5 A difficult situation

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 5, sinh viên có khả năng:

Nghe hiểu một câu chuyện ngắn.

Trình bày được nội dung thông tin du lịch, về các sáng chế và nhà phát minh.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading *Television*

2.2. Listening *Telling a story*

2.3. Vocabulary *Travelling, clothes*

2.4. Grammar *The simple past*

2.5. Reading and Writing *Inventions and Inventors: The World Wide Web*

2.6. Revision

Unit 6 Living

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 6, sinh viên có khả năng:

Trình bày được một quá trình sản xuất đơn giản, trình bày được về thông tin liên quan đến nhà hiện đại trong tương lai.

Trao đổi thông tin liên quan đến một quá trình sản xuất đơn giản, nhà hiện đại trong tương lai.

Đưa ra lời đề nghị có liên quan đến quá trình sản xuất.

Trình bày được về thông tin liên quan đến nhà hiện đại trong tương lai.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading *Manufacturing processes*

2.2. Listening *Exchanging information; Making and accept proposals*

2.3. Vocabulary

2.4. Grammar *The present perfect*

2.5. Reading and Writing *Houses of the future*

2.6. Revision

Unit 7 Everyday Business

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 7, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cách hỏi thuê nhà, về công nghệ LED

Sử dụng được một số từ vựng ngành điện tử.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading *Components*

2.2. Listening *Asking for information; Renting a flat*

2.3. Vocabulary

2.4. Grammar *Conditionals*

2.5. Reading and Writing *LEDs technology*

2.6. Revision

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 8 It's not working

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

Học xong Unit 8, sinh viên có khả năng:

Trình bày được các từ vựng về vấn đề công nghệ, thiết kế và môi trường; về công nghệ xử lý chất thải công nghiệp.

Sử dụng các từ vựng về công nghệ, thiết kế và môi trường, công nghệ xử lý chất thải công nghiệp ảnh hưởng đến môi trường.

2. Nội dung chương:

2.1. Reading *Design and technology; environment issues*

2.2. Listening *Exchanging ideas and making decisions*

2.3. Vocabulary

2.4. Grammar

2.5. Reading and Writing *The environment issues of electricity production*

2.6. Revision

Review

Thời gian: 4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Alma Montoya, & Benilde Bueno (2015). *Technical English Electricity and Electronics*. Cambridge: Cambridge University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng sử dụng trong lĩnh vực kỹ thuật.

- Kỹ năng:

Giao tiếp, trao đổi thông tin trong lĩnh vực kỹ thuật.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc có liên quan đến kỹ thuật trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học Technical English nằm trong phần học tự chọn cho sinh viên có đủ kỹ năng phục vụ công việc về kỹ thuật có sử dụng tiếng Anh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kỹ năng xử lý công việc kỹ thuật có sử dụng tiếng Anh.

4. Tài liệu tham khảo:

Eric H. Glendinning & John Mc Ewan (2002). *Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering*. Oxford: Oxford University Press.

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Điện thoại

Mã môn học: KHCB157

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Điện thoại là môn học tự chọn trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Điện thoại là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc hình thành kỹ năng trao đổi thông tin qua điện thoại bằng tiếng Anh.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Điện thoại sinh viên có khả năng:

Trình bày vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, ngữ điệu khi giao tiếp qua điện thoại.

Áp dụng được kiến thức quan trọng

Vận dụng được quy tắc ứng xử giao tiếp qua điện thoại.

– Kỹ năng: Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng:

Tiến hành cuộc hội thoại qua điện thoại.

Truyền đạt được đầy đủ thông tin thành công và tự tin qua điện thoại..

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực và chủ động thực hiện công việc được giao, có ý thức tự học, tự nghiên cứu nâng cao tay nghề chuyên môn. Có kỹ năng hợp tác trong làm việc nhóm và tham gia công tác xã hội và cộng đồng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1	Unit 1 Shall I put you	4	4		

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
2	through? Unit 2 Could you spell that for me?	4	4		
3	Unit 3 Let me get back to you on that	4	4		
4	Test 1	1			1
5	Unit 4 When would suit you?	4	4		
6	Unit 5 I'm very sorry about that	4	4		
7	Test 2	1			1
8	Unit 6 How does that sound?	4	4		
9	Review	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1: Shall I put you through?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 1, sinh viên có khả năng:
 Vận dụng các yếu tố cơ bản khi giao tiếp qua điện thoại.
 Giải quyết các vấn đề xảy ra khi gọi điện thoại.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Telephoning basics
- 2.2. Making excuses
- 2.3. Dealing with communication problems
- 2.4. Reading *Successful telephoning*

Unit 2: Could you spell that for me?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 2, sinh viên có khả năng:
 Trao đổi và kiểm tra thông tin, đánh vần từ qua điện thoại.
 Đọc địa chỉ thư điện tử chính xác.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Exchanging and checking information
- 2.2. Spelling over the phone
- 2.3. Saying email addresses
- 2.4. Reading *Get active with your listening*

Unit 3: Let me get back to you on that

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 3, sinh viên có khả năng:

Trình bày tính năng hộp thư thoại.

Sử dụng hộp thư thoại, để lại và lấy thông tin lời nhắn.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Voicemail greetings
- 2.2. Leaving and taking messages
- 2.3. Prepositions

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 4: When would suit you?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 4, sinh viên có khả năng:

Sắp xếp và xác nhận lại cuộc hẹn.

Thông báo thời gian và ngày hẹn

2. Nội dung chương:

- 2.1. Making and confirming arrangements
- 2.2. Saying times and dates
- 2.3. More prepositions
- 2.4. Mobile phone calls

Unit 5: I'm very sorry about that

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 5, sinh viên có khả năng:

Trình bày được cách nói các lời khuyên hỗ trợ khách hàng qua điện thoại.

Thực hiện và giải quyết khiếu nại, gọi qua đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Making and dealing with complaints
- 2.2. A technical support hotline

2.3. Tips for telephone customer care

2.4. Reading *Dealing with complaints*

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 6: How does that sound?

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài 6, sinh viên có khả năng:

Thực hiện và phản ứng các đề xuất được trao đổi

Đàm phán được các thỏa thuận qua điện thoại.

2. Nội dung chương:

2.1. Making and reacting to proposals

2.2. Reaching agreements

Review

Thời gian: 4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

David Gordon Smith (2011). *English for Telephoning*. Oxford: Oxford University Press.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng, biểu cảm khi giao tiếp qua điện thoại.

- Kỹ năng:

Giao tiếp, trao đổi thông tin, sắp xếp cuộc hẹn, trao đổi các thỏa thuận thành công qua điện thoại.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức thực hành.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Điện thoại nằm trong phần học tự chọn cho sinh viên có đủ kĩ năng phục vụ công việc tương lai.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm, cho người học Thực hành kĩ năng nghe và nói khi giao tiếp qua điện thoại.

- Đối với người học:

Tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kĩ năng sử dụng điện thoại để giải quyết công việc.

4. Tài liệu tham khảo:

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

Sylee Gore (2008). *English for Marketing & Advertising*. Cambridge: Cambridge University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe

Mã môn học: KHCB158

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 00 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

– Vị trí:

Môn học Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe là môn học tự chọn thuộc nhóm các môn học chuyên môn ngành trong chương trình giáo dục ngành Tiếng Anh Bậc Cao đẳng.

– Tính chất:

Môn học Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe là môn học thuộc khoa học xã hội, mang tính thực hành gắn liền với việc huấn luyện cách xử lý thông tin trong ngành đời sống và sức khỏe.

II. Mục tiêu môn học:

– Kiến thức:

Sau khi học xong Môn học Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe sinh viên có khả năng:

Trình bày vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp về sức khỏe, các vấn đề y khoa thông dụng, cách sống khỏe mạnh.

Sử dụng được kiến thức về sức khỏe, đời sống và sức khỏe cộng đồng.

Vận dụng được kiến thức quan trọng và quy tắc ứng xử giao tiếp trong hoạt động thuộc lĩnh vực sức khỏe và y học.

– Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất môn học này, sinh viên có khả năng:

Đọc hiểu các văn bản có liên quan đến đời sống và nghề nghiệp ngành y, bệnh viện, sức khỏe...

Nghe, nói các vấn đề liên quan sức khỏe và y tế.

Trả lời các câu hỏi phỏng vấn khi đi xin việc.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và làm việc có ý thức tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành công việc có sử dụng kỹ năng và kiến thức liên quan đến khoa học sức khỏe, tạo cơ hội thăng tiến và thành đạt trong vị trí việc làm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm Tra
1	Unit 1 It's My First Day at School	2	2		
2	Unit 2 There Are Five People in My Family	2	2		
3	Unit 3 What's Your Morning Routine Like?	2	2		
4	Unit 4 Would You Like to See a Movie Tonight?	2	2		
5	Unit 5 What Did You Do Last Weekend?	2	2		
6	Test 1	1			1
7	Unit 6 What Does He Look Like?	2	2		
8	Unit 7 What Seems to Be the Problem?	4	4		
9	Unit 8 Do You Like Sports?	2	2		
10	Unit 9 Are you Ready to Order?	2	2		
11	Unit 10 Where Is the Radiology Department?	2	2		
12	Test 2	1	1		1
13	Unit 11 Is He a Doctor?	2	2		
14	Unit 12 What Are Your Plans After Graduation?	2	2		
15	Review	4	4		
Tổng cộng		30	28	00	02

2. Nội dung chi tiết:

Unit 1 It's My First Day at School

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 1, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng có liên quan đến phần giới thiệu bản thân.

Áp dụng từ vựng trong giao tiếp cơ bản ban đầu.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	
2.3. Build-up Activities 1	Conversation 2	Substitution Drill 2
2.4. Build-up Activities 2	Listening Practice	
2.5. Reading Practice	<i>Your First Impression</i>	

Unit 2 There Are Five People in My Family Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 2, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về gia đình và sức khỏe gia đình.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hoàn thành các cuộc hội thoại ngắn có nội dung về gia đình và sức khỏe gia đình.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1
2.3. Conversation 2	Substitution Drill 2	Build-up Activities 2
2.4. Listening Practice		
2.5. Reading Practice	<i>Changing Families</i>	

Unit 3 What's Your Morning Routine Like? Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 3, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về hoạt động có liên quan đến sức khỏe cá nhân và gia đình.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hoàn thành các cuộc hội thoại ngắn về hoạt động có liên quan đến sức khỏe cá nhân và gia đình.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1
2.3. Conversation 2	Substitution Drill 2	Build-up Activities 2
2.4. Listening Practice		
2.5. Reading Practice	<i>A Fantastic Day</i>	

Unit 4 Would You Like to See a Movie Tonight?

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về hoạt động giải trí.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hoàn thành các cuộc hội thoại ngắn về hoạt động giải trí.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1
2.3. Conversation 2	Substitution Drill 2	Build-up Activities 2
2.4. Listening Practice		
2.5. Reading Practice	<i>Film Festivals</i>	

Unit 5 What Did You Do Last Weekend?

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 5, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về hoạt động cuối tuần.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hoàn thành các cuộc hội thoại ngắn về hoạt động cuối tuần của cá nhân người khác.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1
2.3. Conversation 2	Substitution Drill 2	Build-up Activities 2
2.4. Listening Practice		
2.5. Reading Practice	<i>Leisure Activities</i>	

Test 1

Thời gian: 1 giờ

Unit 6 What Does He Look Like?

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 6, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về sức khỏe cá nhân

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hoàn thành các cuộc hội thoại ngắn mô tả sức khỏe và các hoạt động giúp cho cơ thể khỏe mạnh.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1

- | | | |
|--|----------------------|-----------------------|
| 2.3. Conversation 2 | Substitution Drill 2 | Build-up Activities 2 |
| 2.4. Listening Practice | | |
| 2.5. Reading Practice <i>A Health Body</i> | | |

Unit 7 What Seems to Be the Problem?

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 7, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng mô tả bệnh.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hỏi và trả lời các câu hỏi có liên quan đến bệnh và bệnh viện.

2. Nội dung chương:

- | | | |
|--|----------------------|-----------------------|
| 2.1. Give It a Try | Vocabulary | Listening |
| 2.2. Conversation 1 | Substitution Drill 1 | Build-up Activities 1 |
| 2.3. Conversation 2 | Substitution Drill 2 | Build-up Activities 2 |
| 2.4. Listening Practice | | |
| 2.5. Reading Practice <i>Colds and Influenza</i> | | |

Unit 8 Do You Like Sports?

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 8, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về hoạt động thể thao.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hỏi và trả lời về các hoạt động thể thao.

2. Nội dung chương:

- | | | |
|---|----------------------|-----------------------|
| 2.1. Give It a Try | Vocabulary | Listening |
| 2.2. Conversation 1 | Substitution Drill 1 | Build-up Activities 1 |
| 2.3. Conversation 2 | Substitution Drill 2 | Build-up Activities 2 |
| 2.4. Listening Practice | | |
| 2.5. Reading Practice <i>Extreme Sports</i> | | |

Unit 9 Are you Ready to Order?

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 4, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng sử dụng thông dụng trong ăn uống, thực phẩm có liên quan đến sức khỏe.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để nói về ăn uống và thực phẩm an toàn cho sức khỏe.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1
2.3. Conversation 2	Substitution Drill 2	Build-up Activities 2
2.4. Listening Practice		
2.5. Reading Practice	<i>The Food Pyramid</i>	

Unit 10 Where Is the Radiology Department? Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 10, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về một số công việc của bác sĩ và bệnh viện.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hỏi đáp về bác sĩ và bệnh viện.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1
2.3. Conversation 2	Substitution Drill 2	Build-up Activities 2
2.4. Listening Practice		
2.5. Reading Practice	<i>Doctors and Hospitals</i>	

Test 2

Thời gian: 1 giờ

Unit 11 Is He a Doctor?

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 11, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về bác sĩ, bệnh viện, viện dưỡng lão, nhà tế bần.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hoàn thành các cuộc hội thoại ngắn về bác sĩ, bệnh viện, viện dưỡng lão, nhà tế bần.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1
2.3. Conversation 2	Substitution Drill 2	Build-up Activities 2
2.4. Listening Practice		
2.5. Reading Practice	<i>The History of the Hospital and Hospice</i>	

Unit 12 What Are Your Plans After Graduation? Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong Unit 12, sinh viên có khả năng:

Trình bày từ vựng về công việc có liên quan đến nghề y.

Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu để hoàn thành các cuộc hội thoại ngắn về công việc có liên quan đến nghề y.

2. Nội dung chương:

2.1. Give It a Try	Vocabulary	Listening
2.2. Conversation 1	Substitution Drill 1	Build-up Activities 1
2.3. Conversation 2	Substitution Drill 2	Build-up Activities 2
2.4. Listening Practice		
2.5. Reading Practice	<i>A First Step to Job Hunting</i>	

Review

Thời gian: 4 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học có hệ thống loa, âm thanh, sức chứa phù hợp với lượng sinh viên.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy chiếu hoặc TV, bảng, phấn, loa, tai nghe, micro.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Soh Yoon-hee (2010). *Health Science*. TP. HCM: NXB Tổng hợp TP. HCM.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

Các mẫu câu, cấu trúc ngữ pháp và từ vựng thông dụng sử dụng trong đời sống có liên quan đến sức khỏe và thông tin y học thường thức.

- Kỹ năng:

Giao tiếp, trao đổi thông tin có liên quan đến sức khỏe.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, tinh thần tự học, tự nghiên cứu để sống khỏe và phục vụ tốt các công việc trong tương lai.

2. Phương pháp:

Kiểm tra thường xuyên và cuối kì theo hình thức tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học Tiếng Anh Khoa học Sức khỏe nằm trong phần học tự chọn giúp sinh viên có kiến thức sống khoa học, sống khỏe, cung cấp một số vấn đề cơ bản về y khoa.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên, giảng viên:

Dạy theo phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trọng tâm.

Chú trọng các hoạt động và phương pháp dạy học hiện đại, sử dụng thiết bị dạy học phù hợp nội dung và tình hình thực tế của lớp.

- Đối với người học:

Sinh viên tham dự học và thảo luận, kiểm tra, theo Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP. HCM, chấp hành quy chế hiện hành của nhà trường, trung thực trong kiểm tra.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Kĩ năng xử lí thông tin về sức khỏe và đời sống hàng ngày, về cách thức, phương pháp sống có lợi cho sức khỏe.

4. Tài liệu tham khảo:

Norman Coe (2006). *Basic Oxford Practice Grammar*. Oxford: Oxford University Press.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

TP. HCM, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA